

Số 195

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

*Biết
thương mình*

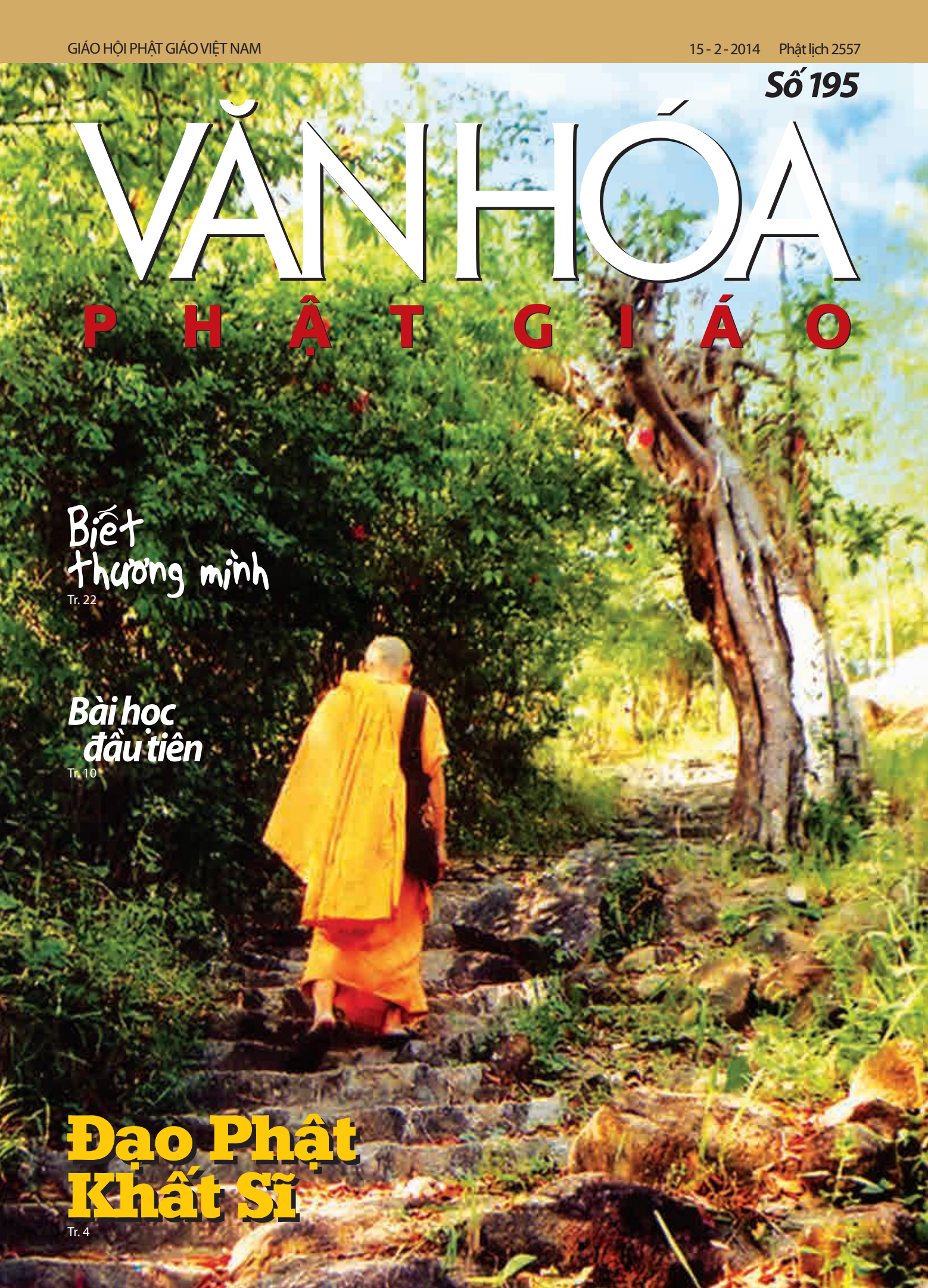
Tr. 22

*Bài học
đầu tiên*

Tr. 10

**Đạo Phật
Khất Sĩ**

Tr. 4





Vua Nhà
Xuân Đào
Nhà Thành
Ấm Công
Gia Lộc
Đình Phát
Việt Cường



TÔN HOA SEN
Mãi ấm gia đình Việt



ÔNG NHỰA HOA SEN
Đãn nguồn hàng chất



ÔNG KÈM HOA SEN
Bền vững đến tương lai

www.hoasengroup.vn * www.taosangnghilucviet.vn

**TẬP ĐOÀN HOA SEN VINH DỰ ĐÓN NHẬN
GIẢI THƯỞNG "CÔNG TY ĐƯỢC QUẢN LÝ TỐT NHẤT CHÂU Á NĂM 2014"
DO TẠP CHÍ EUROMONEY TRAO TẶNG**





Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Đạo Phật Khất sĩ (Tổ sư Minh Đăng Quang)	4
Khất sĩ (Tổ sư Minh Đăng Quang)	5
Tinh hoa Chơn lý (Tổ sư Minh Đăng Quang)	7
Bài học đầu tiên (Nguyễn Cẩn)	10
Về chiếc vạc đồng triều Nguyễn được phát hiện tại chùa Hội Thượng (Trần Văn Dũng)	14
Tết (Lê Từ Trân)	16
Thú đọc báo xuân ngày Tết (Nguyễn Thanh Vũ)	18
Tấm bia Ấn Sơn tự ký minh (Thích Đồng Dưỡng)	20
Biết thương mình (Thanh Trúc)	22
Khái niệm Ý thức trong Duy thức học (Thái Văn Anh)	26
Trì kinh (Đỗ Hồng Ngọc)	28
Hãy là ngọn đèn cho chính mình (Larry Rosenberg, Phạm Chánh Cẩn dịch)	30
Độc Cà Phê Không Đường tập 2 của Nguyễn Cẩn (Trần Tuấn Mẫn)	34
Ấn phẩm Liễu Quán ra mắt đầu xuân Giáp Ngọ 2014 (Tâm Kiên)	35
Tết bên cha mẹ già (Anh Thư)	36
... bái mai hoa (Ngô Minh)	38
Xa và gần (Lê Hải Đăng)	40
Chuyện kể về cây Di sản Việt Nam đầu tiên tại miền Tây (Song Anh)	42
Rìa-hu trong tâm thức người Khơ-me Nam bộ (Trần Phóng Diệu)	44
Làng hoa giấy Thanh Tiên và mùa xuân mơ ước (Lê Quang Kết)	46
Long mã – nét đặc trưng văn hóa tâm linh Huế (Nguyễn Văn Toàn)	48
Thơ (Nguyễn Cẩn, Nguyễn Miên Thượng, Nguyễn Dũng, Nguyễn Thanh Vũ, Phan Thành Minh, Hoàng Tá Thích, Minh Đức Triều Tâm Ảnh)	50
Người bảo vệ (Nguyễn Trọng Hoạt)	52
Thầy trò và đất đảo (Nguyễn Văn Phường)	54
Rau xanh mỉm cười (Nguyễn Nhàn)	56
Lời cảm ơn cuộc sống	57

Bìa 1: Khất sĩ vân du. Ảnh: Tư liệu của Hệ phái Khất sĩ.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Tiếp theo số báo đặc biệt mừng Xuân Giáp Ngọ 2014, đây là số báo được phát hành vào tháng đầu tiên của năm thứ mười trong quá trình phục vụ độc giả của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo. Dựa vào những dự báo về khả năng phục hồi kinh tế của đất nước trong năm nay, chúng tôi hy vọng rằng những khó khăn của VHPPG sẽ dần được khắc phục, nhờ đó, tờ báo sẽ có những hoàn cảnh tốt đẹp hơn trong việc phục vụ Đạo pháp và Dân tộc. Chúng tôi thành tâm kính chúc quý độc giả bước vào năm mới với nhiều thuận lợi trong cuộc sống, cũng là hy vọng rằng những mong ước của chúng tôi trở thành hiện thực.

Ngày 1 tháng Hai ÂL sắp tới là Đại lễ kỷ niệm sáu mươi năm sự vắng bóng của Tổ sư Minh Đăng Quang, Hệ phái Khất sĩ. Trong dịp này, chúng tôi dành một số trang báo trích đăng những giáo lý của ngài; nhân đó, tưởng nhớ đến một giai đoạn lịch sử Việt Nam sáu mươi năm về trước, vào lúc tình hình chính trị của đất nước chưa ổn định, cuộc sống người dân đầy xáo trộn, vẫn có những vị chân tu quyết tâm phổ biến đạo Phật cứu đời; trong số những vị đó, Tổ sư Minh Đăng Quang là một bậc cao tăng, sáng lập một hệ phái có đông đảo tín đồ và đến nay đã phát triển bền vững trong lòng Giáo hội Phật giáo Việt Nam, thực sự có những đóng góp trong việc hoằng truyền giáo lý Từ bi và Trí tuệ của Đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Năm Giáp Ngọ 2014 là năm của niềm tin và hy vọng. Cầu chúc đất nước thanh bình thịnh vượng, dân tộc an vui, Giáo hội phát triển. Kính chúc toàn thể quý độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu thân tâm thường lạc.

Văn Hóa Phật Giáo





**Phàm pháp gì đã sanh ra
rồi cũng phải diệt.**

Kinh Đại bốn – Trường Bộ

Ảnh: Diệu Vy

Đạo Phật Khất sĩ

TỔ SƯ MINH ĐĂNG QUANG (HỆ PHÁI KHẮT SĨ)

Đạo Phật là con đường đi đến quả Phật giác chơn. Con đường ấy là Khất sĩ. Họ của chư Phật ba đời là Khất sĩ, Khất sĩ là lẽ thật của chúng sanh, mục đích của chúng sanh. Khất sĩ là đến với giác chơn, toàn học biết sáng tự nhiên, hết mê lầm vọng động. Khất là xin, sĩ là học, sống là xin, ai ai cũng là đang sống xin, để cho được cái học cái biết, xin sống là để cho nên cái biết, biết ấy là học, cho biết lẽ thật, để lấy ra mục đích đang thật hành theo, cho được sự giải thoát khổ não của vô thường, và tạo nên cái ta của ta an vui bền thật, hầu tránh xa sự nô lệ không công, tham sân si vô nghĩa lý.

Đạo Phật không phải là Phật học hay Phật pháp. Vì Phật pháp là giáo lý giác ngộ phương tiện tùy duyên, của Phật dạy cho mỗi chúng sanh khác nhau, còn học Phật là kẻ đang học giáo lý của Phật mà chưa thật hành. Trái lại, đạo Phật là sự thật hành để thành Phật, là sự tu

giống y theo Phật! Con đường ấy là Khất sĩ, là Tăng, là đệ tử Phật sau này, là giới luật y bát chơn truyền vậy.

Phật là ông thầy biết sáng, chỉ chăm dạy học cho tất cả ai ai kẻ khổ sở lầm mê, mà không cần phân biệt kẻ đó là con của ai, có cha mẹ hữu thần hay không cha mẹ vô thần chi cả. Ngài cũng không bảo ai làm hoặc không làm, hữu vi hoặc vô vi, vì chúng sanh sự sống chết là đổi thay bộ áo ghế ngồi, như vậy thì cũng như không có sống chết, mà là chỉ có cái khổ của biết lạc lầm mê muội mỗi lúc mỗi mãi, là cái khổ mà sống cũng khổ, chết cũng khổ; khổ là đáng sợ hơn hết, đáng sợ hơn cả cái chết, bởi cái chết là không ai tránh khỏi kia được. Mà chúng sanh khổ là bởi chưa biết, biết lạc lầm mê muội đốt nát, như đi đêm, không có mục đích, không biết căn nguyên cội nguồn lẽ thật. Kia như con người ở đời kẻ dốt là phải làm việc nhọc công vô ích sức lực không đâu, chớ kẻ trí thực học nhiều tính ra, là đâu có chi khổ bận. Và họ là bao giờ cũng giải thoát, đứng ra ngoài sự vật, ngoài lại nhìn xem, chớ không ưa chịu sự trôi mình nô lệ vô lý mãi như trăm họ, để phải chịu nghèo giàu, các Ngài chẳng màng ngó đến sự giàu nghèo vinh nhục.

Thế thì đời của những bậc giác ngộ là Khất sĩ, là khách, là Tăng, là tu học, sống để tu học, sống để mà biết, sống tạm để cho được cái biết ngày mai, chớ không có chi hiện tại, thì hữu thần, vô thần, hay hữu vi, vô vi, hoặc nghèo giàu sống chết đối với họ là vô lý, vì trước khi sanh và sau khi chết, hay thật ra trong mỗi lúc, chúng sanh đang là cái biết trong vô trụ tự nhiên yên lặng tối đen, không không lẽ thật. Họ sẽ từ trong bánh xe lăn xoay của tứ đại sanh ra, và sẽ vượt lên bay bổng, ở không trung sống mãi, bằng cái biết không xao vọng, không còn trở lại chun xuống bánh xe, để phải nhào lặn như tứ đại vô tri kia nữa. Các Ngài không còn lầm nhận cái ta, của ta là tứ đại.

Con đường tiến của sống để đến biết nghỉ yên vĩnh viễn ấy, tức là đạo Phật, là Khất sĩ, và tất cả chúng sanh là Đoàn Du tăng Khất sĩ.

Đúng lý như vậy, ai ai khá hay giác ngộ tự mình đi lấy, chớ nên ỷ lại và nô lệ! Kia Phật xưa còn bỏ đền vua, bởi lẽ không ta của ta, chúng ta ngày nay há sao khổ não bởi vô thường rộn nhọc... ■

Nguồn: Chơn Lý (toàn tập), Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hệ phái Khất sĩ, Thành hội Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh, 1993.



Ảnh Tổ sư Minh Đăng Quang



**Tổ sư Minh Đăng Quang
và đoàn Khất sĩ.**

Khất sĩ

TỔ SƯ MINH ĐĂNG QUANG (HỆ PHÁI KHẤT SĨ)

Chánh Phật là Vô thượng sĩ, là ông thầy giáo có sự học không ai hơn! Còn Tăng là Khất sĩ, là học trò đang đi du học khắp nơi cùng xứ; học nơi thầy, nơi bạn, nơi trò; học với tất cả chúng sanh, vạn vật, các pháp; học với Phật Pháp Tăng ba đời; học từ xóm làng tỉnh xứ đến khắp các xã hội, thế giới chúng sanh; học nơi chữ viết, nghe lời nói; học bằng lo lắng nghĩ ngợi; học nơi sự thật hành; học nơi cỏ, cây, thú, người, trời...

... Muốn học, không phải ở một chỗ, mà cần phải bước lên đi tới, phải đi theo thời duyên cảnh ngộ, của nước gió không ngừng chớ dừng cố cưỡng. Vì chính sự ở một chỗ, giữ một bài, một lớp là khổ não, vô minh, si mê thất học. Càng đứng ngồi nằm một chỗ, càng thấy nóng nảy sân hờn, và lại bụi lấp xấu dơ, tham lam đen nặng. Vậy muốn được học, nếu là kẻ thật học, thì phải ra người Khất sĩ khó hèn, để hạ lòng tự cao dốt nát, đặng rèn nuôi chí nhẫn, và thông thả học hành, ngao du thiên hạ. Vừa là tự mình đi tới, và dắt lẫn kẻ khác cùng theo, cho đúng theo lẽ trước sau thời gian khách tạm vô thường vô ngã...

... Tiếng "Khất" có nghĩa là xin, lễ xin là chơn lý của

vô trụ, mà chúng sanh, kẻ thì xin vạn vật để nuôi thân, người thì xin các pháp để nuôi trí. Ai ai cũng đều là kẻ xin cả thầy, hoặc đi xin, hoặc đứng xin, hoặc ngồi xin, hoặc nằm xin, hoặc ở một chỗ xin, hoặc đi cùng khắp xứ xin. Xin cái ác, xin điều thiện; xin quả người trời Phật; xin vật chất, xin tinh thần; xin địa ngục, nạ quỷ, súc sanh... Đất xin nước, đất mới sống khỏi chết khô; cỏ cây xin đất nước mới sanh chồi mọc nhánh. Thú xin đất nước cỏ cây, mới có đi chạy. Người xin thú cỏ cây đất nước lửa gió mới có nói làm. Trời xin người thú cỏ cây tứ đại, mới sanh thức trí...

... Chính sự xin Pháp bảo để ăn, xin lòng tốt của người để sống, xin vật thiện để dùng, cái xin ấy mới ích lợi cho đời hơn hết, thiện chớ không phải ác... Tất cả chúng sanh, ai cũng là thiếu sót những cái cần xin, dầu nhiều dầu ít, đều phải xin lẫn nhau trong hàng ngày.

... Giáo lý ăn xin để dứt bỏ cái ta độc ác khổ não mà sống theo lẽ vô thường, tiến hóa như vậy: Ta sống giúp cho tất cả, và tất cả sống giúp cho ta, như là một thân thể to lớn liên lạc, như bàn tay làm việc chùi lau cho cả cơ thể, chớ nó không tự rờ rẫm săn sóc lấy nó được; con mắt ngó xem ra khắp nơi, mà không hay thấy nó; miệng ăn cho bao tử nuôi thân, chớ chẳng bao giờ giữ lại miếng

ăn nơi mồm ngậm... Nghĩa là cả cơ thể đều làm việc cho nhau, sống cho nhau, nếu một bộ phận đứt riêng rời là khắp nơi đau đớn, và lần hồi chết hết...

... Chỉ có Khất sĩ là kẻ xin bằng tâm, cái xin cao thượng trong sạch hơn hết, tự người hảo tâm cho chứ không điều ép buộc. Khất sĩ đi xin để răn lòng tội lỗi. Đi xin để đền nghiệp cũ, đừng sớm nghĩ ngơi, mau hết vốn lời. Đi xin để nhịn nhường bố thí của cải lại cho chúng sanh. Đi xin để làm gương nhơn quả tội lỗi cho chúng sanh ngừa tránh. Đi xin để có thì giờ ăn học. Đi xin để giáo hóa chúng sanh. Đi xin để không tự cao đốt nết, danh lợi sắc tài. Đi xin để giải thoát phiền não, và để un đúc tâm hồn, rèn luyện chí hướng, tập sửa bản năng. Có đi xin mới có từ bi hỷ xả, trí huệ thông minh, cõi lòng mát dịu, rộng mở bao la, lặng yên sạch sẽ. Có đi xin ăn học mới là thiện, kẻ không đi xin thất học là không thiện. Người đi xin ăn học, quý hơn kẻ ở học một chỗ, học có người nuôi, thiện hơn là người tự nói làm ác quấy để ăn học. Có đi xin mới học được chơn lý, là môn học quý nhất, hơn các lối học khác mênh mông. Chỉ có chơn lý mới là đường đi ngay, mới tạo nên người thật học, được học đúng đắn vĩnh viễn.

... Khất sĩ đi xin ăn mà chẳng than van, không có gì hết mà chẳng than nghèo; đầu trần chân không, đội trời đạp đất, sương màn cỏ chiếu mà chẳng bao giờ chán nản. Khất sĩ khuyên lơn người giàu, an ủi người nghèo, làm gương không không, tránh khổ cho người giác ngộ. Khất sĩ cảm hóa kẻ ác, dạy dỗ người thiện, để dấu hoa sen không ô nhiễm vào nơi trí óc tâm người, vạch hàng chữ đạo nơi cửa ngõ đường đi, khoe sự tốt đẹp của giới hạnh, nhắc nhở sự yên úy đến cho người.

... Giữa cõi đời ly loạn, giữa đêm mờ tối, đầy thú dữ quỷ ma, thì Khất sĩ là kẻ dẫn đường sanh lộ cứu người giải thoát. Thần vật chất, ma cám dỗ, quỷ dọa nạt không bao giờ hại được người Khất sĩ, bởi Khất sĩ ví như kẻ già, đui điếc, ngọng câm, nghệt hơi, nên không còn biết gì lo sợ.

... Có ăn xin mới dứt được cái ăn ác tà trong vạn kiếp. Có ăn xin mới chỉ rõ lỗi được kẻ gian hung. Có ăn xin mới ra người lương thiện, mà kẻ đời thường gọi rằng: Văn thiện ngôn tắc bá, kiến thiện sĩ tắc cung. Chỉ có Khất sĩ mới là trung đạo giữa vua quan giàu sang với tôi dân nghèo khó. Khất sĩ không phải đốt nết mê muội, ác hung tà xảo như người khất cái. Bởi khất cái là hạng mặt lưu, còn Khất sĩ là bậc tối thượng vô song, vậy nên dầu những ai có hành được chơn lý một hai ngày, thì cũng khá hơn là người còn nhiều tội nghiệp.

... Trong đời khốn khổ, Khất sĩ là bậc đại hiền, như cây cao bóng mát. Giáo lý Khất sĩ như tàu bè, xe cộ, cứu vớt chở chuyên, chúng sanh bao nhiêu cũng không chìm nặng. Lời nói của Khất sĩ như nước ao trong mát, như rỗng phun rưới mưa hoa. Đạo của Khất sĩ như bờ đê ngăn nước, như vách tường, núi đá, biển to sóng rộng. Tâm của Khất sĩ như mặt nước phẳng bằng. Ý

của Khất sĩ như nước loãng nhẹ lưu thông, dầu ai có mức tát đi đâu, thì ý nước bao giờ cũng trở về với nước. Tánh của Khất sĩ là nước sạch mát trong, là lòng quân tử. Chính sự xin ăn để tu cùng học, bốn biển làm nhà, chín châu lập nghiệp, mới phải là đạo người quân tử tượng phu.

Đạo Khất sĩ không phải là mới, nói cho đúng: ai ai cũng là Khất sĩ cả thầy.

... Khất sĩ cũng như một ông thầy giáo dạy học cho bá tánh, chẳng lãnh tiền lương, dầu dạy ít dạy nhiều, không hề kể công so của, quý nhứt là gương hiền đạo đức, gương giới hạnh, gương từ bi đại lượng ở đời.

... Đạo Khất sĩ là chơn lý Chánh pháp của trường võ trụ, là đạo Bát chánh Niết-bàn, không bậc hiền thánh nào dám khinh rẻ, không kẻ quỷ ma nào được thâu đạt, chánh giáo cao siêu hơn hết. Kẻ hành đúng sẽ thành Phật. Người hành trật sẽ làm ma. Thật là quý nhứt trong đời. ■

Nguồn: Chơn lý Khất sĩ, Chơn Lý tập 1, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hệ phái Khất sĩ, Nhà Xuất bản Tôn Giáo, Hà Nội 2004



Ảnh Tổ sư.

Trích Tinh hoa Thiền lý

TỔ SƯ MINH ĐĂNG QUANG (HỆ PHÁI KHÁT SĨ)

Người mà giác ngộ chơn lý mới biết đường đi, đi tới cảnh cao siêu tốt đẹp của tâm hồn, vĩnh viễn, chắc thiết, yên vui; mới gọi ta, của ta, mới có lý nghĩa, mới là ích lợi. Hết mê lầm. Không loạn vọng. Không sờ chấp chi nữa hết.

Chơn lý Vô Trụ Quan

Quan hệ nhứt là chữ ái chia tẻ hai đường: Người đứng trên chữ ái là chư Phật, kẻ nằm dưới chữ ái là chúng sanh. Điều đó đáng cho chúng ta thận trọng.

Chơn lý Thập Nhị Nhân Duyên

Người tà kiến thì đi sâu vào trong chốn khổ mịt mờ đen tối; nếu quay trở lại chánh kiến tức nhiên giải thoát, xán lạn vui tươi.

Chơn lý Bát Chánh Đạo

Đạo chánh là bởi thiện lành, không ác quấy. Ấn chứng của đạo là sự vui tươi, không khổ nhọc.

Chơn lý Bát Chánh Đạo

Có giữ giới vạn vật mới tốt đẹp. Có thiền định chúng sanh mới sống đời. Có trí huệ các pháp mới trọn lành trong sạch.

Chơn lý Có Và Không

Kẻ giác ngộ chơn như rồi thì giải thoát ra khỏi tất cả sờ chấp không còn giả vọng nên gọi là chơn như toàn giác trọn sáng trọn lành.

Chơn lý Có Và Không

Pháp bảo là thầy của Phật, là thầy của Tăng và chúng sanh. Vậy nên chúng ta mau mở trí ra mà chứa đựng Pháp bảo. Vì trong đời, Pháp bảo là quý hơn hết.

Chơn lý Có Và Không

Kẻ thiện lành dầu tâm cũng biết nói, nói lời lành ai cũng mến. Kẻ ác dầu học giỏi cũng như tâm, vì nói chẳng ai nghe.

Chơn lý Sanh Và Tử

Lòng thương có cao có thấp, có sạch có dơ, có trúng có trật. Thương ngay thẳng là đến Niết-bàn sống mãi, thương tà vạy là sa địa ngục diệt vọng.

Chơn lý Nam Và Nữ

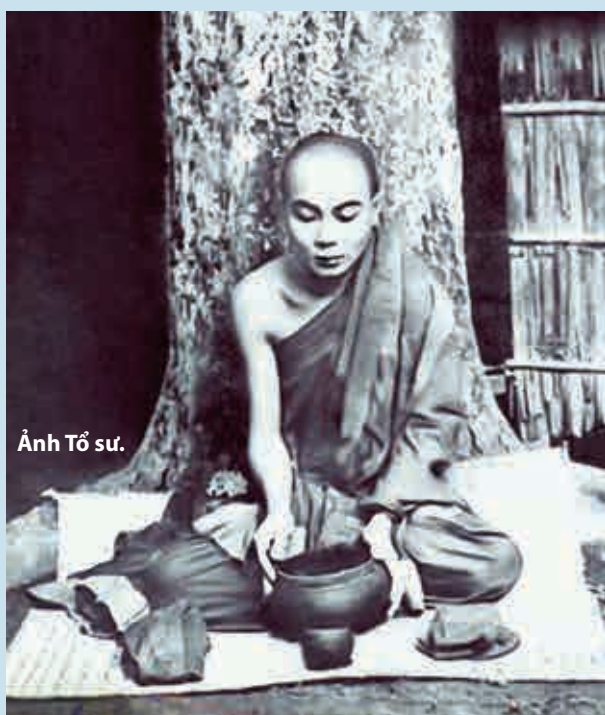
Tài thí pháp thí dung hòa nuôi đạo, là phận sự của tất cả, đừng ai chia sẻ mà bị đốn đau, và phải biết kính trọng đạo. Vậy nên Tăng không xin, mà tự cư gia phải lo bố thí, cư gia không hỏi mà tự Tăng phải tìm dạy.

Chơn lý Chánh Đăng Chánh Giác

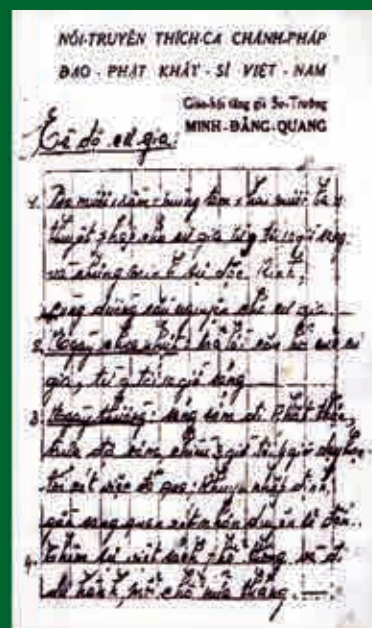
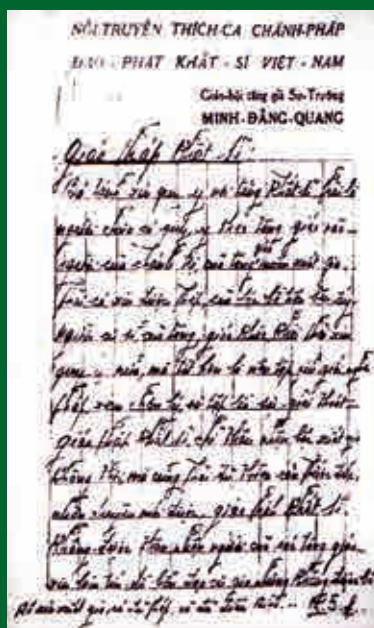
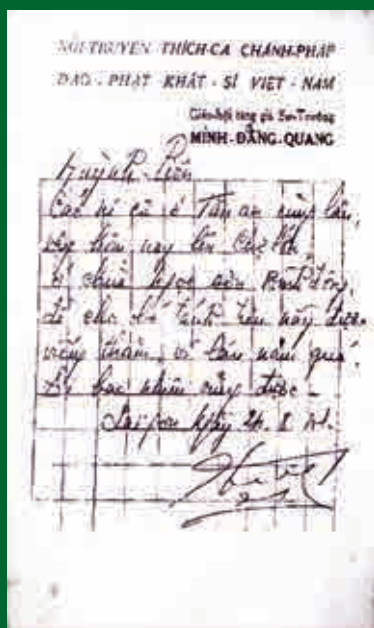
Ấy vậy chúng ta nên hiểu rằng: Người tội sanh pháp luật chớ không phải pháp luật sanh người tội. Pháp luật cai trị kẻ ác chớ không phải áp chế người hiền. Luật pháp để đem người ác đến chỗ hiền. Muốn cho người hiền và kẻ hiền rồi thì phải lo tu học, tìm hiểu công lý lẽ thật, đặt đến chỗ yên vui cực lạc, chớ khá tự cao đứng hoài mỗi căng, sa ngã té rớt xuống hố ác khốn họa không nên vậy.

Chơn lý Công Lý Vô Trụ

Biết quý báu hơn không biết, có biết mới hết mê lầm chấp trật, khổ sở nạn tai... Chính biết là ta, là mục



Ảnh Tổ sư.



Di bút của Tổ sư.

đích của chúng sanh, là chơn lý của cuộc đời, là tinh ba của vũ trụ.

Chơn lý Khất Sĩ

Nếu tham sân si không diệt, thì người ta với cỏ cây thú có khác chi nhau.

Chơn lý Khất Sĩ

Người mà không học như mù đôi mắt, như xác chết không hồn, dầu mà có bị lửa đốt co ngoe, cử động như nói, như ăn, như đi, như làm đi nữa, thì kẻ ấy có khác nào hình đất khúc cây, nào có biết chi vui hay mùi vị của cái sống.

Chơn lý Khất Sĩ

Nếu là ta sống có ích cho người, thì người khác họ cũng sẽ sống có ích lợi lại cho ta.

Chơn lý Y Bát Chơn Truyền

Người có định thì thân khẩu ý mới trong sạch, tuy ít nói mà nói hay, tuy ít làm mà làm nên, tuy ít nhớ mà nhớ phải, là được kết quả yên vui biết bao nhiêu!

Chơn lý Nhập Định

Chẳng phải là sự học giỏi thông minh mà thành công. Người ta dầu học bậc nào, nhưng nếu ác, thì oan trái nặng nề, bắt buộc phá hại, đốc xúi kéo lôi, dễ gì tự chủ mà hồng làm nên kết quả.

Chơn lý Cư Sĩ

Bước chân vào cõi đời gian nguy, người cư sĩ phải cần đem theo giới định huệ. Vì không thể nào với cái tham sân si mà được sống đời nên công kết quả cho được.

Chơn lý Cư Sĩ

Hột giống thú là: thân khẩu ý ác. Hột giống người là: thân khẩu ý nhơn. Hột giống Trời là: thân khẩu ý thiện. Hột giống Phật là: thân khẩu ý chơn.

Chơn lý Tâm

Người chơn thật ai cũng kính yêu. Kẻ vọng giả nhiều người khinh bỉ.

Chơn lý Tâm

Người ta thường tắm mưa, nước rót trên đầu không sao, chớ đất rót trên đầu thì ai cũng phải bị hại. Cũng giống như vậy, lời đạo đức từ trên dạy xuống thì ai cũng nên, lời ác trực đề dạy thì ai cũng phải khốn lụy.

Chơn lý Tánh Thủy

Một kiếp tu hành, ngàn đời rảnh khổ; một thời ngộ đạo, vạn thuở an vui.

Chơn lý Học Chơn Lý

Chơn lý như mặt trời, pháp lý như đèn sao, thể sự như hương tối. Vậy nên cái học của chúng ta là học chơn lý; thấu chơn lý mới gọi là thật học.

Chơn lý Học Chơn Lý

Tất cả các pháp là để đến với Hoa Nghiêm. Tất cả giáo lý là để đến với chơn như. Tất cả sự học là để đến với chơn lý.

Chơn lý Học Chơn Lý

Lời nói của người tu ví như hoa sen, việc làm của người tu ví như lá sen, ý niệm của người tu ví như gương sen, cả thấy các pháp đều ở trên cao không trung, và không còn phải ô nhiễm nước bùn theo thể sự.

Chơn lý Trên Mặt Nước

Pháp tự nó vốn đâu có hưng hay diệt mà diệt là chỉ tại nơi người làm diệt đó thôi!... Người tà chớ đâu phải đạo không chánh, người diệt chớ đâu phải pháp không hưng.

Chơn lý Chánh Pháp

Cõi Niết-bàn là lòng từ bi bình đẳng, tất cả chúng sanh chung, là sự trong sạch không nhơ uế, là sự sáng lạng của trí huệ, là sự yên lặng của tâm chơn, chớ không phải ở đâu cả.

Chơn lý Tam Giáo

Ngày xưa ít học mà nên nhiều, ngày nay học nhiều mà nên ít, là cũng bởi trọng học tài, quên tu đức.

Chơn lý Tông Giáo

Phép linh là phụ thuộc, chỉ có trí huệ, tâm chơn mới thật là của cải.

Chơn lý Thần Mật

Tâm Niết-bàn yên hơn cảnh Niết-bàn, trí thiên đường vui hơn cảnh thiên đường, thân địa ngục khổ hơn là cảnh địa ngục, vì cảnh ngoài dễ mau dời đổi, chớ cảnh trong thì khó lâu dời đổi đặng. Vì thế nên kẻ đã giác ngộ rồi, thì không chăm chú những việc bên ngoài kia nữa.

Chơn lý Giác Ngộ

Chúng ta nên phải tự mình biết ghê sợ tội lỗi, hổ thẹn tội lỗi, và dứt trừ tội lỗi của chính mình, tốt hơn là để người chế trị.

Chơn lý Giác Ngộ

Người ở đời nếu không tu thì khó sống an vui, mà tu sai phép thì lại càng khó sống an vui hơn nữa.

Chơn lý Khuyển Tu

Khi chúng ta bị người đánh đập, thì chúng ta vội đánh lại họ, mà chẳng chịu tự đánh lấy cái nết hạnh xấu xa, không nghiêm chỉnh của mình.

Chơn lý Đi Tu

Tài học sao cho bằng đức hạnh. Đức hạnh mới được bền dài cao quý hơn.

Chơn lý Đi Tu

Đạo là con đường của tất cả chúng sanh, mỗi người tự đi, chớ không có Tên Đạo gì cả; giáo là sự dạy học để tu hành, chớ không có phải Tôn Giáo gì cả; và phải là sự làm việc giúp ích lợi chung cho nhau, chớ không phải Phái gì cả.

Chơn lý Trường Đạo Lý

Trong đời nếu chúng ta mà tự biết chê mình chỗ sai quấy, và biết khen tán việc tốt phải của người, thì quý

báu lắm; cũng như ai biết hy sinh mình, để giúp cho kẻ khác nên thì người ấy tức là bậc Thánh nhơn.

Chơn lý Con Sư Tử

Ở trong đời, ta nhịn đói một buổi không sao; chớ tham ác thì trong một giờ, phải chết khổ sớm vậy.

Chơn lý Vị Hung Thần

Có không tham vọng, tâm ta mới no đủ, có không sân si, tình thần mới sáng lạng mát mẻ trong sạch. Thần khẩu ý không vọng động thì tâm hồn mới an trụ vững cỏi.

Chơn lý Phật Tánh

Khất sĩ là giải thoát trói buộc phiền não vô minh vọng động để sống bằng chơn như trí huệ, an lạc thông thả rảnh rang, không còn tạo nghiệp, thì luân hồi sanh tử khổ mới đặng dứt.

Chơn lý Phật Tánh

Thấy tánh thành Phật! Mà thấy tánh là thấy cái chơn như, không vọng động, thấy cái giải thoát các pháp, các sở chấp, do sự giác ngộ trí huệ là Phật của mình, chớ chẳng phải bằng nói, nghe, chữ viết, suy gẫm tưởng tượng.

Chơn lý Phật Tánh

Học là để tu, chớ không phải học là để học mà sanh lòng ngạo mạn.

Chơn lý Học Để Tu

Những ai muốn bỏ phàm làm thánh, trau đạo bỏ đời, thì phải nên cần "học để tu"; khi tu là phải xem mình như đốt nát, lơ lơ đường ám độn, đối với ai cũng phải nên chịu sự sút kém nhẫn nhường. Có như thế mới đặng chường trau đức hạnh.

Chơn lý Học Để Tu

Đạo Phật là con đường giác ngộ của người giác ngộ, của chúng sanh chung.

Chơn lý Đạo Phật

Nếu thái quá thì có ngày bất cập. Sao cho bằng sự thường bền là tốt hay hơn. Đạo là mực trung, lợi ích cho cả ta và người mới phải.

Chơn lý Thờ Phụng

Đạo Phật khi hẹp thì phải mở rộng, và khi rộng là phải thu hẹp, rộng hẹp phải biết tùy duyên mới gọi là phương tiện thiện xảo của trí huệ Phật.

Chơn lý Thờ Phụng ■

Nguồn: Ánh Minh Quang, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hệ phái Khất sĩ, Nhà Xuất bản TP.Hồ Chí Minh, 2008.

Bài học đầu tiên

NGUYỄN CĂN

Khi bảo mẫu thành ác mẫu

Giữa tháng 12-2013, dư luận cả nước xôn xao trước vụ cư xử thô bạo đối với trẻ em xảy ra tại Trường Mầm non tư thục Phương Anh ở quận Thủ Đức, TP.HCM. Đây không phải lần đầu và có lẽ cũng chưa phải là lần cuối. Cách đây mấy năm, dư luận đã bàng hoàng trước một đoạn phim video quay được tại cơ sở trông trẻ tư nhân của bà Quảng Thị Kim Hoa ở TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Cứ ngỡ hành động phi nhân tính ấy đã vĩnh viễn lùi xa thì lại xảy ra vụ hành hung trẻ em một cách tàn tệ ngay tại TP.HCM. Vụ việc đã được ngành tư pháp thụ lý, và sáng ngày 20-1-2014, phiên tòa lưu động xét xử vụ án ở cơ sở Phương Anh đã diễn ra tại Nhà Thiếu nhi quận Thủ Đức. Hai bị cáo bị tuyên án ba năm tù, mức cao nhất theo đề nghị của Viện Kiểm sát. Nhìn hai gương mặt trẻ trung - một người 31 tuổi, người kia mới 18 tuổi - bị kết án, người ta không thể không đặt câu hỏi: Do đâu và tại sao họ lại tàn nhẫn đến như vậy? Họ là phụ nữ, từng là con và có người đã làm mẹ. Trái tim mẹ vốn bao la và nhân hậu sao lại suy đồi đến mức độ ác mẫu như thế? Họ sẽ nghĩ gì nếu như có một ai đó hành hạ con họ như họ đã làm? Và phải chăng bản án của họ có thể góp phần làm chấm dứt mọi hành vi tương tự? Nhiều người đã khóc khi xem đoạn phim mô tả hành vi của những người bị kết án cũng như khi dự phiên tòa, vì họ nghĩ đến tình cảnh bơ vơ chung của trẻ thơ nhà nghèo thiếu điểm tựa khi vào đời! Người dân tự hỏi: Điều gì đang xảy ra vậy? Kẻ độc ác thì mọi nơi, mọi thời đại đều có, nhưng hành xử man rợ với trẻ em, những “nụ đời” mới nở, thì không phải lúc nào cũng diễn ra với tần số phổ biến như vậy!

Khi lương y thành “bảo mẫu”

Trước đó không lâu, vào tháng 10-2013, dư luận cả nước cũng bị chấn động trước vụ một vị bác sĩ khoa ngoại thuộc Bệnh viện Bạch Mai, trong vai trò Giám đốc

thẩm mỹ viện Cát Tường ở quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, đã làm chết bệnh nhân rồi vớt xác xuống sông Hồng để phi tang. Vị bác sĩ này từng là sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc tại Đại học Y Hà Nội, hiện đã có bằng thạc sĩ và đang tiếp tục làm luận án tiến sĩ. Bình luận về sự việc, Phó Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Đức Hình, Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội cho biết ông đã bàng hoàng và xót xa khi được tin sinh viên của trường lại có hành động như vậy. Ông khẳng định rằng việc giảng dạy về y đức cho sinh viên tại trường đã được tiến hành có bài bản. Ngay từ khi nhập trường, sinh viên đã được học lời thề Hippocrates, học tấm gương Hải Thượng Lãn Ông, thuộc lòng mười hai điều Y đức Việt Nam, nghiên cứu các quy định của Bộ Y tế về đạo đức của người thầy thuốc... Trước đây đạo đức y tế được dạy lồng ghép trong các môn học như tổ chức y tế, đạo đức y học; nhưng từ năm 2010 bộ môn này được chú trọng, nhà trường đã tách ra thành môn độc lập với tên gọi Y xã hội học và Y đức.

Sự vụ ở thẩm mỹ viện Cát Tường đã hâm nóng lại những thông tin liên quan đến trẻ sơ sinh tử vong vì bị tiêm nhầm thuốc hay sản phụ chết oan khi không được chăm sóc kịp thời; đến nỗi đã có không ít lời lên án nặng nề trong cộng đồng mạng “*Làm sao có thể chấp nhận lời thỉnh cầu của Bộ trưởng Bộ Y tế đây, khi đã có nhiều sản phụ bị chết oan, có bao nhiêu sự đau đớn, khổ khổ của các bệnh nhân vì không lo đủ phong bì cho y bác sĩ. Lại còn những vụ cán bộ ngành y câu kết với người bán thuốc để kê đơn bừa bãi nhằm tư lợi... Sự thiếu trách nhiệm của ngành y tế dẫn đến bao nhiêu sửa công thức nhập ngoại biến thành thực phẩm chức năng, rồi tăng giá vù vù nhằm tư lợi gây khổ cho bao nhiêu cháu nhỏ sơ sinh Việt Nam...???*” (VN Express).

Khi nhân viên công lực cũng thành “bảo mẫu”

Ngày càng nhiều những vụ việc hành xử mang

khuyñh hướng bạo lực. Một vài ví dụ: Ngày 13-11-2013, Công an tỉnh Gia Lai cho biết vừa có quyết định kỷ luật giáng cấp ông Bùi Văn Duy từ trung úy xuống thiếu úy vì tham gia đánh Nguyễn Thế Chung (trú xã Kim Tân, H.la Pa, Gia Lai) gây thương tích 4%. Ngày 7-12-2013, ông Nguyễn Văn Quý, Chủ tịch UBND phường 25, quận Bình Thạnh, TP.HCM cho biết sẽ xử lý vụ việc nghiêm túc vụ việc xảy ra trên địa bàn phường, khi nhân viên dân phòng đánh anh Trịnh Xuân Tình (34 tuổi, quê Thanh Hóa) bán trái cây dạo tại khu vực chợ Văn Thánh cũ phải nhập viện. Ngày 9-12-2013, công an tỉnh Đắk Lắk đã khởi tố, bắt tạm giam bốn tháng đối với Trương Trung Hiếu và Y Phiên Adrơng (công an viên của Công an xã Ea Bhok, huyện Cư Kuin, Đak Lak) về tội giết người; nghi ngờ anh Y Kết ăn trộm bò, 2 công an xã Trương Trung Hiếu và Y Phiên Adrơng đã có hành vi đánh đập anh Y Kết đến chết

Và còn nhiều vụ việc tương tự như thế...

Bài học đầu tiên

Nếu hình ảnh bảo mẫu chỉ là các cô trong vụ trường mầm non tư thục Phương Anh thì chúng ta không lấy làm lạ về thái độ ông dân phòng hay ông bác sĩ, vì...

Bài học đầu đời mà các em được học là sự thô bạo đến mức nghiệt ngã của những bảo mẫu. Tiếng khóc của các em có đánh thức lương tri của ai trong chúng ta không? Có người đã từng nói: "Muốn biết trình độ văn minh của một xã hội nào, chỉ cần nhìn vào cách họ đối xử với trẻ thơ và người già là có thể đánh giá được". Nếu những đứa trẻ bị đối xử thô bạo ấy là con em chúng ta thì sao? Hãy thử đặt mình vào vai trò ấy và thử cảm nhận nỗi đau của người làm cha làm mẹ! Đó là hành vi man rợ, thiếu tính người vì sẽ tạo những vết sẹo tâm hồn (emotional scars) rất khó nguôi quên khi trưởng thành, theo các nhà tâm lý giáo dục. Đó không chỉ là những cái tát vào má trẻ thơ mà tát vào sự thờ ơ với bậc giáo dục mầm non của toàn xã hội, cái tát vào những người quản lý địa phương chưa quan tâm đến chuyện xảy ra trong phạm vi trách nhiệm của mình!

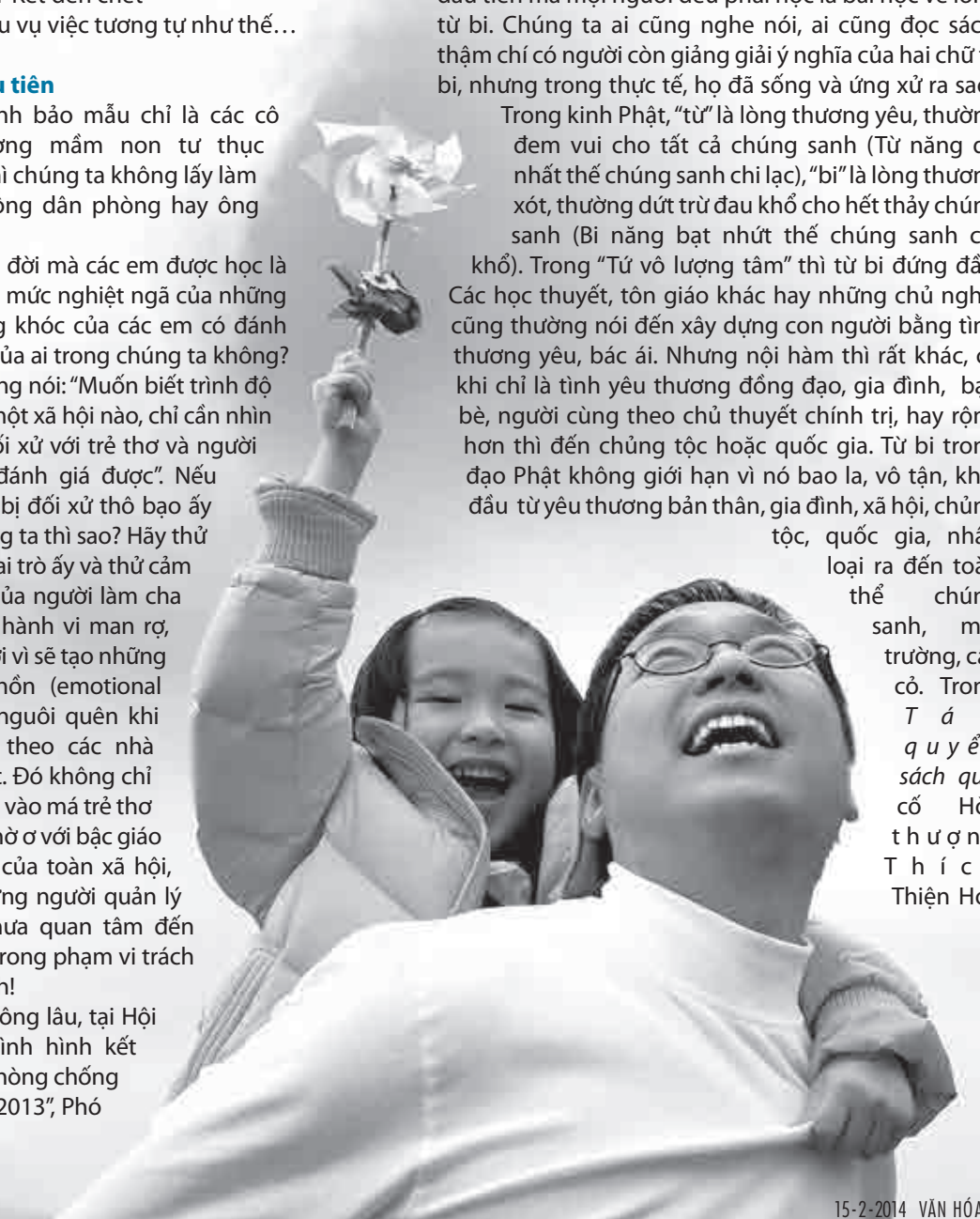
Cách đây không lâu, tại Hội nghị "Sơ kết tình hình kết quả công tác phòng chống tội phạm năm 2013", Phó

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã chỉ đạo "Tội phạm xảy ra ở địa phương, có nhiều nơi cán bộ biết rõ mà bỏ qua, bảo kê, tiếp tay cho tội phạm... Do đó nơi nào để cho tội phạm lộng hành, cán bộ cấp ủy phụ trách công an phải chịu trách nhiệm". Xét về trường hợp của những bảo mẫu, bác sĩ như được nêu ở trên, trước khi tội ác xảy ra, hành vi của họ cũng là phạm pháp, hoàn toàn có thể bị truy cứu hình sự được; và nếu các địa phương làm đúng chức trách của mình, thì các sự kiện bi thảm trên đã có thể bị ngăn chặn. Có như thế, những vị lãnh đạo nơi này, những người ăn lương của dân, nhận niềm tin của dân phải nhận trách nhiệm trước Nhà nước vì không có lý do để tồn tại những cơ sở hoạt động trái phép qua nhiều ngày, chỉ đến khi sự việc vỡ lở thì lãnh đạo phường và công an phường mới biết.

Lẽ ra, bài học đầu tiên của các em, cũng là bài học đầu tiên mà mọi người đều phải học là bài học về lòng từ bi. Chúng ta ai cũng nghe nói, ai cũng đọc sách, thậm chí có người còn giảng giải ý nghĩa của hai chữ từ bi, nhưng trong thực tế, họ đã sống và ứng xử ra sao?

Trong kinh Phật, "từ" là lòng thương yêu, thường đem vui cho tất cả chúng sanh (Từ năng dữ nhất thể chúng sanh chi lạc), "bi" là lòng thương xót, thường dứt trừ đau khổ cho hết thảy chúng sanh (Bi năng bạt nhứt thể chúng sanh chi khổ). Trong "Tứ vô lượng tâm" thì từ bi đứng đầu. Các học thuyết, tôn giáo khác hay những chủ nghĩa cũng thường nói đến xây dựng con người bằng tình thương yêu, bác ái. Nhưng nội hàm thì rất khác, có khi chỉ là tình yêu thương đồng đạo, gia đình, bạn bè, người cùng theo chủ thuyết chính trị, hay rộng hơn thì đến chủng tộc hoặc quốc gia. Từ bi trong đạo Phật không giới hạn vì nó bao la, vô tận, khởi đầu từ yêu thương bản thân, gia đình, xã hội, chủng

tộc, quốc gia, nhân loại ra đến toàn thể chúng sanh, môi trường, cây cỏ. Trong T á m q u y ế n sách quý, cổ Hòa t h u ợ n g T h í c h Thiện Hoa





từng giảng lòng từ bi như nước “... chỗ nào thấp thì nước chảy đến trước, nhận được nhiều, chỗ nào cao thì chảy đến sau, nhận ít, nhưng bao giờ cũng đồng đều ở trên mặt. Kẻ nào đau khổ nhiều thì được cứu nhiều, kẻ nào đau khổ ít thì cứu ít, nhưng mục đích bao giờ cũng làm cho mọi người, mọi vật đều thoát khổ và yên vui bằng nhau”. Hiểu như thế, chúng ta biết từ bi vốn bình đẳng, không phân chia giai cấp, gần xa, thân sơ; dù trong thực tiễn thì tùy trường hợp, có nơi cần ban phát nhiều tình thương, có nơi vừa phải, có nơi ít. Từ bi luôn đi cùng trí huệ sáng suốt. Tình thương ở đời bị chi phối theo những quan điểm tập cấp (caste system), địa phương, chủng tộc, tôn giáo, ý thức hệ có khi thiếu tinh táo, mù quáng:

*“Yêu ai yêu cả đường đi
Ghét ai ghét cả tông chi họ hàng”.*

Qua báo chí, trên các trang mạng, không ngày nào là không có vài vụ thảm sát vì tình yêu. Người ta không chỉ “giết người trong mộng” mà giết người trong thực tế. Tình yêu thương sở dĩ cuồng si như thế, là vì nó xuất phát từ ngọn lửa ái dục dựa trên cái ngã quá lớn của mình!

Trí tuệ soi sáng từ bi theo quan điểm nhà Phật không

dựa trên cái ngã vì luôn nhận thức rộng “Một là tất cả, tất cả là một”. Chúng sanh từ vô thủy, tiếp nối muôn triệu kiếp, đã từng làm anh chị em, thân bằng quyến thuộc của nhau, cho nên phải thương yêu nhau. Từ bi không chỉ là một lý tưởng tốt đẹp để vươn tới mà từ bi là nguồn cội của mọi thiện hạnh, những hành vi hay hành động tốt đẹp đều khởi phát do lòng từ bi mà ra cả. Vì từ bi nên ta thực hành lục độ: bố thí, trì giới, nhẫn nhục (qua đó giập tắt được tánh nóng giận, thù hằn) tinh tấn, thiền định và có được trí tuệ mà diệt trừ si mê.

Huân tập lòng từ là bài học đầu tiên mà cha mẹ phải dạy cho con cái; từ yêu thương thú vật trong nhà, anh chị em cùng gia đình, đến thầy cô cha mẹ, chòm xóm... cộng đồng xung quanh. Thiếu lòng từ bi, đứa trẻ sẽ trở thành những kẻ cô đơn, chất chứa phẫn hận sinh độc ác, gây oán thù khi khôn lớn. Thiếu lòng từ bi, con người sẽ dễ gây hấn, tham lam cuồng vọng, ở mức độ lớn hơn là gây ra đói nghèo, bóc lột, thậm chí chiến tranh... Nói như lời người xưa “... nhờ từ-bi mà cõi Ta-bà này bớt tiếng than khóc, bể sâu vơi nước mắt, nụ cười nở lại trên môi” (cổ Hòa thượng Thích Thiện Hoa).

Tâm từ (metta) theo Thiền sư Munindra là bước đệm (stepping stone) đối với các môn đệ của ngài. Theo nhà

Phật, tâm ý là khởi điểm của tất cả điều tốt và điều xấu. Khi tâm ý được thanh tịnh thì nó sẽ tạo nên nghiệp lành. Khi tâm ý không bị vẩn đục thì hành động sẽ trong sáng, thế giới sẽ được trong sạch. Tâm từ tạo nên lòng yêu thương, và giúp bạn sống lành mạnh. Phật dạy nếu chúng ta làm gì tốt cho người khác thì cũng là tốt cho chính mình. Thù hận không bao giờ chấm dứt bằng thù hận trên thế giới. Chỉ duy nhất có lòng yêu thương mới xóa hết được hận thù. Đây là một quy luật vĩnh cửu.

Nói theo Munindra thì: *"Không có lòng yêu thương của Hoa Kỳ hay lòng yêu thương của Ấn Độ, không có gì khác biệt nhau hết. Tâm ý là một sức mạnh tuyệt vời. Hãy làm con người bạn tràn ngập lòng yêu thương từ tâm thanh tịnh của mình. Nếu bạn thương yêu kẻ thù, thì sẽ không còn kẻ thù nữa. Và đây là cách duy nhất để bạn được xem là có ích cho vũ trụ"*.

Chính vì lòng từ bi mà Đức Phật đã phát đại nguyện: "Ta nguyện đem thân Ta chịu hết cả hằng hà sa số khổ đau của chúng sanh", hay: "Nếu còn một chúng sanh nào chưa thành Phật thì Ta quyết chưa thành Phật".

Lòng từ bi hay tánh từ bi là chủng tử ẩn trong tâm hồn chúng ta khi chào đời. Không ai sinh ra đã là kẻ ác. Tại sao ở những xã hội văn minh, tánh ác ít có cơ hội phát tác, xuất hiện? Đó là vì môi trường tạo cơ hội cho mầm thiện nảy nở trong chúng ta. Chúng ta không cần phải cầu xin phép lạ nào từ thiên giới để trở nên hiền lành. Hạt giống từ bi đang bị phủ dưới vô minh do ái dục, sân si, tham lam, ích kỷ, nên không thể đâm chồi được. Vậy, công việc đầu tiên của cha mẹ hay bảo mẫu, những cô giáo đầu đời, là phải làm cho mầm từ bi có môi trường phát triển, nghĩa là tạo nhân duyên, hay cơ hội thuận tiện cho nó chóng đâm chồi nảy lộc. Nghề sư phạm (pedagogy - trong đó peda là đứa trẻ và gogy là hướng dẫn), không phải chỉ là công việc của một tháng, một năm, mà suốt cả đời, vì "lợi ích trăm năm...".

Những ông bác sĩ thiếu y đức, những quan tòa thiếu lương tâm, những kẻ tham nhũng trộm cắp, hời hợt của đều có một tuổi thơ thiếu giáo dưỡng trong môi trường từ bi. Muốn dưỡng tánh từ bi, ta phải dạy con trẻ từ tuổi thơ làm tất cả việc lành, tránh các việc dữ, dù to dù nhỏ, dù trước mặt muôn người, hay chỉ một mình ta, dù được khen hay bị chê, dù dễ hay khó.

Phải làm cho những đứa trẻ cảm nhận tình yêu thương từ người lớn, cảm nhận mối quan hệ cộng sinh với mọi người, mọi vật. Chúng ta cảm phẫn trước những kẻ "tra tấn" trẻ nhỏ, khác nào những kẻ đang ngồi trước bàn tiệc thần nhiên ăn thịt khỉ, thịt gấu lạnh lùng trước tiếng hét hãi hùng, những cái giầy giũa đòn đau của những con vật. Chính những bất hạnh là phước điển nuôi dưỡng lòng từ bi phát sinh và lớn mạnh. Đất hoạt động, đất sống của từ bi là cảnh khổ. Chúng ta hẳn chưa quên bảo mẫu Hồ Ngọc Nhờ ở TP.HCM đánh chết cháu bé 18 tháng tuổi. Khi ấy, dư luận cũng sục sôi căm phẫn. Nhưng tất cả bỗng giạt mình sức tinh khi anh

Đỗ Trọng Đức, cha của cháu bé 18 tháng tuổi quyết định: "Không kiện, cho cô ta (bảo mẫu đã đánh chết con anh) được về với con". Hơn thế, vợ anh còn mang chính hộp sữa đứa con xấu số của mình đang dùng dở cho con của bảo mẫu Nhờ, đứa trẻ vô tội đang bơ vơ vì mẹ đang bị tạm giữ. Hành động này đã làm hận thù của người người lắng xuống.

Tóm lại, làm được tất cả các việc trên, từ nhỏ đến lớn, từ dễ đến khó, không bao giờ thoái chuyển ngã lòng; mở rộng mãi lòng từ bi cho nó bao trùm được cả pháp giới. Như thế là dưỡng tánh từ bi của Phật, mà mỗi chúng ta đều có sẵn ở trạng thái tiềm tàng trong tâm chúng ta.

Những việc làm cụ thể

Từ bi, như thế, phải được trường dưỡng từ tấm bé, trên nền tảng giáo dục mầm non. Lý tưởng "đồng nhân" (sống cùng người) phải xây dựng trong toàn bộ hệ thống chương trình giáo dục. Hãy xem lại chương trình, những bài học ca tụng cái ác phải sửa đổi hay bỏ đi. Ví dụ chuyện cô Tấm trả thù, lấy xác người làm mắm (!), chuyện Chí phèo chửi cha mắng mẹ... không có gì luyến tiếc, vì "văn học là nhân học".

Trong tác phẩm *"Biện luận về lòng vị tha"*, nhà sư Matthieu Ricard có nói là lòng vị tha và tánh vị kỷ rất dễ *lây lan*. Các khảo cứu khoa học cho biết là khi mình thấy ai đó ra tay nghĩa hiệp nhảy ra cứu giúp một người lạ mặt trong cơn hoạn nạn khốn khổ thì hành động này sẽ tạo cho người khác ý tưởng bắt chước theo họ. Và ngược lại, khi chúng kiến hành động vị kỷ ở một người nào đó thì cũng có thể chúng ta sẽ làm y như thế đối với người khác. Đó chính là tiền đề để chúng ta gieo rắc lòng nhân ái vị tha trong xã hội ngày nay. Nếu sự giao tiếp hay quan hệ con người trong xã hội dựa trên lòng từ bi thì sẽ tạo nên một xã hội dù nghèo dù thiếu thốn nhưng vẫn đáng sống vì nó khiến người ta tin tưởng vào thiện tâm của chính mình và người khác. Đó chính là "cương thường" mà chúng ta cần xây dựng để gìn giữ tình nhân ái ngàn đời của dân tộc. "Thương người như thể thương thân"; gìn giữ mối quan hệ cộng đồng, gia đình trên cơ sở ấy. Hạt nhân "từ bi" sẽ cho quả đức hạnh và chúng ta sẽ thấy một đất nước lớn mạnh với những con người biết sống và biết tạo dựng hạnh phúc với trái tim nhân ái và khối óc minh triết. Kinh *Tăng Chi* đề cập đến tám loại sức mạnh: *"Sức mạnh của trẻ thơ là tiếng khóc. Sức mạnh của đàn bà là phần nộ. Sức mạnh của tên trộm là vũ khí. Sức mạnh của vua chúa là quyền uy. Sức mạnh của kẻ ngu là áp đảo. Sức mạnh của bậc hiền trí là cảm hóa. Sức mạnh của người đa văn là thẩm sát. Sức mạnh của sa-môn là nhẫn nhục"*. Vì thế, Đức Đạt-lai Lạt-ma nhấn mạnh: *"Bởi chúng ta không thể thay đổi được thế giới xung quanh, nên chúng ta đành phải sửa đổi chính mình, đối diện với tất cả bằng lòng từ bi và tâm trí huệ"*.

Hãy bắt đầu như thế! ■



Về chiếc vạc đồng triều Nguyễn được phát hiện tại chùa Hội Thượng

Bài & ảnh: TRẦN VĂN DŨNG

Trong quá trình điều tra di sản thuộc chương trình khảo cứu hệ thống giá trị các di sản văn hóa vật thể trên địa bàn làng Thượng An, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, chúng tôi vừa phát hiện tại chùa Hội Thượng (còn gọi là Niệm Phật đường An Cát) đang lưu giữ một vạc đồng được đúc vào thời vua Minh Mạng (1820-1840). Vạc đồng này hiện được xem là một bảo vật của dân làng Thượng An.

Làng Thượng An là một trong những ngôi làng cổ ở Thừa Thiên Huế. Dưới thời nhà Mạc (1527-1593), làng có tên là Thượng Lộ thuộc huyện Đan Điền, phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hóa. Nhà sử học Dương Văn An, tác giả sách “*Ô châu cận lục*” cho biết, làng Thượng Lộ được lập trước năm 1555, là một trong 53 làng xã của huyện Đan Điền, phủ Triệu Phong thời bấy giờ. Sau này tên Thượng Lộ được đổi thành Thượng An và danh xưng này tồn tại cho đến nay.

Chùa Hội Thượng khởi dựng vào thời gian nào cho đến bây giờ vẫn chưa ai khẳng định được. Tuy nhiên, bức hoành phi lưu tại chùa cho biết chùa Hội Thượng ra đời vào năm Nhâm Ngọ. Do vậy, nhiều người phỏng đoán rằng chùa được các tộc trưởng của các họ trong làng xây dựng vào một năm Nhâm Ngọ đầu thời Lê Trung Hưng (1533-1789), có thể là cùng thời điểm giữa thế kỷ XVI khi khởi dựng chùa Giác Lương ở làng Hiền Lương, xã Phong Điền, huyện Phong Điền. Chùa đã từng được trùng tu lớn vào đời vua Thành Thái thứ 18 năm Bính Ngọ (1906) và được sửa chữa, tôn tạo thêm vào các năm sau này. Khuôn viên chùa hiện nay rộng khoảng 5.000m². Chùa xây dựng theo kiểu thức nhà rường ba gian hai chái, nằm quay mặt về hướng Nam (phía dòng sông Bồ). Ngoài thờ Phật, chùa còn thờ Quan Thánh, đồng thời là nơi thờ tự, bảo quản hòm bộ của làng Thượng An (địa bộ, sắc phong, chúc văn...). Trong những ngày đại lễ của làng đều không thể thiếu

vắng nghi thức long trọng và trang nghiêm khi tổ chức lễ nghinh hòm bộ từ chùa về đình để tế rồi đưa về lại chùa để bảo quản như cũ. Trải qua nhiều thế kỷ, nhân dân vẫn hương khói phụng thờ, việc cầu đảo thường được linh ứng.

Chiếc vạc đồng lưu giữ tại chùa Hội Thượng có đường kính miệng 93cm, cao 80cm; thuộc loại vạc bốn quai, nhưng bốn chiếc quai này lại được đặt thấp dưới miệng vạc và được tạo hình kiểu đầu rồng, trông gần giống quai của loại vạc tám quai thời chúa Nguyễn. Về hình dáng, thân vạc để trơn, không trang trí, có kiểu gần như hình chum trên to dưới nhỏ chứ không tạo hình trụ thẳng đứng trên dưới bằng nhau như những chiếc vạc thời các chúa Nguyễn. Tất cả những đặc điểm này thể hiện việc nghệ đúc đồng dưới triều Nguyễn có sự kế thừa và phát triển từ thời các chúa Nguyễn. Trên thân vạc khắc dòng lạc khoản “明 命 玖 年 造 - Minh Mệnh cửu niên tạo”. Cạnh trái khắc dòng ghi trọng lượng “重 叁 百 拾 柒 觔 - Trọng tam bách thập thất cân”.

Được biết bộ sưu tập vạc đồng của Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế hiện còn lưu giữ và trưng bày mười lăm chiếc. Trong số đó, mười một chiếc được đúc vào thế kỷ XVII, trong khoảng từ năm 1631 đến 1684, dưới thời các chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635), Nguyễn Phúc Lan (1635-1648) và Nguyễn Phúc Tần (1648-1687); và 4 chiếc còn lại được đúc dưới thời Minh Mạng; tất cả đều đang được đặt tại các di tích của triều Nguyễn. Về mười một chiếc vạc đồng thời chúa Nguyễn thì có bảy chiếc được lưu giữ bên trong Đại Nội, ba chiếc đặt trước Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế và một chiếc đặt tại lăng vua Đồng Khánh; riêng bốn chiếc vạc thời Minh Mạng đang được đặt phía trước điện Hòa Khiêm, trong khu vực lăng vua Tự Đức, gồm: chiếc thứ nhất được đúc vào năm 1825, nặng 430 cân; chiếc thứ hai được đúc cùng năm với chiếc trên, nặng 435 cân; chiếc thứ ba được đúc vào năm 1828, nặng 352 cân; chiếc thứ 4 được đúc cùng năm với chiếc thứ ba, nặng 399 cân.

Một vài nhận xét bước đầu

1. *Niên đại*: Dựa vào dòng chữ ghi trên thân vạc đồng “明 命 玖 年 造 - Minh Mệnh cửu niên tạo”,

xác định niên đại của chiếc vạc đồng được đúc vào năm Minh Mệnh thứ chín (1828), Như vậy, chiếc vạc đồng tại chùa Hội Thượng được đúc cùng năm với chiếc vạc đồng thứ ba và thứ tư đang đặt tại lăng vua Tự Đức.

2. *Trọng lượng*: Dựa vào dòng chữ ghi trên thân vạc đồng “重 叁 百 拾 柒 觔 - Trọng tam bách thập thất cân”, xác định được trọng lượng của chiếc vạc đồng là 317 cân (khoảng 191kg). Do vậy, trọng lượng của các vạc đồng đúc vào thời Minh Mạng có khác nhau song nhìn chung về hình thức và kích thước thì gần như tương tự.

3. Chiếc vạc đồng chùa Hội Thượng giống chiếc vạc đồng thứ ba và thứ tư đặt tại lăng vua Tự Đức là chỉ để năm đúc và trọng lượng chứ không ghi đơn vị đứng ra đúc. Còn chiếc vạc đồng thứ nhất và thứ hai tại lăng vua Tự Đức đều có ghi rõ “*Minh Mạng lục niên nhị nguyệt cát nhật Vô Khố phụng tạo*” (Vô Khố phụng mệnh vua để đúc vào tháng Hai năm Minh Mạng thứ sáu).

4. Vạc đồng tại chùa Hội Thượng là một hiện vật quý cần được bảo tồn và phát huy giá trị. Nếu tính thêm chiếc vạc đồng vừa mới phát hiện tại chùa Hội Thượng thì cho phép chúng ta có thể khẳng định rằng tại đất cố đô Huế hiện nay còn lưu giữ được 16 chiếc vạc đồng độc đáo. Tất cả những chiếc vạc này đều là bảo vật của Huế, là biểu trưng một thời cho sự hưng thịnh và phát triển của triều Nguyễn. Mỗi chiếc vạc đồng là một tác phẩm nghệ thuật, thể hiện trình độ kỹ thuật và mỹ thuật tuyệt vời của người thợ đúc đồng xứ Huế.

Có thể nói, qua việc phát hiện chiếc vạc đồng được đúc thời vua Minh Mạng tại chùa Hội Thượng đã giúp chúng ta nhận thấy một điều rằng: do trải qua nhiều biến

cổ thâm trầm của lịch sử, cổ vật triều Nguyễn đã bị thất lạc nhiều trong dân gian. Chắc chắn là ngày xưa, Huế không chỉ có chừng ấy vạc đồng, mà có thể nhiều hơn rất nhiều. Nhưng dù sao, với số lượng 16 chiếc vạc còn lại, Huế cũng có thể tự hào là một nơi hiện đang sở hữu số báu vật thuộc loại này phong phú nhất. Còn câu hỏi vì sao cổ vật này lại được đặt ở chùa Hội Thượng là một điều cần phải được nghiên cứu thêm. Hy vọng, những ẩn số liên quan đến chiếc vạc đồng đặc biệt này sẽ sớm được giải mã. ■





LÊ TỪ TRẦN

Tôi từng tự hỏi mình rằng, sau này di trú sang thế giới bên kia, điều gì đáng nhớ nhất trên trần gian này? Câu trả lời đó là nhớ Tết. Tết thể hiện lý tưởng cuộc sống được đảm bảo bằng một niềm tin bất diệt cho mọi sự khởi đầu đều mang nội dung và ý nghĩa tốt đẹp. Tết linh thiêng tự bản thân, không cần ký thác cho số phận hay mặc nhiên cho định mệnh thường nhật. Tết hiển nhiên có tự bao đời, dù lịch sử đã trải qua nhiều đổi thay, niềm tin về Tết vẫn trường tồn, mãi mãi. Nhiều tập tục, nghi lễ bảo lưu từ bao đời chẳng hề ràng buộc Tết vào quy phạm tín ngưỡng hay đạo đức xã hội. Nó thể hiện tâm thức trân quý giây phút thiêng liêng khi đất trời giao hòa và con người viết lên ước nguyện của mình.

Ngày xưa, cư dân Việt cổ còn dựng cây nêu trong những ngày Tết truyền thống. Cây nêu dù mang ý nghĩa biểu trưng của một sơ đồ vũ trụ thu nhỏ tọa lạc chốn nhân gian hay đơn giản phơi bày những gì người ta mong ước thì vượt lên trên hết, nó là đường kết nối giữa Trời - Đất và Người. Thông qua cây nêu, người dân gửi lời cầu mong lên trên trời cao, chuyển bức thông điệp chất đầy tâm tư của địa giới tới các vị thần. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đồng Chi trong *"Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam"*, cây nêu còn gắn với sự tích: Ngày xưa có con quỷ chiếm toàn bộ đất nước, con người chỉ làm thuê

và có nhiệm vụ nộp lúa thu hoạch cho nó. Quỷ càng ngày càng lộng hành, bóc lột tàn khốc, giành hết phần của con người. Cuối cùng con người phải cầu viện Đức Phật giúp đỡ. Sau khi thỏa thuận, Phật chỉ xin nó miếng đất rộng bằng bóng phủ của chiếc áo cà-sa. Quỷ đã đồng ý và Phật dùng phép thuật làm cho chiếc áo cà-sa che phủ kín hết toàn bộ đất đai. Quỷ mất đất phải chạy về phía biển. Câu chuyện kết thúc đạt được một thỏa thuận đánh đuổi con quỷ ra khỏi cõi người bằng khế ước, từ đó năm mới đánh dấu sự khởi đầu cho một niềm vui an lành, tốt đẹp.

Không gian ngày Tết sơ dĩ mang tính thiêng liêng là vì có sự tham gia của thế giới hữu hình lẫn vô hình. Tất cả hòa trộn, hội tụ về cuộc sống quy chiếu qua một không gian thiêng. Nhất cử nhất động của mỗi người đều thấm thấu bởi trực thiêng xác tín niềm tin mãnh liệt mang ý nghĩa mở màn cho một vở kịch kéo dài suốt năm. Tết trở thành thời khắc vàng, quy kết con người vào một định mệnh dài, ở đó, mọi sự khởi đầu.

Xét về ý nghĩa, Tết mang nội hàm đa nghĩa. Nó không phản ánh nội dung cụ thể mà vươn tới tính chất bao quát, giàu giá trị biểu cảm. Ở tiếng Hán, Tết gọi là "xuân tiết" nhằm chỉ những ngày lễ truyền thống diễn ra vào dịp đầu năm. Trong quá trình du nhập văn hóa Việt, từ mang ý nghĩa minh xác là "xuân" mất đi để lại từ "tiết", sau khi đọc chệch âm thành "Tết" đã biến đổi về chất thành một phạm trù rộng, có nội hàm đa nghĩa, thiên hướng biểu cảm. Từ đó, Tết đã làm một cuộc thay da đổi thịt để hòa nhập văn hóa xứ sở với tính chất vô thức tập thể. Ở đây, Tết không còn giới hạn chiều thời gian xác định, mà thiết lập nên không gian thiêng tương quan. Người ta dường như đã quên mất ý nghĩa nguyên khởi của Tết cùng với những thói quen thường nhật, quên đi ngày, tháng cụ thể mà chỉ sống với những biến thiên, co giãn mang tính ước lệ. Văn hóa Đông Á chia một giờ thành 120 phút theo 12 con giáp. Điều đó cho thấy biên độ bao dung của đơn vị thời gian này. Sau khi khoác lên thời gian những cái tên (Tí, Sửu, Dần, Mão...) huyền hoặc cổ tích, thời gian trở thành những thực thể sống động chi phối cuộc sống. Con người tự đưa mình vào cõi văn hóa mơ hồ ấy để suy tư, ứng xử cho phù hợp với không gian đất trời. Tết sản sinh trên cơ tầng của văn hóa hàm hồ đến mức có thể đẩy nội hàm ra xa vô tận với những khái niệm không cần dung chứa ý nghĩa cụ thể, chỉ cần cảm thụ một cách sâu sắc. Nó đi giữa đường biên mong manh của hàng loạt những quan niệm, tập tục không cần cắt nghĩa. Tất cả đều thông qua hành vi, quan niệm du di, "chín bỏ làm mười", cởi mở, bao dung, rũ bỏ cái

cũ, đón mừng cái mới với tâm thái an lành. Chúng ta có thể thấy rõ tư duy xê dịch của văn hóa Việt trong những ngày Tết. Đi kèm với Tết là hàng loạt tập quán, quan niệm hết sức mơ hồ, như ăn Tết, chơi Tết, chúc Tết, sắm Tết, Tết mà... Nếu như Chơi Tết có thể liên hệ với tục Du xuân xưa kia, thì trên thực tế, Du xuân mang dáng dấp của một sinh hoạt văn hóa, khác Chơi Tết thể hiện tâm thức tận hưởng khoảng thời gian quý giá trong thực tại. Vượt lên trên hết, con người muốn trút lên Tết những gì mình ký thác về cuộc sống này, thay vì xác định tính chất của hiện tượng. Người Việt vốn có quan niệm phi định vị về thời gian, cho dù sống trong xã hội công nghiệp, tư duy về thời gian vẫn duy trì tính chất xê dịch. Tết ta tính bằng mừng, khác hoàn toàn khung thời gian định chế, minh xác, cụ thể như văn minh phương Tây. Ý nghĩa thời gian đó lồng ghép, đan cài vào quan niệm mù mờ để thay da, lột xác thành thứ Tết mang đậm màu sắc, phong vị của người phương Nam hiền hòa, bao dung, cởi mở và thấm đẫm tình người xứ sở.

Trong ngôn ngữ thường nhật, người ta không dùng từ Tết về, mà luôn phải là Tết đến. Tết chẳng bao giờ lặp lại mình một cách nguyên dạng. Không giống như tâm thái đón cổ nhân trở về từ đường xa vạn dặm mà Tết thả mình từ thiên giới xuống cõi nhân gian, dịch chuyển theo trục thời gian – không gian thiêng. Nơi sở trú của muôn loài không hân hoan đón Tết như thế giới loài người. Xét về mặt tâm thức, Tết chỉ thời khắc chia tay năm cũ và đón chào năm mới. Đi kèm với Tết là những giờ phút xao xuyến mong chờ, đan xen giữa quá khứ, tương lai và hiện tại. Người xưa còn có tục “Thủ tuế” diễn ra vào đêm Giao thừa, một thói quen thức thâu đêm để chờ giây phút chuyển giao giữa hai năm cũ và mới. Theo truyền thuyết, đêm cuối năm có con “Niên thú” ăn thịt người xuất hiện, mọi người phải quây quần bên nhau, thức thâu đêm bảo vệ sự yên bình của cuộc sống. Xuất phát từ thực tại, “Thủ tuế” cho thấy ý nghĩa quý báu những khoảnh khắc lặng lẽ, âm thầm trôi qua giữa năm cũ và mới. Đây là kết quả của tình người lưu luyến trước sự biến đổi về thời gian. Năm cũ qua đi và năm mới sắp đến. Người già tạm biệt tuổi cũ của mình, càng thêm trân quý thời gian ngắn ngủi trong đời, người trẻ mừng thêm một tuổi mới. Giữa thời khắc chuyển giao, tâm trạng bế bộn với bao niềm mong đợi và luyến tiếc trở thành cảm xúc phức hợp đưa đẩy con người xô giạt trong niềm khát khao, hy vọng... Phản chiếu qua những ngày con người bắt đầu sống bằng tâm thức lịch âm, xâu chuỗi hành vi ứng xử vào ước nguyện nội tại, giây phút sống trọn với Tết cho cảm giác tận hưởng từng phút giây trên thực tại. Sống trong chiều thời gian của Tết, con người trải lòng mình giữa thiêng liêng đất trời. Từ hoang liêu cổ tích, ký ức như những mảnh ghép rời rạc chất chồng, xếp lên nhau theo chiều dài năm tháng. Trạng thái đan cài giữa quá khứ - tương lai đa chiều đồng hiện trong giờ phút hiện tại đọng sâu trong tâm

hồn mỗi người. Tết mang dư vị của niềm hoan lạc, bổng bồng trôi qua chóng vánh. Trong chuỗi ngày dài bình thường, Tết như những khoảnh khắc phi thường của năm tháng vô tận.

Kể từ ngày ấu thơ cho đến lúc trưởng thành, tuổi của chúng ta so với tuổi trời, tuổi đất, tuổi trăng sao, tuổi gió hồn nhiên không tuổi vẫn mãi như đứa trẻ. Đất trời đổi đắp, muôn vật sinh sôi, hình ảnh thiên nhiên luôn động lại trong tâm trí con người như những tác phẩm không bao giờ lặp lại mình. Trong văn hóa, Tết chính là một tác phẩm luôn tự làm mới bằng sự chuyển dịch ý nghĩa và thời gian. Vượt lên trên những ngày bình yên, Tết tiềm ẩn những xao động trong lòng người. Ẩn chứa đằng sau sức mạnh của những phút giây xao xuyến có gió mát, trăng thanh, cỏ cây êm đềm... chúng ta mòn mỏi chờ quanh năm suốt tháng những giây hân hoan đón Tết. Trong niềm vui giao hòa, Tết thuộc thời khắc phi thường trong chuỗi ngày bình thường làm nên năm tháng cuộc đời.

Nói về ý nghĩa, Tết có thể quy kết về một khái niệm có nội hàm bao dung, thu gom cả nghĩa đen lẫn bóng. Người ta có thể nhân danh Tết để làm những việc khác với thói quen thường ngày, tha thứ, bỏ qua, chấp nhận những lầm lỗi, hờn giận... Tết có đường biên bao quát, cởi mở, mênh mông, có khả năng dung chứa những sai lệch, khác biệt... Tết vừa là sinh nhật của trời, đất, vừa là sinh nhật của con người. Tết đi qua, tuổi người cũng trôi qua. Cho dù chúng ta không sinh cùng ngày, cùng tháng, cùng năm, nhưng vẫn lớn lên theo Tết. Tết muôn tuổi và không tuổi nhờ đánh dấu bằng một niềm vui mang ý nghĩa khởi đầu. ■





Thú đọc báo xuân ngày Tết

NGUYỄN THANH VŨ

Tờ báo xuân đầu tiên bằng chữ Quốc ngữ là tờ *Nam Phong tạp chí* số đặc biệt xuất bản tại Hà Nội vào tháng 2 năm 1918, tức năm Mậu Ngọ. *Nam Phong*, một tạp chí ra hàng tháng do Phạm Quỳnh làm chủ bút, xuất hiện lần đầu vào tháng 7-1917, đến tháng 2-1918 mới ra được tám số nhưng đã có sáng kiến thực hiện báo xuân với ý định "... muốn cho khúc đàn riêng của mình không đến nổi sai nhịp với khúc cảm chung của xã hội trong buổi đầu năm xuân mới, giờ ấm khí hòa, cảnh vật tươi cười, lòng người hớn hở, lại muốn không trái cái chủ nghĩa lúc bình thường, bèn định in riêng ra tập ngày Tết này, ngoài

những số báo thường, trước là để cùng quốc dân góp một phần vào cuộc vui chung...". Trong cuốn *"Thú chơi sách"* của học giả Vương Hồng Sển, do Cơ sở Báo chí và Xuất bản Tự Do thực hiện năm 1961 tại Sài Gòn, tác giả có viết: *"Nam Phong cả thảy hai trăm mười một cuốn (211) vì Tết 1918 có cho ra một tập riêng, toàn thơ văn có giá trị và nếu không lầm, tập ấy là thủy tổ các số báo xuân, báo tân niên, báo đặc biệt vậy".*

Tuy thế, phải đến đúng mười năm sau, làng báo Việt Nam mới bắt đầu lác đác có những tờ báo phát hành riêng một số báo xuân nhân dịp Tết Nguyên đán. Người ta có thể kể đến các tờ báo như *Đông Pháp* thời báo



Ảnh: Diệu Vy

xuân Mậu Thìn 1928, *Thần Chung* xuân Kỷ Ty 1929, *Phụ Nữ Tân Văn* xuân Canh Ngọ 1930, *Công Luận* xuân Tân Mùi 1931, *Nhật Tân* xuân Quý Dậu 1933, *Sài Gòn* xuân Giáp Thân 1934, *Đuốc Nhà Nam* xuân Ất Hợi 1935... Báo chí Phật giáo có mặt trẻ hơn và mãi đến năm 1937 mới có những tờ báo xuân Phật giáo đầu tiên góp mặt trong dịp Tết Nguyên đán năm Đinh Sửu, đó là các tờ bán nguyệt san *Từ Bi Âm* (phát hành số đầu tiên vào tháng 1-1932) và *Duy Tâm Phật Học* (phát hành số đầu tiên vào tháng 10-1935). Cũng cần nói thêm, vào năm 2000, *Sài Gòn Giải Phóng* là tờ báo đầu tiên ở Việt Nam phát hành số Tết Dương lịch.

Từ đó trở đi, việc các tờ báo ra số xuân trở nên phổ biến thành phong trào. Dù tòa soạn nào có kinh tế eo hẹp, thiếu đội ngũ nhân lực, cũng tranh thủ ra số báo xuân để “bằng anh bằng chị” và cho có không khí Tết cùng bạn đọc. Ngay cả những bản tin quận, huyện địa phương cũng ra báo xuân khổ A4 lưu hành nội

bộ, phát ở những cơ quan công quyền. Chậm nhất là vào ngày 20 tháng Chạp, báo xuân phải có mặt trên thị trường, nếu không sẽ khó tiêu thụ vì sự cạnh tranh. Những tờ tạp chí, nhất là tạp chí dành cho phụ nữ, thường ra số xuân sớm hơn những tờ nhật báo và giá của nó cũng đắt hơn gấp mấy lần. Nhưng bù lại, các tạp chí xuân này thường có nhiều quà tặng giá trị kèm theo, kể cả cắt phiếu bốc thăm may mắn trúng thưởng xe gắn máy, điện thoại di động, mỹ phẩm... Những tờ báo nổi tiếng, có chỗ đứng trong lòng công chúng thì không sợ bán ế (bằng chứng là quảng cáo rất nhiều), nên phát hành số lượng nhiều. Còn nhiều tờ báo kén bạn đọc thì ra số xuân cảm chừng cho có tụ (thường là được đặt trước). Sự đa dạng, phong phú của báo xuân đã làm nên màu sắc rực rỡ, muôn màu muôn vẻ cho ngày Tết. Những năm gần đây, các đơn vị địa phương còn tổ chức cả hội báo xuân để bạn đọc có dịp chiêm ngưỡng từng tờ báo Tết với từng phong cách khách nhau. Có bìa báo thì đưa hình năm linh vật, có báo thì chọn cảnh vật, báo thì đưa nhan sắc người đẹp, cũng có vài tờ báo ngành lại chọn ngành chủ lực của mình để gửi gắm đến người xem.

Vì là số báo đặc biệt, thường in màu toàn bộ, giá của tờ báo xuân luôn luôn cao hơn giá báo thường gấp mấy lần. Chính vì vậy mà nội dung của tờ báo cũng phong phú hơn, bởi cả năm trời, ban biên tập đã chắt lọc những nội dung tinh túy nhất, lạ nhất, độc đáo nhất để đưa vào báo xuân cho bạn đọc thưởng thức. Nhiều tờ báo còn để dành nội dung Tết cả năm để đến cuối năm là đưa vào báo xuân cho khỏi “cháy bài”. Nội dung tờ báo xuân thường mang tính chất vui tươi, giải trí, nhẹ nhàng, phù hợp với mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp. Nào là những phong tục đón Tết cổ truyền trên mọi miền đất nước, chủ đề năm linh vật, những bài viết văn thơ, phóng sự đậm đà hương vị Tết. Bên cạnh đó, báo Tết còn có nhiều nội dung phản ánh tiêu cực, nhìn lại một năm vừa qua, tổng hợp những sự kiện nổi bật trong năm cả ở trong nước lẫn trên toàn thế giới, nhận định của các chuyên gia về những hướng đổi mới sắp tới của nước nhà...

Ngày Tết, không có gì tao nhã bằng việc mang chiếc ghế bố ra vườn ngả lưng đọc từng trang báo Tết, vừa nhâm nhi từng ngụm trà vừa nhai chút kẹo mứt. Giữa không khí tươi vui của ngày xuân, muôn hoa đua nở, chim hót líu lo, người đọc như được đắm mình trong bức tranh thủy mặc. Không gian dường như cuộn tròn vào trong trang báo. Mùa xuân - báo xuân - nhạc xuân - hoa xuân tạo cho người đọc một cảm giác lâng lâng. Tuy thời buổi công nghệ số phát triển vượt bậc, nhiều tòa soạn đã kịp nắm bắt xu hướng, cho ra đời những chuyên trang online về Tết nhằm đáp ứng nhu cầu công chúng trẻ, nhưng trong lòng những người thích đọc báo in, nhất là những người lớn tuổi, thì báo xuân vẫn là món ăn thượng hạng mỗi khi Tết Nguyên đán về. ■

Tấm bia Ấn Sơn tự ký minh

Bài & ảnh: THÍCH ĐỒNG DƯỠNG

Chùa Thiên Ấn tọa lạc trên đỉnh núi Ấn thuộc địa phận huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Sách *Đại Nam nhất thống chí* cho biết: “Chùa Thiên Ấn trên núi Thiên Ấn, huyện Bình Sơn. Hồi đầu bản triều, ngự bút đề biển ngạch là “Thiên Ấn tự”. Chùa ở trên đỉnh núi, cây cối tốt tươi, tầng đồ đồng đúc, bốn mùa hương hoa không dứt, cũng là nơi thắng tích”¹. Sách không ghi chép lịch sử gì bổ ích, chú trọng tả cảnh quan ngôi chùa.

Thích song tổ ấn tập chép: “Lê thần Vĩnh Thịnh thập nhất niên, Lâm Tế phái tam thập lục, húy Pháp Hóa hiệu Phật Bảo hòa thượng trác tích vu Quảng Ngãi tỉnh thủy kiến Thiên Ấn tự. Nhất nhật vô thủy dĩ tế tư chi dụng. Hòa thượng tức nhật bình minh thủy khai long tỉnh chi hữu thủy. Hoàng triều Minh Mệnh niên gian sắc tứ Thiên Ấn tự kỳ hữu bi ký”². Nghĩa là: Năm Vĩnh Thịnh thứ 15 triều Lê, hòa thượng húy Pháp Hóa hiệu Phật Bảo phái Lâm Tế đời thứ 36 chống gậy đến tỉnh Quảng Ngãi lập chùa Thiên Ấn. Lúc đó, không có nước để chi dùng. Sáng ra, Hòa thượng mới khai long tỉnh thì có nước. Khoảng niên hiệu Minh Mệnh hoàng triều ban sắc gọi là Thiên Ấn tự có bia ghi chép.

Thiền sư Trùng Diệu Tịnh Hạnh trụ chùa Thiên Lâm (Phan Thiết) đã dựa vào cứ liệu thời trước ghi chép vài dòng về ngôi chùa, đôi chỗ có sự lệch lạc sử liệu, như cho tổ khai sơn thuộc đời 36 phái Lâm Tế, nghe ra nhầm. Tổ khai sơn thuộc đời 35 mới đúng trong truyền thừa cũng như long vị chép. Đoạn sau nói việc chùa được sắc tứ đời Minh Mệnh cũng nhầm. Hiện tổ đình còn bức hoành có ghi: “Sắc tứ Thiên Ấn tự. Quốc chúa ngự đề, Lê triều Vĩnh Thịnh thập nhất niên cúc ngoặt cốc đán. Duy Tân cửu niên liên nguyệt, tăng cang Phạm Hoàng Phúc hiệp chư sơn đồng tái tạo. Thạch Trì toàn dinh phụng cúng”. Nghĩa là: chùa sắc tứ Thiên Ấn, Quốc chúa ngự đề, ngày lành tháng hoa cúc niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715) triều Lê. Tháng hoa sen năm Duy Tân thứ 9 (1915), Tăng cang Phạm Hoàng Phúc cùng chư sơn làm lại. Toàn dinh Thạch Trì phụng cúng. Biển chùa hiện nay được làm lại năm 1915, còn tấm biển Quốc chúa ngự đề năm 1715 thì đã bị mất từ lâu. Năm đó thuộc đời chúa Nguyễn Phúc Chu, một vị chúa rất sùng Phật pháp, thường đi du sơn thủy, ban biển sắc tứ cho các chùa ở Nam Hà.

Chùa còn có long vị và bia tháp của Thiền sư Phật Bảo Pháp Hóa (?-1754)³, khai sơn bốn tự. Ngài phải khai sơn trước đó một thời gian rồi mới được ban biển sắc tứ. Từ đó chùa thuộc dạng chùa công, được miễn thuế dịch. Tổ khai sơn còn có kì tích là đào giếng mà nay giếng đó vẫn còn.

Theo bản *Tông đồ họ Trịnh*⁴ trên tàng tại chùa Tây Thiên được lập năm Bính Tý niên hiệu Bảo Đại thứ 11 (1936), mục “Sắc tứ Thiên Ấn tự hưng dương liệt tổ lưu hạ” chép: “Võ tộc đệ nhất khai sơn tổ húy Pháp Hóa Phật Bảo hòa thượng. Nguyên Tư Cung nhân, tại tỉnh binh xuất gia”. Có ba dòng sau ghi về họ tộc, quê quán, lí lịch xuất gia của tổ đệ nhị, đệ tam, đệ tứ chùa Thiên Ấn. Ba vị trên cách ghi khá chuẩn xác. Do đó, tính chính xác của dòng trích dẫn đáng trân trọng. Trước hết, xác định tổ khai sơn húy Pháp Hóa Phật Bảo khá chính xác với long vị và bia tháp tổ tại chùa Thiên Ấn. Các tư liệu viết bằng tiếng Việt đều cho tổ khai sơn họ Lê, húy Duyệt, người tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Ta chưa thấy văn bản chữ Hán nào đề cập đến những sử liệu đó. Nay, tông đồ họ Trịnh tại chùa Tây Thiên ghi tổ họ Võ (có nơi



phiên họ Vũ) người Tư Cung, tại Tĩnh bình xuất gia (思恭人。在省兵出家). Cứ liệu nghe ra khó hiểu, hay ngài xuất thân từ quân đội rồi phát tâm xuất gia? Người Tư Cung thì ta chưa rõ, lí lịch này cần phải có thêm văn bản chữ Hán khác bổ trợ.

Chùa có kiến trúc hình chữ khẩu, ngôi tiền đường ăn nhập với chánh điện, phía trước có lầu chuông, trống. Phía sau là ngôi nhà tổ, thờ lịch đại tổ sư. Hai bên có nhà đông, nhà tây.

Chùa chỉ có một tấm bia, gắn vào trước ngôi tháp phía trước chùa. Bia thuộc loại bia đẹp, chế tác bằng đá trắng, thuộc loại đá Non Nước của tỉnh Quảng Nam. Xung quanh bia chạy điểm trang trí hoa văn, trán bia có hình mặt nhật, đôi rồng dây lượn châu. Phía dưới có một đôi rồng chạy dài xuống gần đáy bia, mặt dưới trang trí hoa dây mà ở giữa có một hoa cúc cỡ vừa. Lòng bia có 14 dòng chữ Hán, có 6 dòng có 44 chữ, còn các dòng khác thì lượng chữ ít hơn. Dòng đầu tiên ghi "Ấn Sơn tự ký minh" dạng tiêu đề của tấm bia. Bia được lập năm Tân Hợi (1911) niên hiệu Duy Tân thứ 5. Bia do trụ trì hiệu Hoàng Phúc cùng chư sơn toàn tỉnh lập. Ngôi chùa thuộc loại cổ tự nhưng tư liệu văn khắc ở đây chỉ độ được khoảng 100 năm, chưa phản ánh đúng quá trình hình thành cũng như phát triển của tổ đình Thiên Ấn. Sau đây, xin dịch nghĩa tấm bia.

BÀI MINH GHI CHÉP CHÙA ẤN SƠN

Đền thiền nổi tỏ, ấn tổ trùng quang, Phật pháp đồng lương, qui mô rộng lớn, lời dạy dấy lên từ đó. Bốn tự trước năm Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715), sơ tổ đến núi đào giếng được nước, Quốc vương sắc tứ biển ngạch hiệu chùa. Nhiều đời tu hành truyền đến bốn sư là Hòa thượng Giác Tánh trải 12 đời, hết sức vun bồi, chùa Phật thí công, xây dựng tổ đình, đã qua nhiều năm. Nếu điện vũ có bị lậu đột, ngày nghĩ tu sửa, chỉnh lý. Bỗng nhiên liễu ngộ (viên tịch) trà tì ba lần, tri sự trụ trì chưa được đảm đương. Qui mô đến nay, hư hoại ngày càng rõ. Chúng tuy vui hòa mong được khâm mông Diên Lộc Quận Công Cần Chánh Đại Học Sĩ, Thạch Sơn Lâu nhàn hưu chính sự, thương đến nhà Phật, kinh doanh thọ lãnh ngôi chùa. Nay thời bảo hộ núi Ấn cổ tích danh lam. Chư sơn tăng chúng trí cử giáo thọ chùa Phước Quang làm trụ trì chùa Thiên Ấn, văn phê khai giáo phụng hành. Trên hợp chư sơn tu bổ, ân tứ 100 quan tiền, quyền thêm bốn đạo thập phương, cùng Yết-ma Hoàng Nghi chùa nước Cao Miên khuyến khắp giao hồi. Lại chúc sự chư sơn các huyện, chúng tăng phân hạng, điện cúng tu bổ tiền đường, chánh điện, hậu viện, lầu chuông, biểu trụ kỳ lân. Chư sơn viện nhà vui được công đức thành tựu, tổ đình trang nghiêm, nghìn năm chúc tụng, đáp đền muôn năm, khắc bài minh báo đức lấy đó dạy cho người sau vậy.

Ngày lành tháng 6 năm Tân Hợi niên hiệu Duy Tân thứ 5 (1911).



Bốn tự trụ trì hiệu là Hoàng Phúc giáo thọ hòa thượng.

Mộ Đức, Đức Phổ Hoàng Tịnh thiền sư; Bình Sơn, Sơn Tịnh Hoàng Nhiếp thiền sư; Chương Nghĩa, Nghĩa Hành Hoàng Chương thiền sư; tăng chúng chư sơn sáu huyện cùng lập minh chí. ■

Chú thích:

1. *Đại Nam nhất thống chí* (bản Việt ngữ), tập 2, tỉnh Quảng Ngãi, NXB KHXH, H. 1970, tr.386.

2. Tịnh Hạnh, *Thích song tổ ấn tập*, bản in năm Quý Hợi (1923), Thiên Lâm tự tàng bản, tờ 31b.

3. Long vị đề: "*Lâm tế chính tông tam thập ngũ thế hựu Pháp Hóa thượng Phật hạ Bảo giác linh đại sư chi vị*". Bia tháp đề: "*Tự Lâm tế chính tông tam thập ngũ thế Pháp Hóa hựu thượng Phật hạ Bảo hòa thượng chi tháp*". Tổ khai sơn thuộc phái Lâm Tế đời thứ 35, với pháp danh chữ "Phật" ngài thuộc kệ phái của Thiền sư Đạo Mân Mộc Trần qua câu kệ "Đạo bản nguyên thành Phật tổ tiên...". Các vị sư ở tổ đình còn thống nhất tổ khai sơn Thiên Ấn với Tổ Minh Hải Pháp Bảo là một, gây nên nhầm lẫn đáng tiếc.

4. Họ Trịnh nguyên quán xã Tráng Liệt, tổng Tây Bần, huyện Tống Sơn, Thanh Hóa thừa tuyên. Cụ tổ vào Quảng Ngãi lập xã Tráng Liệt, tổng Nghĩa Hà, phủ Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Các địa danh được ghi lại sau này. Họ Trịnh có vị xuất gia nổi tiếng là Tổ Toàn Chiếu Bảo Ấn, khai sơn chùa Viên Quang, trụ trì chùa Tây Thiên, đệ tam tổ Thiên Ấn. Trong tộc có ngài Chương Nhẫn Từ Nhơn và ngài Hoàng Nhiếp đều trụ trì chùa Tây Thiên nên sau lập tông đồ thờ tại chùa Tây Thiên.



Biết thương mình

THANH TRÚC

Trong Kinh tạng Nikàya thuộc văn hệ Pàli, có một thuật ngữ dùng để chỉ cho một người thể hiện một cách thái sáng suốt, chân thành và từ ái đối với chính mình cũng như đối với mọi người khác gọi là “yêu mến tự ngã” (*attakàmeti*)¹. Đây là một thuật ngữ có ý nghĩa rất hay trong đạo Phật. “Yêu mến tự ngã” nghĩa là biết thương mình bằng cách quyết tâm thực thi một lẽ sống chân chánh, hiền thiện, thể hiện qua việc từ bỏ thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác; thực hành thân làm thiện,

miệng nói thiện, ý nghĩa thiện. Vua Pasenadi nước Kosala một hôm tâm sự với Đức Thế Tôn về lối suy tư chín chắn của mình qua việc phân định rõ thế nào là kẻ không biết thương mình và thế nào là người biết thương mình:

- Bạch Thế Tôn, ở đây khi con đang ngồi yên tịnh một mình, tư tưởng này khởi lên nơi con: “Đối với những ai, tự ngã là thân ái? Đối với những ai, tự ngã là kẻ thù?” Và rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau:

“Những ai sống thân làm ác, sống miệng nói ác, sống ý

ngĩ ác; đối với người ấy, tự ngã là kẻ thù. Dầu họ có nói: 'Tự ngã là thân ái của chúng tôi', nhưng tự ngã đối với họ là kẻ thù. Vì sao vậy? Những gì kẻ thù làm cho kẻ thù, tự ngã của họ làm cho tự ngã của họ như vậy. Do vậy, đối với họ, tự ngã là kẻ thù.

Những ai sống thân làm thiện, sống miệng nói thiện, sống ý nghĩ thiện; đối với họ, tự ngã là thân ái. Dầu cho họ có nói: 'Tự ngã là kẻ thù của chúng tôi', nhưng tự ngã đối với họ là thân ái. Vì sao vậy? Những gì kẻ thù làm cho kẻ thù, tự ngã của họ làm cho tự ngã của họ như vậy. Do vậy, đối với họ, tự ngã là kẻ thù.

- Như vậy là phải, thưa Đại vương. Như vậy là phải, thưa Đại vương. Thưa Đại vương, những ai sống thân làm ác, sống miệng nói ác, sống ý nghĩ ác; đối với người ấy, tự ngã là kẻ thù. Dầu họ có nói: 'Tự ngã là thân ái của chúng tôi', nhưng tự ngã đối với họ là kẻ thù. Vì sao vậy? Những gì kẻ thù làm cho kẻ thù, tự ngã của họ làm cho tự ngã của họ như vậy. Do vậy, đối với họ, tự ngã là kẻ thù. Thưa Đại vương, những ai sống thân làm thiện, sống miệng nói thiện, sống ý nghĩ thiện; đối với họ, tự ngã là thân ái. Dầu cho họ có nói: 'Tự ngã là kẻ thù của chúng tôi', nhưng tự ngã đối với họ là thân ái. Vì sao vậy? Những gì kẻ thù làm cho kẻ thù, tự ngã của họ làm cho tự ngã của họ như vậy. Do vậy, đối với họ, tự ngã là kẻ thù².

Câu chuyện đàm đạo trên xác nhận rất rõ quan niệm của đạo Phật về yếu tố tự ngã. Yếu tố tự ngã hay biết thương mình tức là thực hiện một lối sống từ bỏ thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác; thực hành thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Sống ngược lại tức là không yếu tố tự ngã hay không biết thương mình. Đây không gì khác là nếp sống đạo đức của người Phật tử gọi là "tịnh tu ba nghiệp", được thể hiện qua việc từ bỏ mười ác nghiệp (gồm ba ác nghiệp về thân: sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục; bốn ác nghiệp về lời: nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm; ba ác nghiệp về ý: tham dục, sân hận, tà kiến), thực hành mười thiện nghiệp (gồm ba thiện nghiệp về thân: không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh trong các dục; bốn thiện nghiệp về lời: không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm; ba thiện nghiệp về ý: không tham dục, không sân hận, có chánh kiến). Theo quan niệm của đạo Phật thì người nào nỗ lực thực thi nếp sống bỏ ác làm lành như vậy thì được gọi là người yếu tố tự ngã hay kẻ biết thương mình.

Sao gọi là yếu tố tự ngã? Tự ngã là bản thân mình, là những gì gắn kết mật thiết với bản thân mình, tức hết thảy những gì mà con người đối diện, hành xử và cảm nghiệm trong chuỗi hiện hữu của mình. Nó là sự vận hành của nghiệp, là những gì thiết thân nhất đối với cá nhân mỗi người, do người ấy tạo tác và lãnh thọ, gắn liền với người ấy ở lúc này hay lúc khác, từ đời này sang đời khác. Tự ngã ấy có thể là tốt hay xấu, hiền

lành hay hung bạo, may mắn hay bất hạnh, hạnh phúc hay khổ đau, tùy thuộc vào các nghiệp thiện hay bất thiện mà người ấy đã làm, đã tích tập. Nếu một người biết nuôi dưỡng điều lành điều thiện thì tự ngã của người ấy sẽ hiền thiện, luôn luôn cảm nhận những cảm giác hiền thiện an lạc. Nếu người ấy tích tập các nghiệp xấu ác, bất thiện thì tự ngã của người ấy sẽ trở thành bất thiện, phải thường xuyên nhận lãnh các cảm thọ bất an khổ não. Yếu tố tự ngã nghĩa là biết yếu tố bản thân mình, xót thương cho cái số phận nổi trôi khổ đau của chính mình, nhận ra mọi mê lầm khổ não mà tự ngã phải gánh chịu, thương quý nó, tôn trọng nó, mong muốn cho nó thoát khỏi mê lầm, được an lạc, đối xử công bằng với nó, quyết tâm làm cho nó hiền thiện hạnh phúc, không để cho nó rơi vào xấu ác khổ đau. Bằng cách nào? Bằng cách từ bỏ thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác; thực hành thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Nói cách khác, yếu tố tự ngã là quyết tâm từ bỏ lối sống mê lầm, bất chánh, xấu ác, biểu lộ qua các hành vi như sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến, khiến đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai; nỗ lực thực hiện một nếp sống sáng suốt, chân chánh, hiền thiện, thể hiện qua các việc như không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh trong các dục, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận, có chánh kiến, khiến đưa đến lợi mình, lợi người, lợi cả hai. Đây chính là biểu hiện cụ thể của thái độ yếu tố tự ngã hay biết thương mình được nói đến trong đạo Phật, một thái độ sáng suốt mở đường cho đời sống chân chánh hạnh phúc của người con Phật.

Mà thương mình như thế thì cũng chính là thương người. Đó là tình thương xuất phát từ trí tuệ, từ tâm thức sáng suốt, tràn đầy hiểu biết và rộng mở hết sức tự nhiên của người con Phật, gọi là yếu tố tự ngã nhưng hoàn toàn không tư dục, không ích kỷ, không vị kỷ; một tình thương hướng thiện và hướng thượng, lợi mình và lợi người, tức là vừa làm cho mình cao đẹp hơn, hiền thiện hơn, nhân bản hơn, hoàn thiện hơn về đạo đức nhân tính, vừa khiến cho người khác yên tâm hơn, tin tưởng hơn, hoan hỷ hơn, quý mến hơn đối với mình. Rõ ràng, ai mà sống từ bỏ thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác; thực hành thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện như thế thì không cần chi nói đến thương người, vì tự nó nếp sống ấy đã là thương người, tôn trọng người, quý mến người rồi. Trong giáo lý đạo Phật, nếp sống ấy được xem là "quà tặng an tịnh" (*santam upaharam*) dành cho người khác³ hay còn được gọi là nếp sống đại bố thí (*mahadana*)⁴, vì nó đem lại lợi lạc cho nhiều người, vừa khiến cho mình được thoải mái an lạc, vừa khiến cho người khác được hoan hỷ an lạc, thoát khỏi mọi lo âu và sợ hãi, mọi lo

lắng và hận thù. Bậc Giác ngộ cho chúng ta một lời khuyên nhẹ nhàng mà đầy trí tuệ như vậy:

*Tâm ta đi cùng khắp,
Tất cả mọi phương trời,
Cũng không tìm thấy được,
Ai thân hơn tự ngã.
Tự ngã đối mọi người,
Quá thân ái như vậy;
Vậy ai yêu tự ngã,
Chớ hại tự ngã người.⁵*

Yêu quý tự ngã hay thương mến bản thân mình thì không nên và không được làm hại người khác. Đó là tiêu chí sống và hành động hết sức sáng suốt và nhân bản của người Phật tử. Vì hết thấy mọi người đều yêu quý bản thân mình, không muốn nó bị thương tổn⁶, và vì làm ác hay làm hại người khác cũng chính là làm hại mình, không đối xử công bằng với chính mình, không yêu quý tự ngã, không biết thương mình. Theo quan niệm Duyên sinh của đạo Phật thì cuộc sống là một hợp thể tồn tại hỗ tương, mình và người là một, không thể tách rời. Hết thấy mọi hành vi tốt hay xấu, thiện hay ác của con người đều trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng đến thế giới chung quanh; đến lượt sự vận hành của thế giới chung quanh tác động đến bản thân mình. Vì vậy mà làm ác hay gây tổn hại cho người khác (nghĩa là sát sanh, lấy của không cho... có tà kiến) cũng chính là làm hại mình, gây tổn hại cho mình và ngược lại. Chính trong ý nghĩa của quy luật tồn tại hỗ tương như vậy mà đạo Phật khuyên mọi người cần phải biết thương mình, nghĩa là cần phải nỗ lực làm điều lành, tránh xa điều ác để cuộc sống trở nên hiền thiện tốt đẹp, khiến cho mình và mọi người khác đều được lợi ích an lạc. Vì biết thương mình, làm điều tốt cho mình, không làm điều xấu ác, cũng chính là thương người. Và thương người, làm điều tốt cho người, không làm điều xấu ác, cũng chính là biết thương mình vậy. Đây là lý do vì sao đạo Phật luôn luôn nhấn mạnh đến lối sống bỏ ác làm lành, một lẽ sống được mệnh danh là yêu quý tự ngã nhưng vốn bao hàm bên trong nó ý nghĩa tự lợi và lợi tha.

Đến đây, chúng ta thử chiêm nghiệm lại những lời khuyên hết sức căn bản của Đức Phật cho con ruột của Ngài là Tôn giả Ràhula lúc còn niên thiếu nhấn mạnh đến nếp sống bỏ ác làm lành, một nếp sống cẩn trọng và sáng suốt dành cho mọi người Phật tử, dành cho những ai biết yêu quý tự ngã và tôn trọng tự ngã của người khác, quyết tâm từ bỏ thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, nỗ lực thực hành thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện nhằm tránh cho mình và người khác khỏi phiền muộn khổ đau và nhằm khiến cho mình và người khác được hạnh phúc an lạc:

- *Này Ràhula, con nghĩ thế nào? Mục đích của cái gương là gì?*

- *Bạch Thế Tôn, mục đích là để phản tỉnh.*

- *Cũng vậy, này Ràhula, sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành thân nghiệp. Sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành khẩu nghiệp. Sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành ý nghiệp.*

Này Ràhula, khi con muốn làm một thân nghiệp, khẩu nghiệp hay ý nghiệp gì, hãy phản tỉnh như sau: “Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ”. Này Ràhula, nếu trong khi phản tỉnh, con biết: “Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này ta muốn làm. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ”. Một thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp như vậy, này Ràhula, con nhất định chớ có làm. Này Ràhula, nếu sau khi phản tỉnh, con biết: “Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này ta muốn làm. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này của ta không có thể đưa đến tự hại, không có thể đưa đến hại người, không có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc”. Một thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp như vậy, này Ràhula, con nên làm.

Này Ràhula, khi con đang làm một thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, con cần phải phản tỉnh như sau: “Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này ta đang làm. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ. Này Ràhula, nếu trong khi phản tỉnh, con biết: “Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này ta đang làm. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ”. Này Ràhula, con hãy từ bỏ một thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp như vậy. Nhưng nếu, này Ràhula, trong khi phản tỉnh con biết như sau: “Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này ta đang làm. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này của ta không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc”. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp như vậy, này Ràhula, con cần phải tiếp tục làm.

Này Ràhula, sau khi con làm xong một thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, con cần phải phản tỉnh như sau: “Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này ta đã làm. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ”. Nếu trong khi phản tỉnh, này



Ràhula, con biết như sau: “Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này ta đã làm. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ”. Một thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp như vậy, này Ràhula, con cần phải thưa lên, cần phải tỏ lộ, cần phải trình bày trước các vị Đạo sư, hay trước các vị đồng Phạm hạnh có trí. Sau khi đã thưa lên, tỏ lộ, trình bày, cần phải phòng hộ trong tương lai. Nếu trong khi phản tỉnh, này Ràhula, con biết như sau: “Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này ta đã làm. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này của ta không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc”. Do vậy, này Ràhula, con phải an trú trong niềm hoan hỷ tự mình tiếp tục tu học ngày đêm trong các thiện pháp.⁷

Cứ theo lời Phật dạy cho vị Sa-môn nhỏ tuổi Ràhula thì biết thương mình tức là biết quan tâm lo lắng đối với khổ đau của mình và khổ đau của người, nhận ra nguyên nhân gây khổ đau cho mình và gây khổ đau cho người, đồng thời cũng thấy rõ cách thức mang lại hạnh phúc cho mình và hạnh phúc cho người, quyết tâm ngăn tránh các hành vi xấu ác gây tổn hại cho mình và gây tổn hại cho người, nỗ lực làm các việc tốt lành đưa đến hạnh phúc cho mình và hạnh phúc cho người. Nói rõ hơn, biết thương mình thì không khổ đau và không còn gây khổ đau, vì đó là thái độ cẩn trọng

và sáng suốt của một người đã hiểu rõ cội gốc của khổ đau và quyết tâm bước đi trên con đường chân chánh, hiền thiện, rời xa khổ đau. Đây là ý nghĩa của nếp sống Chánh tinh tấn (*Sammà-viriya*) được nhấn mạnh trong đạo Phật, một nếp sống sáng suốt, hiểu mình thương người, theo đó người nào phát nguyện đi theo con đường giác ngộ của Phật, quyết tâm không làm mọi điều ác, nỗ lực làm các hạnh lành, thì được gọi là người “biết thương mình” hay còn được gọi là kẻ “thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt” hoặc “thấy nguy hiểm đối với luân hồi khổ đau (*samsàra*)”. Người con Phật được khuyên nỗ lực thực thi một lẽ sống đạo đức hướng thượng như vậy vì mục đích đoạn trừ khổ đau, xây dựng đời sống hạnh phúc an lạc cho mình và cho người khác ngay trong cuộc thế có nhiều mê chấp khổ đau này. ■

Chú thích:

1. Tiểu kinh Rừng sừng bò, Kinh Tùy phiền não, *Trung Bộ*.
2. Kinh Thân ái, *Tương Ưng Bộ*.
3. Kinh Đất, *Tương Ưng Bộ*.
4. Kinh Nguồn nước công đức, *Tăng Chi Bộ*.
5. Kinh Mallikà, *Tương Ưng Bộ*.
6. Kinh Pháp Cú, các số 129-132, nói rằng hết thảy chúng sanh đều mong sống, sợ chết, yêu hạnh phúc, ghét khổ đau; hãy lấy tâm lý của mình làm ví dụ để tôn trọng người khác, để không làm hại người khác
7. Kinh Giáo giới La-hầu-la ở rừng Am-bà-la, *Trung Bộ*.



Khái niệm Ý thức trong Duy thức học

THÁI VĂN ANH

1 Đặt vấn đề

Hiện nay các công trình nghiên cứu về Phật giáo phần nhiều tập trung vào các vấn đề thế giới quan, nhân sinh quan và bản thể luận, ít có những công trình chú ý đến vấn đề nhận thức luận trong Phật giáo. Trong khi đó, Duy thức học (DTH) được xem là một hệ thống tư tưởng bao hàm cả nhận thức luận lẫn tâm lý học Phật giáo nhưng ít được các nhà nghiên cứu ngoài Phật học quan tâm tìm hiểu. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích nội hàm khái niệm ý thức trong DTH để làm rõ các giá trị nhận thức và ý nghĩa của ý thức trong đời sống con người.

2 Phân tích nội hàm khái niệm ý thức trong Duy thức học

Theo DTH, tâm con người tạm phân thành tám thức: Năm thức trước là: nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, được gọi là *tiền ngũ thức*,

cộng với thức thứ sáu là ý thức được gọi chung *sáu thức ngoài*, vì chúng dễ dàng được nhận biết. Hai thức sau có thức thứ bảy là *mạt-na* và thức thứ tám là *a-lại-da*, được gọi là *hai thức trong*, vì chúng hoạt động một cách âm thầm, sâu kín, khó nhận thấy. Tương ứng với sáu thức ta có sáu căn là nhãn căn (mắt), nhĩ căn (tai), tỉ căn (mũi), thiệt căn (lưỡi), thân căn (cơ thể) và ý căn (được coi là tương đương với hệ thần kinh trung ương).

Sáu căn này, mỗi căn có khả năng kết hợp với một loại cảnh riêng để tạo ra thức. Cụ thể là: Nhãn căn kết hợp với sắc cảnh để tạo ra nhãn thức, là sự nhận biết về sắc tướng (hình ảnh, màu sắc); nhĩ căn kết hợp với thanh cảnh để tạo ra nhĩ thức, là sự nhận biết về âm thanh; tỉ căn kết hợp với hương cảnh để tạo ra tỉ thức, là sự nhận biết về mùi; thiệt căn kết hợp với vị cảnh để tạo ra thiệt thức, là sự nhận biết về vị; thân căn kết hợp với xúc cảnh tạo ra thân thức, là sự nhận biết về cái tiếp

xúc; ý căn kết hợp với pháp cảnh để tạo ra ý thức, là sự nhận biết về các pháp. Như vậy, sự vật hiện tượng bên ngoài thông qua sáu thức ngoài trở thành những ảnh tượng ở trong tâm. Những ảnh tượng này chính là pháp trần, là đối tượng nhận biết của ý thức.

Theo DTH thì đối tượng nhận thức của ý thức gồm ba cảnh.

Đó là:

- Ảnh cảnh tức tướng trạng có thực thể của sự vật hiện tượng, là cảnh vật chưa bị định danh, dán nhãn và đặt tên bởi con người.

- Đối chất cảnh tức những hình ảnh về sự vật mà ta thu nhận được do sự tiếp xúc hằng ngày của các giác quan.

- Độc ảnh cảnh tức những tướng trạng mà ý thức thu nhận được trong quá trình phân biệt, suy nghiệm, phán đoán. Độc ảnh cảnh lại chia làm hai phần: những ảnh tượng mà ta suy nghiệm do trong thực tế đã tiếp xúc rồi thì gọi là Hữu chất độc ảnh cảnh, còn những ảnh tượng do sự tưởng tượng mà có, nó không tồn tại trong thực tế thì được gọi là Vô chất độc ảnh cảnh.

Tùy thuộc vào đối tượng nhận thức mà ý thức được chia làm Ngũ câu ý thức và Độc đầu ý thức.

- Ngũ câu ý thức là khi ý thức phối hợp với năm thức trước để phân biệt, đánh giá đối tượng giác quan. Khi chủ thể tương tác với đối tượng nhận thức còn ở mức độ cảm giác, chưa có suy luận của tri giác thì đối tượng của Ngũ câu ý thức là Tánh cảnh; khi có sự tham gia của suy luận thì đối tượng của nó trở thành Đối chất cảnh.

- Độc đầu ý thức là khi ý thức không phối hợp với năm giác quan. Nó độc lập suy nghĩ, tưởng tượng về một việc gì đó. Đối tượng nhận thức của nó là Độc ảnh cảnh. Phạm vi hoạt động của Độc đầu ý thức bao gồm ý thức trong mộng, ý thức khi tỉnh và ý thức trong định. Ý thức trong mộng được xây dựng trên những dữ liệu có sẵn, thái độ tâm lý, hoàn cảnh xung quanh nên thường không chính xác vì thiếu dữ kiện thực tế để so sánh kiểm nghiệm. Ý thức khi tỉnh là suy nghĩ, tính toán, so lường về những việc quá khứ, hiện tại hay tương lai để lập kế hoạch hành động. Vì thế ý thức có thể suy nghĩ về việc thiện hay ác dẫn đến hành động thiện hay ác của con người. Nó cũng có thể đúng hoặc sai tùy thuộc vào kinh nghiệm về đối tượng và phương pháp nhận thức của con người. Ý thức trong định chỉ xuất hiện khi đã nhập định, khi đó con người đạt được trạng thái nhất tâm bất loạn, ý thức không tiếp nhận các nhận thức do năm thức bên ngoài mang lại mà nó hoạt động độc lập. Khi đó đối tượng của ý thức trong định là cảnh giới chân thật, là Tánh cảnh. Tuy nhiên, loại ý thức này chỉ có ở những vị chuyên hành thiền định mới có thể trải nghiệm được.

Trên đây, là giới thiệu sơ lược về khái niệm về ý thức trong DTH. Bây giờ, chúng tôi sẽ đi vào phân tích một số đặc điểm nổi bật của ý thức và ý nghĩa của nó đối với đời sống con người.

Thứ nhất, về định nghĩa, DTH cho rằng ý thức là chủ của năm thức trước, rất linh hoạt, lanh lợi, nhạy bén. Nó có thể phân biệt nhị nguyên, phải trái, trắng đen... trên căn bản những gì mà năm giác quan thu nhận vào. Do đó, nhờ có ý thức mà con người hiểu được sự vật hiện tượng là gì thông qua các quá trình nhận thức.

Thứ hai, về tính nhận thức của ý thức. Ý thức phản ánh tồn tại khách quan, chứ không phải là cái gì huyền bí vốn có trong người phát ra mà cũng không phải là cái siêu nhiên từ không trung nhập vào đầu. Và ý thức nhận thức cái bản chất, nhận thức khái quát bằng ngôn ngữ. DTH nói sự vật hiện tượng bên ngoài thông qua năm thức ngoài đã trở thành những ảnh tượng ở trong tâm. Những ảnh tượng này chính là pháp trần, là đối tượng nhận biết của ý thức.

Thứ ba, về tính năng động của ý thức. *Bát thức quy củ tụng* của Ngài Huyền Trang nhận định về ý thức bằng lời kệ: “*Động thân phát ngữ độc vi tối*”, tức ý thức là động cơ lớn nhất làm phát sinh hành động thân thể và ngôn ngữ. Cùng với 51 tâm sở, chính ý thức đạo diễn để thân và khẩu tạo nên các nghiệp thiện, ác, hoặc không thiện không ác. Khi nghĩ thiện, nó đồng hành với các điều thiện. Khi nghĩ ác, nó sẽ đồng hành với các phiền não. Như vậy trong đời sống hằng ngày, ý thức điều chỉnh, điều khiển hoạt động của con người, làm cho hoạt động con người có sự chủ định, chủ tâm nhằm thích nghi, cải tạo thế giới và cải biến bản thân.

3 Kết luận

Bài viết này chỉ trình bày nội hàm khái niệm ý thức theo quan điểm DTH. Những ý nghĩa mang tính khái quát nêu trên của ý thức, một trong tám thức theo phân định của DTH, cũng cho thấy ý thức đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình nhận thức và sự vận hành tâm lý của con người. Chính ý thức quyết định phẩm chất các hành động của thân thể và ngôn ngữ. Việc làm chủ ý thức giúp con người thăng hoa trong cuộc sống giải thoát, đã được các tông phái Pháp tướng hay Duy thức nghiên cứu cặn kẽ. Từ sự phân tích sơ lược trên đây cũng đủ thấy rằng DTH là một bộ môn có giá trị nhận thức hết sức phong phú nếu ta đi sâu phân tích chi tiết về chúng, rất cần được các nhà nghiên cứu đi sâu tìm hiểu khai thác để bổ sung cho các vấn đề nhận thức luận và tâm lý học khác. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Thích Nhất Hạnh, *Vấn đề nhận thức trong Duy thức học*, Nxb Lá Bối, 1969.
2. Tuệ Sĩ (Việt dịch), *Luận thành Duy thức học*, Ban Tu thư Phật học, 2003.
3. Huyền Trang, *Bát thức quy củ tụng trang chú*, bản dịch của Quảng Minh, <http://www.thuvienhoasen.org>.
4. Nguyễn Xuân Thức (chủ biên), *Giáo trình tâm lý học đại cương*, Nxb ĐH Sư phạm Hà Nội, 2007.

*Thấp thoáng
Lời Kinh*

ĐỖ HỒNG NGỌC

A i có thể ở trong cõi Ta-bà này rộng nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa nay chính phân lúc. Như Lai không bao lâu sẽ vào Niết-bàn, Phật muốn đem kinh Pháp Hoa này phó chúc cho các người". Cuối phẩm "Hiện bảo tháp", Phật

Trước đó, Phật đã nêu một “nhu cầu” khẩn thiết, đó là cần những pháp sư chân chính, với lòng từ bi rộng lớn, có đức nhu hòa, nhẫn nhục, với trí huệ rất ráo, để có thể trở thành sứ giả của Như Lai, thay Phật đưa *Pháp Hoa* vào đời, một khi Phật đã vào Niết-bàn, nhằm giúp chúng sanh thoát khổ đau ách nạn.

Phật biết cõi ta-bà, thời mạt pháp, “chúng sanh căn lành thì ít, tăng thượng mạn tham lợi dưỡng thì nhiều,

xa lia đạo giải thoát...” sẽ không dễ dàng cho kẻ làm pháp sư, sẽ không nhiều kẻ sẵn sàng tiếp nhận sự “phó chúc” này của Phật nên đã “hiện bảo tháp” cho thật thấy rõ hết “bồn mạt cứu cánh như thị”, thấy rõ ngàn xưa ngàn sau vô thủy vô chung bất sanh bất diệt qua hình tượng Đa Bảo Như Lai và Phật Thích-ca cùng nắm tay ngồi trong tháp báu chuyện trò thân mật mà vững tâm làm “pháp sư” ở cõi Ta-bà. Thế nhưng năm trăm vị A-la-hán vừa được thọ ký, tám nghìn bậc học và vô học, cùng các vị Tỳ-kheo-ni, có vị là thân bằng quyến thuộc của Phật cũng đều xin... qua xứ khác làm pháp sư chứ chẳng dám làm pháp sư ở cõi ta-bà đầy ác trược này!

"Thế Tôn! Chúng con cũng thệ nguyện ở nơi cõi khác
rộng nói kinh này".

Cho nên “**Trì**” kinh *Pháp Hoa* được ở cõi Ta-bà là khó, rất khó.

“*Bao nhiêu kinh điển nhiều như hằng sa, nói hết, không khó. Ném núi Diệu Cao từ nơi này sang nơi khác: không khó. Dùng ngón chân làm động nước Đại thiên, dời qua chỗ khác: không khó. Đứng trên hữu-đảnh, nói vô lượng kinh khác để dạy người: không khó; dùng tay nắm hư không đi dạo khắp nơi, không khó; đem cả cõi đất để trên móng chân bay đến Phạm thiên: không khó. Gánh cỏ khô vào lửa không bị cháy: không khó; trì các tạng pháp, đủ mười hai bộ kinh, diễn nói giúp người đạt sáu thần thông không khó...”*

Vậy thì cái gì mới là khó?

- “*Sau khi ta diệt độ, ai có thể hộ trì, đọc nói kinh pháp này... thì cái đó mới thật là khó!*”, Phật bảo. Cho nên cũng đừng vội trách các đệ tử Phật bấy giờ tìm cách thoái thác.

“*Trì*” là gìn giữ, nhưng không phải gìn giữ bằng cách đóng bìa da, mạ vàng, cắt kỹ trong tủ kính mà ở đây là *Thọ trì, Hộ trì*, nghĩa là *đọc tụng, giải nói, nghĩ nhớ, đúng như pháp mà tu hành*, nói khác đi là đưa *Pháp Hoa* vào đời sống.

“*Thọ trì*”, nên phải có “*thọ*”. Có *thọ* thì mới *trì* hiệu quả, miên mật. *Trì* khơi khơi không ăn thua. *Thọ* là cảm xúc, là “*rung động sáu cách*”. Nói khác đi, phải có cảm xúc, có tin tưởng, thì “*trì*” mới có hiệu quả. Trước khi “*phổ chúc*” *Pháp Hoa* cho mọi người, Phật đã phải “*khai thị*” bằng cách mở toang cánh cửa bảo tháp ra, nghĩa là chịu *khui* ra cái điều bấy nay vẫn giữ kín, đó là cái tạng Như Lai, cái bào thai Như Lai, cái kho tàng bí mật của Như Lai nay đã đến lúc bày ra cho mọi người thấy cái “*tri kiến*” Phật, biết cái Như Lai thọ lượng vô thủy vô chung. Nó vậy đó. Muốn không muốn nó vẫn vậy đó. Chịu không chịu nó vẫn vậy đó. Nó như thị. Bỏ mặt cứu cánh nó như thị. Chẳng đến từ đâu chẳng đi về đâu! Không có thời gian không có không gian. Nó vĩnh hằng tồn tại... Và luôn cứ gặp nhau thì cười cười nói nói tay bắt mặt mừng như Đức Thích-ca và Đa Bảo Như Lai trong tháp báu buổi hôm nay. Vậy thì còn gì để sợ, có gì để lo? Nhưng vấn đề là thấy biết rồi đó, nhưng “*ngộ nhập*” ra sao đây, làm sao cho người ta chịu tin? Làm sao truyền lại được cái thấy biết này cho muôn đời sau đây để giúp con người thoát khỏi mọi khổ đau ách nạn, nhất là thời mạt pháp, khi “*chúng sanh căn lành thì ít, tăng thượng mạn tham lợi dưỡng thì nhiều, xa lìa đạo giải thoát...”*

Cho nên Phật lo. Lo chứ. Lo nhiều hơn nữa là khác. Đọc kinh *Pháp Hoa* thấy thương Phật! Đôi khi Phật đã phải nói đi nói lại hai ba lần, rằng chẳng bao giờ nói dối, đôi khi than thở chỉ có Phật mới hiểu Phật mà thôi! Bấy giờ Phật còn sống sờ sờ đó, là bậc Thế tôn, Thiên nhân sư, Thiện thế... vậy mà người ta còn chưa tin, thậm chí một số người còn bỏ đi, hướng chỉ khi đã nhập Niết-bàn, đã diệt độ.

Thấy mọi người tìm cách thoái thác, Phật giữ yên lặng, chờ đợi, chẳng nói chẳng rằng. Trong tình thế có vẻ khá “*căng thẳng*” như vậy, Dược Vương và Đại Nhạo Thuyết Bồ-tát đồng thanh nói:

“*Cúi xin Đức Thế Tôn chớ lo, sau khi Phật diệt độ chúng con sẽ phụng trì đọc tụng, nói kinh điển này!*”.

Dược Vương, ông “*vua thuốc*” không phải ai xa lạ. Đó là vị Bồ-tát dám “*không tiếc thân mạng*”, dám “*bổ thí thân mạng*”, tự đốt cháy mình lên, đốt toàn thân rồi đốt cả hai tay âm ỉ hàng chục ngàn năm để sau cùng trở thành vị Bồ-tát ai thấy cũng vui (nhất thiết chúng sanh hỷ kiến), có khả năng biến mình thành bất cứ một đối tượng nào cần tiếp cận (hiện nhất thiết chúng sanh) và nhất là có khả năng thấu hiểu bất cứ ngôn ngữ nào... (giải nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn)... Đây chính là kết quả của sự tu tập thiền định một cách tinh tấn và nhẫn nhục, mang lại kết quả là đã chuyển hóa mình thành một con người có những đức tính *chân thành* và *thấu cảm* nên hòa nhập được với mọi người bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào, không khó. Ở trong thiền định, Dược Vương mới sống cùng Như Lai, thấy biết Như Lai, gặp được Như Lai Đa Bảo của chính mình nên đã có niềm tin rất vững chắc. Tâm có thông thì thuyết mới thông là vậy.

Còn Đại Nhạo Thuyết Bồ-tát vốn là người có khả năng “*giảng nói*”, ưa thích (nhạo) công việc này, sẵn sàng mang “*Pháp Hoa*” ra giữa dòng đời để trao truyền cho mọi người. Đại Nhạo Thuyết chắc chắn có kỹ năng truyền thông “*đa phương tiện*” rất tốt, biết thuyết phục, giảng nói theo phương pháp giáo dục chủ động, dựa trên đối tượng đích, khiến người nghe không chỉ có kiến thức mà còn thay đổi hành vi, lối sống.

Hai vị Đại Bồ-tát phải phối hợp nhau. Một người nội lực thâm hậu bên trong, nhiều điều biết mà “*nói không được*”, một người có khả năng đọc tụng, biên chép, giải thích, có kỹ năng truyền thông tuyệt vời bên ngoài, phối hợp lại thì lo gì không giúp được mọi người “*đúng như pháp mà tu hành*”.

Trì cần có cả hai vị Đại Bồ-tát đó xuất hiện nên hai vị “*đều ở trước Phật*” nói lời thệ rằng: “*Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ, chúng con đi khắp vòng qua lại khắp mười phương thế giới, hay khiến chúng sanh biên chép, thọ trì, đọc tụng, giải nói, nghĩ nhớ chơn chánh, đúng như pháp mà tu hành*”.

Thực ra chẳng nên bi quan thời mạt pháp! Biết đâu thời mạt pháp này nhờ có internet mà kinh Phật được phổ biến rộng rãi hơn xưa gấp triệu lần, nhờ sống trong đời “*ác trước*” mà người ta “*thiện*” nhiều hơn, nhờ “*Khổ tập*” mà người ta tìm đến “*Diệt đạo*”! Mặt khác, chẳng phải nhờ khoa học tiến bộ mà người ta thấy rõ duyên sinh, duyên khởi, thấy những hạt nhỏ hạ nguyên tử nổi kết mà thành vật chất để có hằng hà sa vũ trụ này. Thấy để giết mình. Thấy để làm quen. Và dĩ nhiên không dừng ở đó, bởi rồi đây sẽ đến lúc nhận ra “*bốn lai vô nhất vật*”, “*thực tướng vô tướng*” vậy! ■

Hãy là ngọn đèn cho chính mình

LARRY ROSENBERG
PHẠM CHÍNH CẦN dịch

Thực hành Phật pháp là học cách sống, và đó là con đường vừa đầy niềm vui vừa đầy thách thức. Việc này đòi hỏi chúng ta phải mở rộng tâm thức để có được một cái nhìn mới mẻ về những nhận định hay ý kiến của chính mình và để không chấp nhận bất kỳ điều gì chỉ dựa trên niềm tin thuần túy. Khi thực hành Phật pháp, hành giả sẽ được khuyến khích kiểm chứng thật kỹ ngay cả những niềm tin chắc chắn nhất vẫn được ấp ủ, kể cả niềm tin mà hành giả có sẵn về giáo pháp. Thật là may mắn, con đường đó có thể là cuộc hành trình không bao giờ kết thúc về việc tự khám phá vào mọi khía cạnh trong đời sống của hành giả.

Về mọi giáo pháp của Đức Phật, kinh *Kalama* là bản kinh mà tôi ưa thích nhất, chính vì kinh này cổ vũ sự quan tâm sâu xa đối với giáo pháp. Người Kalama là một bộ tộc sống tại Ấn Độ dưới thời Đức Phật; họ đã tham vấn Đức Phật về cách làm thế nào để nhận biết đâu là những lời dạy minh triết và đáng tin cậy. Quả thật, nếu Phật giáo không thấm đẫm tinh thần của kinh này – tinh thần truy vấn và kiểm chứng – hẳn là ngày nay tôi đã không thực hành Phật pháp.

Tôi đã được nuôi lớn trong cái điều mà người ta có thể gọi là truyền thống hoài nghi. Người đầu tiên dạy cho tôi về tầm quan trọng của việc đặt câu hỏi chính là cha tôi, và ông là người thuộc đời thứ mười bốn của một giòng họ toàn là các giáo sĩ Do Thái giáo. Nhưng, cũng giống như người cha từng là một giáo sĩ chối đạo của mình, ông đã từ bỏ giáo đường – mặc dù cái thời hạn từ bỏ ấy không đáng kể. Ông thường xuyên bày tỏ sự coi thường không chỉ với Chính thống Do Thái giáo mà còn với mọi tôn giáo. Trước những lớp học dạy ngôn ngữ Hebrew, ông thường kéo tôi qua một bên và nói những điều đại khái, “*Hãy hỏi vị giáo sĩ xem làm thế nào mà tổ phụ Moses có thể rẽ được nước sông*”. Như quý vị có thể đoán được, giáo sĩ Minkowitz không thể nào hài lòng khi bị truy vấn theo kiểu ấy. Tôi nghĩ cha tôi là người đầu tiên trong lịch sử đã trả tiền cho một vị giáo sĩ để vị này dùng thuyết giảng tại bàn nghe giảng luật Chúa cho đứa con trai của mình. Cha tôi bảo, “*Xin Cha*

vui lòng. Tiền đây. Cha đừng giảng nữa”. Nhưng vị giáo sĩ tiếp tục giảng, và cha tôi nổi dóa!

Cha tôi đã truyền thụ cho tôi niềm tin của ông vào sự cần thiết của lối tư duy phản biện. Nếu tôi lâm vào một tình trạng rắc rối – ở nhà thì tôi vẫn là một đứa trẻ ngoan, nhưng tại trường và với hàng xóm thì tôi lại là một kẻ ranh mãnh – cha tôi đưa tôi ra xét xử khi ông đi làm về. Ông vẫn có mong muốn trở thành luật sư hay thẩm phán, nhưng ông chỉ là một người lái xe, cho nên ông đã phải thiết lập một tòa án gồm có thêm mẹ tôi và tôi. Phiên tòa của ông có sự thông cảm và tính cách khoan dung: ông cho phép “bị cáo” được phát biểu, và đôi khi, sau lúc lắng nghe, ông bác bỏ điều cáo buộc. Dĩ nhiên, mẹ tôi thường mỉm cười: hai ông bà đều hài lòng khi thấy tôi được “tha bổng”.

Nhưng cha tôi luôn luôn giải thích tại sao tôi nên có hành động khác hơn thế. “*Khi con làm như vậy, dĩ Clara của con tất nhiên phải bực mình; thế rồi dĩ ấy bảo với mẹ con, và bố lại phải nghe nói về chuyện ấy. Lần sau, con chỉ việc cầm lấy những chiếc bánh mì rồi về nhà. Điều đó không gây rắc rối*”. Ông chỉ cho tôi thấy rằng hành vi của tôi có những hậu quả xấu. Trên hết, ông dạy cho tôi biết là mọi người đều có quyền truy vấn về mọi việc và từng việc một. Quyền đó kéo theo tinh thần trách nhiệm: nếu ta đặt vấn đề về hành động của người khác, ta cũng phải sẵn lòng đặt vấn đề về hành động của chính mình.

Giống như cha tôi, những người Kalama trong kinh *Kalama* là những kẻ hoài nghi nhưng có tinh thần trách nhiệm. Họ nhận thức được tầm quan trọng của những vấn đề tâm linh nhưng lại bị tràn ngập bởi những vị thầy thường cạnh tranh nhau để giành giật thánh giả và biện hộ cho những triết thuyết khác nhau. Môi trường của họ chẳng khác mấy môi trường mà chúng ta sống ngày nay. Chúng ta cũng bị tràn ngập bởi những lựa chọn: “*Có tin vào tôn giáo hay không? Loại nào? Phật giáo chăng? Phong cách nào? Thiển minh sát tuệ à? À, đã thử rồi à? Có phải là hơi khô khan và có lẽ là nói quá nhiều về đau khổ với vô thường, phải không nào? Có lẽ bạn sẽ thích Đại viên mãn hơn, sự hoàn thiện nhờ*

vào cách sắp xếp cấu trúc nội tại của tâm. Lại nữa, hầu hết các giảng sư Thiền minh sát tuệ đầu có phải là tu sĩ; họ còn mặc cả quần thụng nữa. Ít ra thì những vị sư Tây Tạng, trong cái trang phục màu mè của họ, cũng có vẻ là đạo sư. Hay là thử tìm hiểu Thiền Nhật Bản xem. Tuyệt vời! Những câu truyện ngụ ngôn của Thiền vừa dạy được bạn vừa làm cho bạn bật cười. Còn cái khuynh hướng Viên giác là lối tu bao quát mọi trường phái thì thế nào?”

Chúng ta đang sống trong một thị trường tâm linh hết sức hỗn độn, đầy những tuyên bố và hứa hẹn. Chẳng lạ gì khi hầu hết chúng ta đều cảm thấy rối trí. Hơn hai mươi lăm thế kỷ trước, người Kalama cũng hoang mang như thế trước sự quá phong phú những con đường đưa đến trí tuệ và an lạc.

Mặc dù người Kalama đã biết đến danh tiếng của Đức Phật như là một vị thầy hết sức minh triết, họ cũng vẫn lo ngại rằng chính Ngài cũng chỉ là một trong các vị giảng sư đang giữ một quan điểm có tính cạnh tranh. Tôi thán phục một cách sâu xa mức độ hoài nghi lạ thường của họ. Lịch sử nhân loại cho thấy rằng hầu hết chúng ta bị lôi kéo đến với những người mang lại một giáo pháp mạnh mẽ không thỏa hiệp và những kẻ nói hoặc hàm ý *“Vấn đề là vậy đó, và tất cả ai nói khác đều sai lầm”*. Chắc chắn là chúng ta đã thấy được cái mô thức nguy hiểm đó trong nền chính trị hiện hành. Nhưng điều đó cũng hiển hiện trong môi trường tâm linh, nơi mà cùng những câu hỏi được đặt ra là: “Quý ngài có thực sự mong muốn sự giải thoát không? Quý ngài có thể vận dụng được tinh thần trách nhiệm không? Hay quý ngài chỉ ưa thích những vị thầy gây ấn tượng cung cấp mọi câu trả lời và làm hết những công việc khó nhọc giúp quý ngài?”

Mặc dù có hàng loạt những vấn đề ở những trung tâm giáo lý Phật pháp trong vòng vài chục thập kỷ qua, tôi vẫn thấy một số thiền giả ký gửi sự thông minh của họ tại cửa trung tâm, và hầu như nằm phục dưới chân vị thầy, cầu khẩn, *“Chỉ cần nói cho con biết con phải sống như thế nào?”*. Ngay cả với niềm tin sắt đá của tôi về việc phải truy vấn, chính tôi cũng đã vài lần thể hiện sự tuân phục một cách lầm lẫn như vậy. Còn về phần bạn? Tôi đã khao khát một vị thầy riêng của mình với con đường duy nhất tiến vào chân lý. Có một cảm tưởng phi thường khi được là đệ tử của vị thầy như thế. Đời sống tâm linh của tôi được chăm sóc. Tôi được xóa tội về những bản khoản và tinh thần trách nhiệm có mặt cùng với việc thể hiện quyền đặt câu hỏi. Nhưng, tất nhiên, tôi vẫn chưa được giải thoát.

Câu trả lời của Đức Phật trước những bản khoản và bối rối của người Kalama mang lại cho ta một liều thuốc giải độc về việc thực hiện những lựa chọn không khéo léo. Ngài hướng dẫn người Kalama, và cả chúng ta nữa, việc lựa chọn một vị thầy và cũng là việc thiện xảo trong sự truy vấn về mọi lãnh vực của đời sống:





“Như vậy, này các người Kalama, điều ta vừa nói với các người: các người Kalama, các người đừng tin vì nghe nói lại, đừng tin vì theo phong tục, đừng tin vì nghe tin đồn, đừng tin vì kinh điển truyền tụng, đừng tin vì lý luận, đừng tin vì công thức, đừng tin vì có suy tư đầy đủ về những dữ kiện, đừng tin vì có thẩm sát và chấp nhận lý thuyết, đừng tin vì thấy thích hợp, đừng tin vì Sa-môn là thầy mình. Nhưng này các người Kalama, khi nào các người tự biết rõ: Các pháp này là bất thiện, các pháp này là đáng chê, các pháp này bị người trí chỉ trích, các pháp này nếu được thực hiện, chấp nhận thì dẫn đến bất hạnh, khổ đau, thời này các người Kalama, các người hãy từ bỏ chúng đi. Điều đã được nói như thế là do nhân duyên như thế.”

“Này các người Kalama, đừng tin vì nghe nói lại, đừng tin vì theo phong tục, đừng tin vì nghe tin đồn, đừng tin vì kinh điển truyền tụng, đừng tin vì lý luận, đừng tin vì công thức, đừng tin vì có suy tư đầy đủ về những dữ kiện, đừng tin vì có thẩm sát và chấp nhận lý thuyết, đừng tin vì thấy thích hợp, đừng tin vì Sa-môn là thầy mình. Nhưng này các người Kalama, khi nào các người tự biết rõ: Các pháp này là thiện, các pháp này là không đáng chê, các pháp này được người trí khen ngợi, các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận thì dẫn đến hạnh phúc an vui, thời này các người Kalama, các người hãy đạt đến và an trú.”

Trước khi tìm hiểu sâu hơn những lời dạy đó trong kinh này, tôi muốn kể lại một câu chuyện. Câu chuyện này được cho là đã xảy ra tại một ngôi làng ở Trung Quốc nơi mà các Phật tử từ nhiều nơi đến tụ tập để nghe pháp được truyền giảng bởi một vị pháp sư trẻ

tuổi rất nổi tiếng. Một hôm, một vị thầy già đáng kính tham dự buổi giảng pháp với đám đông. Khi vị pháp sư trẻ nhận ra vị thầy già, ông nói, “Mời trưởng lão lên đây. Hãy ngồi cạnh tôi trong lúc tôi giảng pháp”. Nghe vậy, vị thầy già đáng kính tiến đến ngồi gần vị giảng sư trẻ. Vị giảng sư trẻ tiếp tục bài giảng và mỗi lời vị này nói ra đều được trích dẫn từ kinh điển hay từ một vị tổ Thiển. Vị thầy già đáng kính bắt đầu ngủ gà ngủ gật trước đám đông. Mặc dù vị giảng sư trẻ đã nhận thấy điều ấy qua khóe mắt, ông vẫn tiếp tục bài giảng. Ông càng trích dẫn những điều có thẩm quyền, vị thầy già càng chìm sâu vào giấc ngủ. Cuối cùng, vị pháp sư trẻ dừng lại và hỏi, ‘Có gì nhầm lẫn không? Bài giảng của tôi quá chán, quá tẻ, quá sai lạc hay sao?’ Vào lúc đó, vị thầy già nghiêng người về phía người giảng sư trẻ và véo ông ta một cái thật mạnh. Người giảng sư trẻ kêu lên ‘Ái chà!’ Vị thầy già nói, ‘Thế đấy! Đây mới là điều mà tôi đã phải từ xa đến để được nghe. Lời giảng tinh túy vừa rồi. Lời giảng “Ái chà!” ấy’.

Giống như vị thầy già trong câu chuyện thiền vừa kể, câu trả lời của Đức Phật dành cho người Kalama nhấn mạnh đến tính ưu việt của kinh nghiệm trực tiếp. Đức Phật hiểu rõ rằng con người phải nương tựa vào nhiều loại thẩm quyền, có những thẩm quyền nội tại, một số là ngoại tại, một số đáng tin cậy, một số khác là những con đường sai lạc. Ngài khuyên họ rằng chỉ vì một giáo pháp nào đó là cổ xưa, hay được ghi nhận lại trong các kinh điển, chưa chắc đã là chân thực. Chỉ vì một giáo pháp nào đó tỏ ra là hợp lý hoặc vì con người bị thu hút bởi người đã giảng giải điều đó, chưa chắc đã có nghĩa đó là điều minh triết.

Vậy thì câu hỏi trở nên là: Bằng cách nào ta phân biệt được điều đáng tin cậy với những điều sai lầm hay những hướng dẫn lạc lối? Đây là nơi ta có thể chuyển hướng theo những chỉ dẫn để học được cách sống đúng nghĩa?

Trong kinh *Kalama*, Đức Phật không hề phủ nhận sự suy xét hay luận lý. Ngài cũng không cho rằng những giáo pháp cổ xưa là không thích hợp, hoặc con người phải phát hiện lại bánh xe pháp mỗi khi họ đối diện một sự lựa chọn. Không, Đức Phật cung cấp cho người Kalama – và cho tất cả chúng ta – những chỉ dẫn tổng quát mang tính cách phòng ngừa chứ không phải là cấm đoán. Ngài lưu ý chúng ta đừng tuân phục một cách mù quáng trước mọi thẩm quyền của truyền thống hay của các đạo sư, hoặc thẩm quyền của những ý tưởng của chính mình. Ngài cũng cảnh giác phải chống lại mọi sự tuân phục mù quáng trước những suy xét và luận lý.

Với những hành giả mới bước vào đời sống thực hành giáo pháp, những điều căn dặn này đặc biệt có ý nghĩa. Ở bước đầu trong việc thực hành, ta sẽ thấy rằng những niềm tin được khơi gợi bởi giáo pháp, bởi các vị đạo sư cũng như sự hỗ trợ của cộng đồng tu tập

giúp đỡ ta rất nhiều trong việc thúc đẩy và cung cấp năng lực cho ta để ta bắt đầu tu tập. Tuy nhiên, niềm tin đó chỉ có tính cách tạm thời. Hãy nhớ, Đức Phật bảo ta phải kiểm chứng mọi giáo pháp và mọi ý tưởng như là những “giả thuyết có thể chấp nhận được” trong phòng thí nghiệm. Có một “thời điểm hết hạn” khi một niềm tin dựa trên sự hỗ trợ bên ngoài phải nhường bộ trước những niềm tin xây dựng trên kinh nghiệm cá nhân. Tại thời điểm đó, sự hiểu biết của ta không còn là sự hiểu biết vay mượn của người khác. Đó là sự hiểu biết chân thực và là của chính mình. Điều đó xảy ra khi ta phát triển được khả năng nhận thức rõ và giữ được sự ổn định của chánh niệm.

Cho dù là người mới hay kẻ đã có kinh nghiệm thiền định, khi thực sự tìm hiểu kỹ về lòng tin và những niềm tin chắc chắn của mình, có khi nào bạn thấy điều đó thách thức bạn và khiến bạn cảm thấy đuối sức? Điều đó chắc chắn đã từng là kinh nghiệm của tôi. Giáo pháp có thể gợi hứng cho bạn. Chỉ cần nghe giáo pháp không thôi cũng có thể làm thỏa mãn trí tuệ và nuôi dưỡng cảm xúc của bạn. Ngay cả như vậy, hãy nhớ phải đặt câu hỏi: Điều đó đưa ta đến đâu? Có phải việc thực hành thiền định gợi cho ta đi theo hướng hành động với từ bi và trí tuệ hơn? Phải tìm hiểu kỹ điều này. Nhưng đừng dừng lại ở đó. Để cho giáo pháp trở thành kinh nghiệm thật của chính mình - để cảm nhận được cái “ái chà” của giáo pháp - bạn phải sống miên mật với giáo pháp, nắm lấy giáo pháp để nghiên cứu thật cẩn thận, và để cho giáo pháp nắm lấy bạn để xem xét bạn thật cẩn thận. Đức Phật đã nói, “Hãy làm ngọn đèn cho chính mình”. Những câu hỏi của bạn thấp sáng con đường. Đó chính là điểm cốt lõi của kinh *Kalama*.

Cuối cùng, mọi ý niệm của bạn về chân lý phải được đưa vào để kiểm chứng trong những kinh nghiệm sống động. Trong suốt những lời giảng của Ngài, Đức Phật cung cấp một công thức đơn giản để dẫn dắt chúng ta đi theo hướng đó: hãy xem xét mọi sự về phương diện nhân quả. Bất kỳ điều gì thô tháo vụng về dẫn tới tai họa hoặc đau khổ cho mình và cho người, ta phải nhận biết và từ bỏ. Bất kỳ điều gì khéo léo tinh tế đưa đến an lạc và hạnh phúc cho mình và cho người, ta cần phải theo đuổi.

Hãy nhớ rằng ngay từ đầu trong cuộc sống của một bậc Đạo sư, Đức Phật đã nói, “Ta chỉ giảng dạy một điều duy nhất, đó là sự khổ và cách thoát khổ”. Thế rồi, Ngài trao cho chúng ta một bộ cẩm nang thực hành nhấn mạnh đến việc học cách sống và cách làm giảm bớt đau khổ, được gọi là Tứ diệu đế: “Đây là khổ; đây là nguyên nhân của khổ, gồm có tham ái và bám chấp; đây là trạng thái chấm dứt khổ; và đây là con đường dẫn đến trạng thái chấm dứt những đau khổ đó”.

Tứ diệu đế là kim chỉ nam của chúng ta trước mọi hình thái của cuộc sống, cho dù đó là lúc ngồi trong thiền đường hay khi chạm trán một người xa lạ ngoài

phố. Trải qua hàng ngàn năm, giáo pháp đó vẫn được chia sẻ bởi mọi giáo phái Phật giáo và đã hướng dẫn vô số hành giả. Tứ diệu đế mang lại một phương tiện giúp con người học được những biện pháp khéo léo nhằm làm giảm đau khổ trong cuộc đời và giải thoát từng con người khỏi mọi khổ đau trong cuộc sống.

Nhưng ngay cả những giáo pháp căn bản nhất của Đức Phật như Tứ diệu đế cũng cần phải được đặt dưới ánh sáng của sự truy vấn được nói trong kinh *Kalama*. Tôi đã học được điều này trong thời gian bắt đầu trở thành một hành giả, khi Đại sư Ajahn Chah người Thái đến thăm Trung tâm Thiền Insight Meditation Society tại Barre, bang Massachusetts, Hoa Kỳ. Vào lúc ấy, hầu hết hành giả sơ cơ chúng tôi đã bị mê hoặc bởi năng lực giải thoát của hạnh buông xả. Trong những câu chuyện của chúng tôi, ai cũng nói đến việc buông xả điều này, buông xả điều nọ - và hầu như buông xả “tất cả mọi sự”. Khi nghe những điều ấy, ngài Ajahn Chah có vẻ càng lúc càng ngờ vực. Ngài khuyến khích chúng tôi từ tốn hơn, cô đọng hơn, và xem xét thật cẩn thận những khoảnh khắc khi chúng tôi thực sự cảm thấy đau khổ. Thay vì vội vàng buông xả, ngài nhắc nhở chúng tôi phải đối mặt trực tiếp với đau khổ và nghiêm kỹ xem có phải điều đó có nguyên nhân là những hình thức tham ái và bám chấp hay là vì thiếu những thứ mà đáng ra phải có. Ngài cho rằng việc buông xả thực sự phải học được từ việc thấy rõ cái giá mà chúng ta phải trả trong việc bám giữ hay chống đối và từ niềm vui mà chúng ta được hưởng khi chúng ta đã được giải thoát khỏi gánh nặng của việc bám chấp.

Việc chú ý đến những kinh nghiệm của chính mình về đau khổ, thay vì quan tâm đến những ý tưởng mang tính khái niệm của việc buông xả, cho chúng ta cơ hội thấy rõ lợi ích của Tứ diệu đế trước những thử thách gắt gao trong cuộc sống của chính mình. Sự chuyển hóa đau khổ đến từ nhận thức sẽ có năng lực mạnh mẽ nhất khi sự chuyển hóa đó là thiết thân với kinh nghiệm trong cuộc sống của chính chúng ta. Hãy truy vấn, đặt câu hỏi và kiểm chứng những hiểu biết của mình về giáo pháp để sự hiểu biết đó được ghi khắc trong tâm khảm của mỗi người. ■

Trích từ Three Steps to Awakening: A Practice for Bringing Mindfulness to Life, Larry Rosenberg, Shambala Sun Publications Inc. 2013

Nguồn: Be a Lamp Unto Yourself, Shambala Sun Magazine, số 1-2014.

Larry Rosenberg là người Nga gốc Do Thái di cư sang Hoa Kỳ, nghiên cứu về Tâm lý học Xã hội tại University of Chicago và đã từng là giáo sư tại Harvard. Không hài lòng về học thuật phương Tây, ông tìm hiểu đạo Phật, thực hành với các vị thiền sư Đại Hàn và Nhật Bản, rồi trở thành một học giả chuyên về Thiền Nhập tức Xuất tức niệm (Anapanasati). Ông là tác giả một số tác phẩm Phật giáo được ưa chuộng.

Đọc **Cà Phê Không Đường** tập 2 của Nguyễn Cẩn

TRẦN TUẤN MẪN

LTS: Nhân Nguyễn Cẩn, cây bút thường xuyên của Văn Hóa Phật Giáo, vừa cho ra mắt Cà Phê Không Đường tập 2, chúng tôi xin đăng bài viết đầu sách của cư sĩ Trần Tuấn Mẫn để giới thiệu cùng độc giả.

Sau tập 1, *Cà Phê Không Đường* tập 2 vừa được tác giả Nguyễn Cẩn hoàn tất và ra mắt độc giả. Vẫn là những nỗi băn khoăn ray rứt, trần trụi, bức xúc; vẫn là những tiếng thở dài sau những nhận định của một người trí thức, cảm xúc dù chợt đến, chợt đi, vượt lên trên vẫn là tình yêu thương, niềm thông cảm, sẻ chia cùng số đông người trong xã hội trước những sự việc không tốt đáng ra có thể tránh được do một số người vô tình, vô cảm hoặc vì nhiều lý do chủ quan hay khách quan đã gây nên. Nền tảng của những phân tích, luận cứ vẫn là sự chân thành, nhu hòa cố hữu của tác giả trong khi trình bày sự việc, không quên gửi theo những nhắc nhở và những giải pháp theo tinh thần nhân đạo, bi trí của Phật giáo nhắc nhở đến các vị hữu trách.

Cà-Phê Không Đường, ý tác giả là sao? Có lần được hỏi, anh chỉ cười, nói vắn tắt: Cà-phê để tỉnh táo, không đường thì hơi khó uống. Thoạt nghe, người ta có thể hiểu: Nguyễn Cẩn muốn ai đó cần tỉnh táo để nghe anh trình bày, phân giải và “thuốc đắng già tật”, lời trung thực có thể khó nghe, khó nhập vào tai, vào trí, vào lòng những người có liên quan. Chủ yếu hẳn là thế; nhưng ngẫm nghĩ kỹ hơn thì hình như không chỉ là thế.

Cà-phê không đường hẳn là đắng, làm tỉnh táo, làm thao thức. Người tỉnh táo trải nghiệm, thao thức, khó

chịu về những bất cập, bất công, bất như ý, có khi nghẹn ngào, trước tiên, chính là tác giả. Anh là một tiến sĩ ngành quản trị kinh doanh, một doanh nhân, một nhà thơ, nhà văn, nhà nghiên cứu Phật học và là người viết nhiều bài xã luận cho nhiều báo, đặc biệt cho *Văn Hóa Phật Giáo* là tạp chí đã đăng một số lớn các bài trong cả hai tập *Cà Phê Không Đường*. Với một kiến thức vững vàng về kinh tế, xã hội, với sự rung cảm nhạy bén của văn gia, thi sĩ và khả năng bi trí của một cư sĩ Phật giáo, các tác phẩm của Nguyễn Cẩn có sự trong sáng, rạch ròi, hấp dẫn lạ kỳ!

Cảm nghiệm cà-phê không đường của tác giả hẳn cũng là cảm nhận của nhiều người khác, trong đó có bè bạn của anh khi đọc tác phẩm tập thứ hai này, hoặc đọc rời rạc trên các báo hoặc tổng hợp lại tự mình nhìn thấy những mặt tiêu cực của xã hội. Tôi từng nhận được nhiều điện thư, tin nhắn và điện thoại của bạn bè, của độc giả *Văn Hóa Phật Giáo* hỏi tin tức về anh khi anh phải nằm bệnh viện để giải phẫu tim. Nhiều người bảo rằng anh viết về “*Cà Phê Không Đường*”, uống nhiều “cà-phê không đường” quá, muốn đem “cà-phê không đường” mời những người hữu trách trong những tiêu cực của xã hội cùng uống mà hóa ra có hại cho tim mạch đến nỗi phải nhờ dao mổ của bác sĩ chỉnh lại trái tim anh. Những câu nói “như đùa” ấy có an ủi anh phần nào không?

Lắm khi buồn bã sự đời, tình đời, hoặc ân hận vì những sai trái của mình, của đời, tôi và có thể nhiều người khác, cũng tìm đến ly cà-phê đen ít đường hay không đường ở góc vắng của quán cà-phê để tỉnh táo, âm thầm buồn khổ, sám hối và hy vọng... Không biết có vị chức trách nào suy nghĩ, đồng cảm với chúng tôi không!

Bên tách cà-phê thường vẫn là những người bạn, câu chuyện thường nhẹ nhàng, thân tình, sự trao đổi thân mật, có khi tiếng nói trầm lặng phát xuất từ con tim này thâm nhập vào con tim kia. Những bài viết của Nguyễn Cẩn, những giải bày của anh để mong được đến tai, đến tim ai đó hẳn cũng có thể mang tính chất thân tình, dù có khi vấn đề khá gai góc bên tách cà-phê như thế.

Đã nhiều lần cà-phê cùng Nguyễn Cẩn bên góc quán vắng, tôi lại càng thương anh, lại thêm ghiền cà-phê, kể cả cà-phê không đường và thành ra ái mộ “cà-phê” của anh. Thông cảm, mến mộ anh, tôi tin và mong có nhiều độc giả như tôi vậy. ■



Ấn phẩm **Liễu Quán** ra mắt đầu xuân Giáp Ngọ 2014

TÂM KIÊN

Vùng đất Thuận Hóa là nơi khởi đầu của Phật giáo Đàng Trong kể từ khi chúa Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa (năm 1558), sau đó Phật giáo đã phát triển mạnh mẽ từ Trung vào Nam từ khi Thiền sư Liễu Quán ngộ đạo và khai sáng thiền phái Liễu Quán. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử dân tộc, Phật giáo vẫn bám rễ vững chắc trên vùng đất này. Đặc biệt, với phong trào chấn hưng Phật giáo vào những năm ba mươi của thế kỷ trước, Phật giáo đã thích ứng với đổi thay của thời đại, tạo sức sống mới cho công cuộc hoằng dương Chánh pháp, trong đó báo chí Phật giáo đã đóng vai trò nổi bật với tạp chí *Viên Âm*, và sau đó là tạp chí *Liên Hoa* tiếng tăm một thời...

Phật giáo Huế ngày nay đã kế thừa những giá trị vật thể và phi vật thể của đất cố đô văn vật, với mật độ dày đặc những danh lam cổ tự; với kiến trúc chùa có phong cách riêng; với đạo hạnh và sự nghiệp hoằng hóa của những vị cao tăng thạc đức, những vị trụ trì những ngôi tổ đình, đã duy trì và phát triển mạng mạch Phật giáo.

Như một sứ mạng tất yếu, những người thiết thân với văn hóa Phật giáo vùng đất cố đô cần phải nghiên cứu, công bố, và phổ biến cho mọi người những vốn quý của Phật giáo mà mình đã may mắn thừa hưởng, nhằm củng cố và phát huy các giá trị văn hóa Phật giáo trong thời đại mới. Đó là yêu cầu khách quan, là động lực để trong những năm qua, Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán Huế đã khai sinh các tập san *Liễu Quán* (từ số 1 đến số 18). Nhận thấy hình thức đơn giản và phương thức lưu hành nội bộ của tập san chưa đáp ứng yêu cầu của thời đại mới, Trung tâm đã chuyển từ nội san phổ biến hạn chế thành ấn phẩm xuất bản đàng hoàng, bước đầu lên kế hoạch ra ba ấn phẩm trong một năm vào các mùa: Xuân, Hạ, Thu Đông. Nhân duyên đã tụ hội, ấn phẩm đầu tiên đã ra mắt trọng thể tại Trung tâm VHPG Liễu Quán (Huế) và đã phát hành toàn quốc vào cuối tháng 1/2014.

Trong ấn phẩm đầu tiên này, Liễu Quán thực hiện chuyên đề: "Tổ sư Liễu Quán và phả hệ truyền thừa". Xin quý độc giả lắng lòng để đọc *BIA MINH THÁP* của Hòa thượng Liễu Quán thuộc dòng Lâm Tế chánh tôn đời thứ 35 được sắc phong là Chánh Giác Viên Ngộ do Hòa thượng Thích Thiện Siêu phụng dịch, cùng những bài nghiên cứu về Tổ với sự nghiệp hoằng hóa và truyền thừa vô cùng lớn lao.

Ấn phẩm chú trọng phần Phật học và hướng về cội nguồn, lưu tâm đến văn hóa Phật giáo trên các vùng miền của đất nước, đến văn hóa Phật giáo quốc tế và cuộc sống tâm linh của Phật tử khắp năm châu. Độc

giả có thể tìm thấy một số bài theo nội dung nêu trên, cụ thể như: *Phật giáo Huế trong dòng chảy của lịch sử* (Cao Huy Thuần), *Từ dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử đến thiền phái Liễu Quán: Sự tiếp nối của mạch nguồn dân tộc* (Thích Không Nhiên), *Một ngày vui* (Tâm Bồ)...

Ngoài chuyên đề và chương mục Phật học, còn có những chương mục khác: **Văn hóa, Di sản – Tư liệu, Trên địa cầu xanh, Phật giáo với khoa học, Văn học – Nghệ thuật**. Đặc biệt trong ấn phẩm này, họa sĩ Đinh Cường đã viết bài rất cảm động: *Giờ trang bồi đắp người về pháp không*, về cố Hòa thượng Thích Đức Tâm, vị Giám đốc đầu tiên của Trung tâm VHPG Liễu Quán, với tấm lòng vô cùng thương yêu và kính trọng. Cũng có thể kể thêm: "*Phật giáo là một thành tố mang tính định mệnh của nền văn hóa Việt*" (Nhà văn Nguyễn Xuân Khánh trao đổi với Trần Văn Khắc quanh tác phẩm *Đội gao lên chùa*).

Ấn phẩm *Liễu Quán* còn có dành một chương mục lấy tên "**Sen hàm tiếu**" để đăng sáng tác đầu tay của các cây bút trẻ, các Tăng Ni sinh, đoàn sinh Gia đình Phật tử, sinh viên học sinh về những suy tư, cảm nghĩ chân thành, trong sáng về đạo và đời, với cách thể hiện đa dạng:

truyện ngắn, tùy bút, tản văn, thơ, biên khảo. Lần này, đóa sen mới hé nụ là một truyện ngắn của một Tăng sinh của Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

Lần giờ từng trang của ấn phẩm, quý độc giả ắt sẽ bồi hồi khi xem những hình ảnh về tôn tượng và bảo tháp Phật hoàng Trần Nhân Tông, về Tổ sư Liễu Quán và tháp Tổ thiêng liêng, về những mái chùa xưa cổ kính, những văn bia đã đậm màu thời gian... và không chỉ là minh họa, một số tấm hình quý giá hiếm hoi còn lưu giữ về các bậc cao tăng thạc đức.

Từ trang đầu là lời ngỏ của Hòa thượng chủ biên đến trang cuối là sáng tác của một Tăng sĩ trẻ, ấn phẩm khép lại 120 trang trên giấy tốt, trình bày công phu, trang nhã. Mong sao ấn phẩm *Liễu Quán* được quý độc giả khắp mọi nơi hoan hỷ đón nhận trong mùa xuân Giáp Ngọ 2014. ■





bên cha mẹ già

ANH THU

Chúng tôi có tám anh chị em. Lúc nhỏ, sống với cha mẹ ở quê nhà Hà Tiên thuộc tỉnh Kiên Giang. Lớn lên, đứa đi học, đứa đi làm ăn xa, chẳng mấy khi được tập trung đông đủ về quê thăm nhà ngoại trừ vào ngày Tết.

Vào tiết Đông chí, người Hà Tiên có lệ cúng Đông chí bằng chè trôi nước, gọi là “ăn ý”. Ăn ý xong nhà nhà sửa soạn đón Tết. Tôi nhớ đến ngày “ăn ý”, bọn chúng tôi vui lắm, biết là Tết sắp đến, hơn nữa được cùng mẹ thức khuya làm ý. Làm ý tức là nhào nặn bột, vo tròn từng viên “tuyết” trắng, tuyết hồng, nho nhỏ xinh xắn. Chúng tôi tranh nhau làm trong khi mẹ nói thơ Hồ Xuân Hương: “Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn”. Đón Tết, mẹ tôi làm dưa món theo cách Huế của mình là đu đủ, cà-rốt, dưa leo, khóm, xắt miếng, tạo hình hoa. Củ cải trắng

xắt thoi, ép bỏ nước. Tất cả được phơi khô tiu tiu, cho vào keo, đổ ngập nước mắm ngon nấu với đường cát để nguội, xong ém chặt, gài lại bằng thanh tre mỏng. Mẹ làm củ kiệu chua cũng công phu lắm.

Ngoài bánh mứt, người Hà Tiên còn ăn Tết với bánh tét, bánh tổ, muối dưa bằng củ cải trắng, cà măng khô kho thịt. Chẳng ai làm bánh chung. Cha tôi bảo: “Làm bánh tét phải xào nếp với nước cốt dừa. Đậu xanh đãi vỏ thì để nguyên hột, gói với thịt mỡ. Bánh tét chuối thì ướp chuối với nước cốt dừa, làm nhưn”. Mẹ nói: “Bánh ‘của tui’, nếp không xào mà để ráo nước, cho thêm chút muối chút đường. Đậu xanh đãi vỏ nấu chín, đánh nhuyễn, vắt từng lọn dài, gói chung thịt mỡ”. Mẹ còn làm bánh chung (chắc để khoe). Bà dạy chúng tôi xếp khuôn bằng lá dừa theo ni tắc. Cách gói, cách buộc sao

cho vuông vức, đẹp. Để được là người Hà Tiên chính hiệu, mẹ tôi học làm bánh tổ: đường thốt nốt nấu ít gừng, khi vừa nguội, nhào với bột nếp, sẽ có màu nâu sền sệt, rồi cho vào từng cái khuôn tre nhỏ, đã lót sẵn lá chuối, gọi là áo bánh, xong đem chưng cách thủy. Khi chín, phơi nắng cho đến lúc mặt bánh nhăn khô, cứng mà vẫn dẻo. Bánh tổ ăn tươi hoặc chiên, rất ngon.

Sơn phết, trang hoàng nhà cửa, lên núi kiếm vài nhánh mai chưng Tết hoặc làm quà. Đến rằm, lật lá. Qua rằm tảo mộ, chùi lư... là việc của cha và các em trai tôi. Bọn con gái chúng tôi thì lo quét dọn trong ngoài, giặt sạch màn cửa, mừng mền v.v...

Mỗi một cái Tết trôi qua, bấy đàn chúng tôi tăng trưởng có kế hoạch trong khi sức khỏe cha mẹ tôi xuống cấp. Chuyện làm bánh làm dưa, cùng mọi việc lo đón Tết như mọi năm với chúng tôi nay chỉ còn trong ký ức. Tuy thế chúng tôi vẫn thực hiện được vì đã lo mua sắm và thuê mướn nhân công trước cả tuần để kịp sáng mồng một Tết, cả bảy tám gia đình nhỏ gồm mười bảy đứa cháu nội ngoại của cha mẹ tôi, mặc áo quần đẹp, thấp nhang lạy Phật và tổ tiên sau đó mừng tuổi cha mẹ, ông bà...

Ở phòng thờ, cha mẹ tôi ngồi trên ghế. Bấy chúng tôi quần tụ thành vòng khép kín dưới nền gạch bóng cùng bánh mứt và các thứ. Giờ đã điểm, trưởng nam của cha "phát pháo". Thế là mỗi gia đình chúng tôi, theo trật tự thứ lớp, mừng tuổi cha mẹ, báo cáo việc làm, việc học

trong năm. Cha mẹ tôi lắng nghe, ôn tồn khuyên nhủ, động viên, dặn dò từng đứa một. Sau đó cha cảm ơn mẹ nuôi dạy các con nên người và săn sóc cha chu đáo (liền ôm hôn mẹ, chúng tôi vỗ tay vui quá trời). Cha nói thêm: "Cảm ơn các con đã tận tình chăm lo thuốc men cùng mọi cái cho ba má, cũng rất chu đáo. Các con còn cho xe đưa ba má đi thăm các kiếng chùa, mua nhiều băng đĩa để ba má nghe giảng pháp. Nhân ngày đầu năm có đủ mặt các con, ba má dặn các con thêm điều quan trọng là khi ba má mất phần, các con nên tổ chức tang lễ gọn nhẹ nhưng phải đúng nghi lễ, hợp thời nghĩa là không rình rang kèn trống ồn ào, cũng đừng hời hợt quá, người ta chê cười. Việc cúng kiếng, thết đãi khách, không sát sanh nấu thịt cá mà dùng món chay. Tiền phúng điếu, các con nên bố thí hoặc cúng dường Tam bảo. Làm được vậy là các con đã đền ơn, báo hiếu cho ba má". Tiếp theo, hai cụ chúc Tết, lì-xì cho hết thầy các cháu nội ngoại. Chúng vui mừng cảm ơn rồi ca hát, đọc thơ. Ổn định xong, mọi người đứng lên chụp chung tấm ảnh cả nhà và mỗi gia đình chụp riêng, tất nhiên không thể thiếu hai nhân vật chính. Thoắt cái, bánh mứt, trà nước hết veo, vỏ hạt dưa vãi khắp phòng.

Có đủ anh chị em ruột thịt sum vầy bên cha mẹ già ăn Tết, được nghe lời bảo ban, căn dặn của các người, đó là lộc phước trời cho, còn gì hạnh phúc hơn? Tôi cầu mong anh chị em chúng tôi, cầu mong mọi người mọi nhà, mãi mãi được lộc phước ấy. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2014

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2014, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 41 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh, Q. 5
 PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ

Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,
 CTC.P. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q. 2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh, USA : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
 CT TNHH Cơ khí Mễ Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
CT Nền Hạnh Phúc, Q. BT : 2 cuốn/kỳ

Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiện Thành, Q. 6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCHP ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan
 (namgiao1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **442 cuốn**
 Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**
 Email: vanhoaphatgiaovnn.vn, hoặc toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập

... bai mai hoa

NGÔ MINH



Ảnh: Ngô Văn Thông

Huế những ngày giáp Tết, hoa mai nở vàng các nhà vườn Kim Long, Thủy Xuân, Nguyệt Biểu... trong các vườn chùa Trà Am, Từ Hiếu, Từ Đàm, Thiên Mụ... trang trọng mà đậm thắm. Hoa mai giống như sức sống của đất trời và con người xứ Huế, qua gian truân lại vươn lên. Hoa mai nhiều là thế, nhưng hơn hẳn các loài hoa quý hiếm, người Huế luôn dành cho hoa mai một tình cảm đặc biệt, linh thiêng đầy bí ẩn. Cành mai Huế ẩn chứa nhiều huyền thoại lý thú.

Năm 1975, tôi là bộ đội giải phóng từ Sài Gòn về ăn cái Tết đầu tiên của Huế. Chiều 30 Tết, tôi dắt cháu nhỏ con anh bạn đi chợ hoa Tết ở Thương Bạc. Đi dạo, ngắm mãi, chọn mãi chúng tôi cũng chọn mua được một cành mai ưng ý để cắm bàn thờ Tết nhà anh bạn. Tôi còn mua một cành mai nhỏ xíu cho cháu bé con anh bạn cầm chơi. Trên đường về, qua cầu Trường Tiền, cháu bé mỗi tay lôi cành mai lật sệt như kéo một cành củi. Bỗng có bà cụ bán bánh dạo dừng gánh bên đường gọi chúng tôi lại và bảo: “Hoa mai thiêng lắm, để cháu nhỏ lôi như rúa là không nên” (người Huế nói *không nên* là chỉ một việc có tính cách phạm thượng). Nghe bà cụ thều thào, tôi ớn lạnh cả gáy, hiểu thêm một nét văn hóa Huế sâu thẳm ẩn sau mỗi cành mai vàng xứ Huế!

Chả thế mà dù có trăm thứ hoa đẹp, ở Huế ngày Tết nhà nào cũng phải có cành mai cắm trước bàn thờ hay phòng khách. Nhà nghèo thì mua cành mai năm bảy nghìn đồng. Nhà giàu sắm cành mai Tết, chậu mai thế, mai cảnh, có khi tới dăm bảy chỉ hay một hai cây vàng! Ở Huế, không chỉ các gia đình chưng hoa mai, mà tất cả các cơ quan, công sở nhà nước cũng cắm cành mai đón Tết rất chín chu, trang trọng bên bánh chưng xanh, câu đối đỏ. Cành mai ở các doanh nghiệp, công sở ở Huế bao giờ cũng rất to, hoa lá sum xuê như cây mai lớn, treo lủng lẳng các thiệp Tết xanh đỏ. Những cành mai ấy giá tới cả triệu đồng.

Nhu cầu mai Tết ở Huế lớn đến mức phải có năm bảy chợ bán mai. Chợ mai lớn nhất là trước Phu Văn Lâu. Trời rét căm căm, những người bán mai vẫn nâng niu từng cành hoa nhỏ. Từ ngày hai mươi hai, hai ba Tết, mai đã về vàng rực phố chợ, mãi tới gần giao thừa

mới vãn! Dân buôn mai từ giữa tháng Chín âm lịch đã bắt đầu đặt cọc mua mai ở các vườn gia đình. Họ thuê kỹ thuật chăm sóc, hái lá mai, tiêm thuốc... để mai nở đúng Tết.

Người Huế quan niệm rằng hoa mai thiêng liêng, ngày Tết của mai để bán là xui. Họ cứ để mai nở vàng rực trước sân nhà như khí thiêng đất trời để đón khách, đón xuân. Nhưng vì điều kiện kinh tế nên nhiều nhà vẫn bán những cây mai nhà. Vườn ông anh tôi ở thị trấn Phong Điền có cây mai mỗi năm bán sỉ cành cho người buôn mai cũng đủ tiền sắm sửa Tết. Vì nghèo mà bán thôi, chứ ông anh tôi bảo rằng: Tết đến mà cây mai xác xơ, trống trải như mất đi một cái gì quý lắm:

*Huế đẹp đã đành xa xôi lắm
Bỗng gặp mai vàng nở choàng vai
Có ông sư trẻ chừng muốn bán
Hoa Tết vườn chùa một nhánh mai...*

(Nguyễn Trọng Tạo)

Hoa mai không chỉ là loại hoa chính trong Tết Huế, mà đằng sau mỗi cành mai còn ẩn chứa nhiều sự linh ứng thời vận và niềm tin tương lai! Người Huế có tục lệ, sáng mừng một Tết, cả nhà đều xúm bên cành mai nghiêng ngó chăm chú xem có bông nào nở sáu cánh không. Hoa mai thường nở năm cánh, còn nở sáu cánh (hay bảy tám cánh) là chuyện hiếm. Người ta coi đó là điềm hên, là báo hiệu tài lộc năm mới. Tục này không biết có từ bao giờ, cho đến Tết này vẫn thịnh hành lắm lắm. Tôi đã từng thấy nhiều bông mai nở sáu cánh, tám cánh làm cho gia đình chủ nhà vui tung bừng suốt cả tuần Tết. Người ta còn xem đoán vận hạn chủ nhân qua cành mai Tết: Hoa tươi hay héo giữa chừng, héo ở ngọn hay ở gốc, ở nhánh bên phải hay bên trái để đoán định sức khỏe từng người trong gia đình rồi búp hoa đậm đà hay thanh mảnh, hoa tươi hay không tươi, xem xét về thể song thân, tiền, hậu...

Hoa mai ngày Tết ở Huế gắn liền với những quan niệm về tâm linh như thế nên người Huế rất quý trọng, thương yêu hoa mai. Nhà thơ thầy giáo Mai Văn Hoan (Trường Quốc Học) tuần sau Tết nọ, đi ngang qua một vườn nhà, thấy một cành mai dường như đã khô vút dưới gốc cây trứng gà. Cành mai tê lạnh, khẳng khiu trong rét tháng Giêng. Thế là nhà thơ vội xé tập bản thảo thơ trên tay, bọc gốc mai mang về cắm lọ hoa trên bàn viết, tưới cho mai nước ấm. Ba ngày sau, cành mai rụng hết lá hoa ấy đã tươi lại. Và những búp mai vàng lại nhú. Và thi sĩ của chúng ta đã làm thơ về những bông mai hồi sinh ấy!

Nói về nguồn gốc của hoa mai, nhà thơ Xuân Hoàng khẳng định rằng, khách thơ là người có công đầu trong việc đưa giống mai rừng tận núi xa về với con người bằng cách bọc hạt mai trong vạt áo ấm:

*"Bỗng một ngày kia một khách thơ
Gặp hoa trong núi, gần ngơ chờ*

*Mai già đến độ ươm nên hạt
Mang giống về xuôi, tự bấy giờ..."*

Nguyễn Đình Chiểu, khi mắt đang sáng, thời gian học ở Huế, có câu thơ rất hay về hoa mai vàng:

*"Hữu tình thay ngọn gió đông
Cành mai nở nhụy lá tòng reo vang".*

Còn Chu Thần Cao Bá Quát sinh thời thường ngâm hai câu thơ chữ Hán:

*Thập tải luân giao cầu cổ kiếm
Nhất sinh đề thủ bách mai hoa.*

Lâu nay người ta truyền tụng hai câu thơ này là của Chu Thần, nhưng các nhà nghiên cứu đã xác định rằng đây là câu đối mà một vị quan phủ ở Quảng Đông viết tặng Nguyễn Tư Giản khi cù đi sứ sang Trung Quốc. Có thể nói đây là câu thơ cao trọng nhất, đẹp nhất để xưng tụng hoa mai, xin tạm dịch:

*Mười năm chu du tìm gươm báu
Cả đời chỉ cúi lấy hoa mai.*

Có lẽ câu thơ ấy hợp khí phách kẻ sĩ của Chu Thần. Nhưng cũng nên hiểu một nghĩa dịu dàng hơn: Câu thơ ấy thể hiện thái độ say đắm đối với hoa mai, bởi hoa là cốt cách của quân tử, của cái đẹp, cốt cách ngàn đời của Huế, của phương Nam nước Việt, nên khi Tết về người Huế thường... *đề thủ bách mai hoa*. ■





Xa và gần

LÊ HẢI ĐĂNG

Tôi rất tâm đắc tựa đề bài viết: “Nam-mô Ti-vi, Quy y Internet” của tác giả Nguyễn Mạnh Hùng đăng trên tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* số 181, ra ngày 15 tháng 7 năm 2013. Nếu quả thật ti-vi và internet có thể trở thành địa chỉ hồi hướng cho tất cả chúng ta, thì tác dụng của công nghệ đáng suy tôn trên tột đỉnh của sự kỳ diệu. Trên thực tế, quan sát những biểu hiện dễ dàng nhận thấy trong đời sống, mức độ phổ cập của ti-vi, internet không hoàn toàn đáp ứng nhu cầu giao tiếp của con người. Mạng lưới quan hệ càng rộng mở, con người càng dễ rơi vào trạng thái cô đơn. Số lượng ti-vi càng gia tăng, mức độ “ly khai”, tan rã của từng thành viên bên trong càng mạnh. Nhờ công nghệ, con người ta trở thành những ốc đảo xoay lưng lại với nhau ngay trong phạm vi gia đình. Cơ cấu gia đình đã liên tục tan rã, suy giảm từ loại hình Tứ đại đồng đường giảm xuống phổ biến loại Gia đình hạt nhân, Gia đình đơn thân và ngay cả trong loại gia đình đơn thân, số thành viên cũng có khuynh hướng xa cách, rời rạc như những củ khoai lang lẫn ra khỏi bao. Xét về mặt chức năng, công nghệ chỉ là phương tiện, không phải cứu cánh. Công nghệ thực sự đã tạo ra những thay đổi to lớn về văn hóa, xã hội. Nhờ vào internet người ta có thể thiết lập mạng quan hệ đa chiều trên trục không gian ảo, từ đó dẫn tới tương tác thật và ảo. Vấn đề gia tăng mâu thuẫn ở chỗ, tương tác ảo đã đẩy tương tác thật tới tình trạng mất đi chỗ dựa tinh thần. Cá nhân bị xô giat thành những ốc đảo cô liêu. Tình cảnh xoay lưng lại với nhau giữa những cá nhân đơn lẻ để đuổi theo những hình ảnh nhảy múa trên chiếc điện thoại khá phổ biến. Thực tại ảo đã thay thế cho thực tại thật nhằm tạo ra một biên giới rõ rệt giữa bên ngoài và bên trong mỗi cá thể. Người xưa yêu nhau thường than thở về khoảng cách không gian, từ đó làm nên ý nghĩa cách trở – xa cách, xa xôi. Người ta thường đặt điều Xa đi đôi với sự Cách. Những anh chàng có tài chinh phục trái tim mong manh của các nàng thiếu nữ đều thấm nhuần tư tưởng “nhất cự ly, nhì cường độ”, cố tạo sức ép cho những đối tượng có người yêu rơi vào hoàn cảnh nghìn trùng xa cách. Khoảng cách vật lý trở thành nỗi ưu tư của không ít người từng chứng kiến những cuộc loạn ly thời không

gian cách trở. Phụ nữ có chồng đi xa cũng sợ chàng dễ thay lòng đổi dạ. Đầu thập niên 90 của thế kỷ trước, ở miền Bắc dấy lên làn sóng xuất khẩu lao động sang các nước Đông Âu đã kéo theo tình cảnh chia đàn xẻ nghé của nhiều cặp tình nhân, vợ chồng. Nhiều “hòn vọng thủy” ở lại nơi quê nhà bị rơi vào hoàn cảnh mất vợ nơi xứ người. Khi ấy người ta kháo nhau rằng: “có vợ đi Tây như xe Cup không khóa để ngoài Bờ Hồ”. Cách trở – khoảng không gian vật lý – thực sự trở thành mối hiểm nguy tiềm ẩn bên trong các cặp tình nhân. Ngày nay, cùng với quá trình phẳng hóa thế giới bằng hệ thống mạng internet, ưu tư cách trở từ ngàn năm về không gian vật lý đã được san lấp bằng thực tại ảo tiện ích vô song. Sự diệu kỳ của công nghệ đã đưa người ta đến với nhau mọi lúc mọi nơi, không chỉ trong tâm tưởng, mà còn trên thực tại ảo. Người ta có thể đến với nhau trên trục không gian vô biên, thậm chí mùi giờ cũng không làm cho người ở bên này xa cách với bên kia. Thành quả của khoa học công nghệ quả là tiện ích, diệu kỳ trong việc tạo ra sự thay đổi.

Công nghệ nói chung nhằm đem lại sự tiện ích, nhưng ứng xử như thế nào với công nghệ và giữa con người với nhau dường như lại là một lĩnh vực khác, đòi hỏi phải tiếp tục sáng tạo ra một môi trường thứ hai – môi trường văn hóa. Thông qua công nghệ internet đã giúp san phẳng không gian cách trở, núi đèo không còn hiện diện chia cách người ta đến với nhau, nhưng giữa con người lại tiếp tục xuất hiện khoảng không gian tâm lý vô hình, vô biên. Nó có khả năng gây trở ngại hơn cả trăm sông, ngàn núi... bằng sự hưng hờ, xoay lưng lại nhau trong thực tại. Con người ngày nay lãng quên nhu cầu tương tác trực diện, thậm chí cụm từ Đối diện đã bị chuyển hóa từ ngối hướng mặt vào nhau thành xoay lưng với nhau, không ngoại trừ cả những cặp tình nhân. Sự kết hợp không theo chiều hướng không gian thực tại, mà tỏa đi trên màn hình ảo của phương tiện đa năng khiến người ta tiếp tục bị chia cách. Có những gia đình đi biển nghỉ mát dành thời gian chủ yếu cho việc chơi game, lướt web, giải trí ở khách sạn mặc cho sóng biển cồn cào vẫy gọi.

Cách đây mấy năm theo dõi vụ giải cứu con tin trong một ngôi trường ở Nga trên truyền hình, thấy cảnh

những ông bố, bà mẹ có con đang bị bắt làm con tin lo lắng, suy sụp tinh thần. Trộm nghĩ những người trong cuộc, như các ông bố bà mẹ kia chắc thêm khát biết bao những ngày con cái đi học trở về nhà bình yên vô sự, một ngày bình thường. Sự xoay lưng trước hiện tại bình dị của nhiều người đã khiến cho giá trị của sự bình thường bị đánh đồng với sự nhàm chán. Con người ta thường có thói quen, khổ sở thì nhớ rất lâu, còn sung sướng, hạnh phúc dễ dàng bị lãng quên! Rồi từ đó, nhân rộng nỗi khổ, liên tục tái hiện trên thực tại.

Câu hát lý thương nhau: “Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua” quả đã trở thành lỗi thời trong thời đại ngày nay. Bây giờ người ta chẳng cần lội, cũng chẳng cần leo mà vẫn đến được với nhau trên không gian bằng phẳng của mạng. Kể từ đó, trái tim con người cũng dễ dàng chuyển từ đỉnh cao chon von của lòng khát khao khám phá, chinh phục xuống mặt đất bằng phẳng, dung dị. Hai người yêu nhau chẳng cần đôi phải cùng nhìn về một hướng mà miễn là có iPhone, iPad, nhà lầu xe hơi... – những giá trị chung. Tất cả giá trị gần kề thay cho khoảng cách về thân xác khi xa cách. Và dường như, quan sát những biểu hiện trên xã hội này, con người ta có khuynh hướng vồ vập nhau khi xa cách hơn. Số lần gọi điện thoại hỏi thăm khi xa nhau nhiều hơn lúc ngồi đối diện hay đang chung sống dưới một mái nhà. Có nhiều cặp tình nhân, bạn bè... thường *chat*, nhắn tin, trò chuyện trên *Facebook* nhiều hơn khi còn kề vai sát cánh... Khoảng cách tâm lý đích thực đã tạo nên một không gian hiện hữu trong thế giới ảo. Nhiều người bạn thường lãng quên nhau khi ở cạnh bên, nhưng khi đi xa vạn dặm, bỗng hỏi han sốt sắng, sôi nổi. Con người thường rơi vào tình cảnh mất mát rồi mới biết từng sở hữu, đặc biệt trên phương

diện hạnh phúc. Tuy nhiên, có những người thân, bằng hữu... ta biết chắc họ vẫn hiện diện đâu đó, nhưng có những người đã đi xa mãi mãi trước khi ta chợt nhận ra rằng mình đã bỏ lỡ nhiều thời gian cho nhau.

Cách đây hơn mười năm có một bệnh nhân mắc bệnh sida trở về từ Thái Lan đã lập một trang web cá nhân để chia sẻ thông tin với những người cùng cảnh ngộ. Anh chàng này lấy một câu khẩu hiệu (slogan) khá ấn tượng cho trang web của mình: “Sida là một cơ hội”. Hãy thử tư duy theo cách của anh ta chúng ta chắc hẳn sẽ có những thay đổi tương ứng. Nếu ai cũng nghĩ rằng mình đang sống những giây phút cuối của đời mình thì hẳn là mọi người đều biết quý trọng những gì đang hiện hữu; đặc biệt là biết rõ việc gì đáng làm, biết rõ ai là người mà mình cần dành thời gian chăm sóc, quan tâm. Người ta không phải nường thời gian vô ích vào những buổi họp tổng sỉ vả cuối năm, đốt tuổi trẻ hư hao trong những quán nhậu ẻ chề. Nhiều hạng gàn dở huênh hoang, thể hiện lòng can đảm nơi quán nhậu, nếu viếng thăm các bệnh nhân đang đấu tranh âm thầm với những căn bệnh hiểm nghèo của bản thân chắc họ sẽ có thêm khái niệm mới về “anh hùng”. Cuộc sống vốn chẳng viên mãn. Hạnh phúc không phải đường đến cho tất cả mọi người, nhưng nhờ vào hành động trong sự lựa chọn mà người ta viết nên ý nghĩa cho những gì đã qua. “Sống ở đời cần có một tấm lòng, để làm gì em biết không? Để gió cuốn đi”. Thứ quý giá trên đời này đến như tấm lòng cũng để gió cuốn đi. Bài học ấy ít ra cũng dạy cho con người biết quý trọng những gì đang còn trên hiện tại. ■



Chuyện kể về cây di sản Việt Nam đầu tiên tại miền Tây

Bài & ảnh: SONG ANH

C húng tôi về lại Khu Di tích Văn hóa Giàn Gừa thuộc ấp Nhơn Khánh, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ nhân sự kiện địa phương tổ chức lễ đón Bằng công nhận cây gừa thuộc Di tích Lịch sử Văn hóa Giàn Gừa được Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam công nhận là một trong 500 cây di sản Việt Nam và cũng là cây di sản đầu tiên ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long được cấp bằng.

Đường dẫn vào khu Giàn Gừa bây giờ xanh mượt bóng cây, nhiều nhất là cam và ổi không hạt trái sai oằn, minh chứng cho một sức sống mới đang về.

Tương truyền đây là nơi mất của bà “Thượng Động Cổ Hỉ”, dù đến nay chưa có ai biết chính xác về lai lịch của bà. Người dân ở địa phương này rất sùng bái bà Thượng Động Cổ Hỉ vì họ cho rằng bà rất linh thiêng, luôn giúp đỡ dân chúng làm ăn trúng mùa được giá, trong thôn xóm lại không xảy ra thiên tai dịch bệnh. Nguyên là trong vùng này có một cây gừa (tên khoa học *Ficus Microcarpa*) cổ thụ phát triển rất nhiều chi đan xen với nhau tạo nên cả một giàn cành nhánh với tán lá phủ cả một khu vực rộng lớn, vì thế mà người ta gọi là giàn gừa. Ngay cả những người dân cổ cựu lớn tuổi

ở đây cũng không biết khu Giàn Gừa này có tự hồi nào, chỉ nghe theo lời người xưa kể lại mà đoán định rằng cây gừa cổ thụ đã có khoảng 160 năm tuổi. Cũng theo những giai thoại được kể lại thì trước đây khu này rộng cả mẫu tây (tương đương 10.000 mét vuông hiện nay), từng đón nhận những người thuộc họ Nguyễn đến khai khẩn lập nghiệp. Lúc bấy giờ cả khu này chỉ có độc nhất một giống cây gừa phát triển xanh tốt, thân cây này quấn chặt với thân cây khác tạo thành những giàn gừa to khỏe. Một hôm khu này bốc cháy dữ dội do một người dân làm rơi tàn thuốc “mô” (loại thuốc giống vắn với lá mã đề, hoặc lá chuối non) rơi xuống lớp lá gừa dày từ bốn đến năm tấc. Vậy là cả khu gừa này tan hoang, tro bụi. Sau đó vài hôm cả làng bỗng xuất hiện bệnh lạ làm người dân biếng ăn, tiêu chảy, ói mửa, có nhiều người chết. Vài tháng sau đó xuất hiện một đạo sĩ đến từ Châu Đốc bốc thuốc Nam chữa khỏi bệnh cho cư dân ở đây. Trước khi đi, đạo sĩ ấy cho biết trong trận hỏa hoạn trên khu Giàn Gừa này có hài cốt bà Thượng Động Cổ Hỉ bị thiêu cháy nên bà nổi giận quả phạt phát sinh dịch bệnh và khuyên dân làng phải chọn ngày 28 tháng Hai âm lịch hàng năm làm lễ cúng Bà. Lễ cúng đầu tiên diễn ra vào năm Đinh Tỵ 1857. Không biết chuyện đó thực



Ria-hu

trong tâm thức người KHƠ-ME NAM BỘ

Bài & ảnh: TRẦN PHÔNG ĐIỀU

Ria-hu là vị thần có khuôn mặt dữ tợn được trang trí phổ biến ở các chùa Khơ-me. Ở chùa, Ria-hu được trang trí tại nhiều nơi như: cổng chùa, hàng cột trong chính điện, trên các vòm cửa phòng của sư sãi... Hình tượng này nhằm nói lên uy quyền của Đức Phật trong việc chế ngự các loài quỷ dữ. Đây là tín ngưỡng sơ khai của cộng đồng người Khơ-me Nam Bộ còn mang dấu vết của việc ảnh hưởng Bà-la-môn giáo. Nó phản ánh cái nhìn “của người trồng trọt sơ khai trước sức mạnh huyền bí của thiên nhiên; nghĩa là trước thời tiết, sự vận hành của các thiên thể, thủy triều, và các hiện tượng tự nhiên khác, tức những gì có thể ảnh hưởng đến quá trình sản xuất của nông dân, thậm chí của cả cư dân ven biển.”¹

Thông thường, Ria-hu được trang trí bằng tranh vẽ hoặc tượng tạc trong tư thế hai tay nắm mặt trăng đưa vào miệng để nuốt. Để giải thích cho hành động này, dân gian Khơ-me có câu chuyện kể như sau:

Ngày xưa có ba anh em nhà nọ có đức tốt, mến mộ đạo Phật. Họ thường xuyên dâng cơm cho sư sãi trong chùa cũng như khi thấy các vị sư khát thực đi ngang nhà. Một hôm, theo thường lệ, để dâng cơm cho vị La-hán mỗi ngày đi khát thực qua xóm, hai người anh bảo người em chụm củi nấu cơm. Hôm ấy do củi ướt nên củi không cháy. Sốt ruột, hai người anh giận dữ la mắng người em. Nhưng do cả ba anh em đều có đức tốt nên cuối cùng củi cháy và cơm chín, kịp dâng cho vị La-hán đi ngang

nhà. Khi đặt bát dâng cơm, người em nghĩ rằng do mình làm em nên mới bị ăn hiếp nên anh ta cầu nguyện xin kiếp sau đầu thai thành một người có sức mạnh vô biên, xin thành Ria-hu hay gió bão, mạnh không ai chặn đứng nổi. Hai người anh nghe lời nguyện ấy, sợ sau này bị em làm khổ mới cầu xin cho kiếp sau, người lớn thành mặt trời, người kế thành mặt trăng. Nhờ đức tốt của ba anh em thường xuyên cúng dường cho La-hán nên ước mơ của cả ba đều trở thành hiện thực. Anh cả thành Mặt Trời gọi là Preah A Tik, anh kế thành Mặt Trăng gọi là Preah Chan, em út thành Ria-hu. Hai anh bị em rượt chạy theo núi Sakmêruk. Ria-hu chạy không kịp, tức giận vô cùng, bèn xuống ao Anotatak tắm rửa. Ao này do chư Thiên biến hóa ra, giao quyền quản trị cho Thần Komphonlak dặn rằng dù cho chư Thiên, Chằn tinh hay kẻ nào muốn lấy nước hoặc tắm rửa, phải có sự thỏa thuận của vị Thần này, ai trái lệnh Thần có quyền xử tử. Ria-hu ý mình vô địch nên không thèm xin phép trước khi tắm, bị Thần Komphonlak chém đứt ngang ngực. Nhờ có phước lớn, Ria-hu không chết, nhưng không còn chân để chạy nên bò lên nửa chừng núi Samêruk nằm hờ hững chờ mặt trời và mặt trăng đi ngang qua thì nuốt. Quả nhiên mặt trăng bị Ria-hu nuốt một năm một lần hay hai lần còn mặt trời thì hai, ba năm một lần.²

Một dị bản khác cho rằng:

Ngày xưa, gia đình nọ có ba anh em trai. Hôm nào ba anh em cũng dành phần cơm đặt bát cho các nhà sư khát thực. Một hôm, hai người anh bảo người em

út nấu cơm, nhưng vì củi bị mưa ướt nên người em út nhóm mãi lửa không cháy được. Đến khi đoàn các vị khất thực ngang nhà mà cơm vẫn chưa chín.

Không có cơm để đặt bát cho các tu sĩ, hai người anh giận lắm, quát mắng và lấy vá xúc cơm đánh vào đầu người em út. Người em út bị các anh đánh, tủi thân bỏ ra bờ con sông lớn sau nhà ngồi khóc. Nhìn nước sông chảy xiết, người em út nguyện kiếp sau được hóa thành người có sức mạnh như dòng nước chảy để không ai bắt nạt được mình.

Hai người anh thấy em bỏ ra bờ sông ngồi khóc bèn theo ra xem xét. Nghe em cầu nguyện như vậy, hai người anh lấy làm lo lắng và từ đó họ luôn cầu nguyện được hóa thành những người có sức mạnh hơn dòng nước chảy để em mình không làm hại được.

Về sau, lời nguyện cầu của ba anh em nọ đều được toại nguyện: Người anh cả được hóa kiếp thành Pờ-rặc A-tít, tức là mặt trời, người anh thứ hóa kiếp thành Pờ-rặc Chanh tức là mặt trăng, và người em út hóa thành Rì-a-hu, một người to lớn, mặt mũi nhẵn nhọt, xấu xí, có sức mạnh vô địch, không ai có thể ngăn cản, chống chọi lại nổi.

Vốn có thâm thù với hai anh từ kiếp trước, Rì-a-hu thường chặn bắt mặt trời và mặt trăng *nuốt* vào bụng để trả thù. Lúc đó, trời đất bị mờ đi, hay tối hẳn lại. Thần Pờ-rặc In, vị thần cai quản vũ trụ, thấy vậy bèn dạy cho Pờ-rặc A-tít và Pờ-rặc Chanh hai bài thần chú gọi là Sô bờ-rích/kinh Mặt Trời và Chanh bờ-rích/kinh Mặt Trăng để mặt trời và mặt trăng đọc khi lâm nạn, buộc Rì-a-hu phải nhả mình ra. Do vậy, Rì-a-hu chỉ *nuốt* mặt trời và mặt trăng được một lát, thì buộc phải *nhả* ra: Trời đất lại được sáng sủa như trước.

Rì-a-hu ý mình to lớn, có sức mạnh, nên rất kiêu ngạo: tự cho mình là người vô địch trong vũ trụ và nghe ở đâu có người phi phạm thì tìm đến để... đòi tử thí.

Một hôm, nghe vợ nói Phật Cổ-đàm là người lớn nhất thế gian, Rì-a-hu liền công vợ, bảo vợ chỉ đường đến gặp bằng được Phật Cổ-đàm. Đức Phật có phép thần thông biết Rì-a-hu đến tìm mình, liền làm phép biến ngôi chánh điện của mình đang ở nhỏ lại. Rì-a-hu bay đến nơi, thấy ngôi chánh điện nhỏ xíu, chỉ bằng nắm tay của mình, thì tự đắc bảo với vợ là mình có thể bóp nát ngôi chánh điện ấy một cách dễ dàng. Nhưng lạ thay, khi Rì-a-hu công vợ, lách mình qua cửa, thì lọt vào bên trong ngôi chánh điện không bị vướng mắc gì cả.

Rì-a-hu càng ngạc nhiên hơn khi thấy bên trong ngôi chánh điện rộng thênh thang và Phật Cổ-đàm mình đắp chiếc y vàng, dáng cao to như quả núi. Chưa kịp định thần, Rì-a-hu liền cất tiếng hỏi:

- Trong vũ trụ có phải ông là người lớn nhất không? Phật Cổ-đàm đáp:

- Trong vũ trụ này không ai lớn hơn thần Ma-ha Pờ-rum (Đại Phạm Thiên).

Nghe nói vậy, Rì-a-hu một mực nài Phật Cổ-đàm đưa mình đến gặp thần Ma-ha Pờ-rum ngay. Phật bằng

lòng, bảo Rì-a-hu bám vào chéo y của mình, để đưa lên thượng giới gặp Ma-ha Pờ-rum.

Ma-ha Pờ-rum thấy Phật đến, vội đem cơm đặt bát cho Phật. Khi đặt cơm vào bát, thần Ma-ha Pờ-rum thấy Rì-a-hu ở chéo áo của Phật, liền hỏi:

- Bạch Đấng Thế Tôn! Sao Ngài để con rệp đu ở chéo áo Ngài thế này?

Ma-ha Pờ-rum vừa nói, vừa bắt Rì-a-hu bỏ lên bàn tay mình đưa cho Đức Phật xem. Rì-a-hu thấy thần Ma-ha Pờ-rum to lớn quá, sợ hãi van xin tha lỗi luôn miệng. Nhưng vì thần Ma-ha Pờ-rum to lớn quá, nên lời van xin của Rì-a-hu không đến tai thần được. Thấy thần Ma-ha Pờ-rum không hề đoái hoài đến mình, Rì-a-hu hổ thẹn quay sang nài nỉ Phật Cổ-đàm cho mình trở về.

Trước khi ra về, Phật Cổ-đàm dặn dò Rì-a-hu không được xuống uống nước trường sinh ở hồ thiêng A-nô-ti. Nhưng vì đường xa, Rì-a-hu khát nước khô cả cổ nên khi đến hồ thiêng A-nô-ti, hấn đánh bạo xuống hồ uống nước. Bất ngờ, Rì-a-hu bị thần giữ hồ Kom-phôn-lác thổi luồng gió thiêng Cầm-ma-viết (luồng gió nghiệp báo) cắt đứt đôi Rì-a-hu ngang ngực. Rì-a-hu hốt hoảng bỏ nửa phần dưới thân người lại dưới hồ. Còn nửa phần trên, nhờ uống nước trường sinh nên còn sống, vội vã bay vút đi. Rì-a-hu bay đến đâu gây mưa bão, cuồng phong đến đó.

Do vậy, mỗi khi có gió to, đồng bào Khơ-me Nam Bộ gõ thùng, gõ mõ... gây tiếng động, hoặc cầm dao và la lớn: "Tránh ra! Tránh ra!" cốt để xua Rì-a-hu đi nơi khác, khỏi gây thiệt hại cho ruộng vườn và nhà cửa.³

Người Khơ-me tin rằng nếu mặt trăng hoặc mặt trời bị Rì-a-hu nuốt hết thì ngũ cốc sẽ hao hụt, còn Rì-a-hu nhả ra thì lúa gạo dồi dào, nên mỗi khi xảy ra hiện tượng nhật thực, nguyệt thực, bà con người Khơ-me đều đổ ra đường cầm theo trống, phèng la, nổi xoong, niêu chảo... đánh âm ỉ để cứu mặt trăng, mặt trời, mong Rì-a-hu ỏi ra để năm ấy được mùa.

Người Khơ-me cũng tin rằng Rì-a-hu là vị thần bảo vệ cho người phụ nữ, giúp cho người phụ nữ sanh đẻ mau mắn. Do đó, mỗi khi có nhật thực, nguyệt thực "phụ nữ Khơ-me mang thai vẫn phải nhịn ăn, ngày xưa còn phải để một bình vôi và một con dao bồ cau vào nếp váy, có lẽ để tự vệ... hay cùng chung một ý nghĩ cầu Rì-a-hu bảo vệ sự sinh nở, để đứa trẻ sinh ra được nhanh chóng và được khỏe mạnh."⁴ ■

Chú thích:

1. Phan Thị Yến Tuyết (1988), *Mô-típ Rì-a hu ở chùa Khơ-me đồng bằng sông Cửu Long*, trong cuốn **Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khơ-me Nam Bộ**, Nxb Tổng Hợp Hậu Giang, tr.232.
2. Lê Hương, *Người Việt gốc Miên*, Sài Gòn 1969, tr.37-38.
3. Dẫn theo Huỳnh Thanh Bình (2012), *Câu chuyện về mô-típ Rì-a hu trang trí ở chùa Phật Khơ-me*, Nguyệt san Giác Ngộ online, ngày 24 tháng 7.
4. Trường Lưu (1993), *Văn hóa người Khơ-me vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Văn Hóa Dân Tộc, Hà Nội, tr.54-55.



Làng hoa giấy Thanh Tiên và mùa xuân mơ ước

LÊ QUANG KẾT

Truuyền thuyết làng Thanh Tiên kể rằng: Ngày xưa ngày xưa... kiêu hoa Chiêm vương Chế Mân rước Công chúa Huyền Trân từ kinh đô Thăng Long về Đồ Bàn đi ngang qua đây vào độ cuối đông. Nỗi nhớ quê cha với dấu xưa xe ngựa vàng son, khiến giữa hoang sơ lau lách, cô công chúa cung son ngọc ngà đã kết giấy làm hoa đón xuân trong niềm hoài niệm cố cung. Làng hoa giấy Thanh Tiên có từ đây. Người Huế và dân làng Thanh Tiên vẫn đau đáu câu Nam bình:

*Nước non ngàn dặm ra đi, mỗi tình chi
Mượn màu son phấn, đến nợ Ô-ly
Đắng cay vì, đương độ xuân thì
Số lao đao hay là nợ duyên gì?*

Từ trung tâm thành phố xuôi về Thuận An độ bảy, tám cây số theo hướng Đông bắc, làng hoa giấy Thanh Tiên hiện lên từ xa rực rỡ lấp lánh đủ sắc màu. Nhà nhà đây ắp nào tre nào giấy xanh đỏ tím vàng lung linh ngũ sắc. Đã bao đời nay vật đổi sao dời, muôn vàn gian nan trắc trở, bà con cố giữ hoa giấy nếp nhà, giữ nó như nhớ về tổ tiên nguồn cội nhớ về một thuở vàng son... hoa giấy.

Tháng Chạp là lúc cả làng rộn hân lên, người chặt tre vót nan, người nhuộm màu cho sắc giấy, người tạo dáng cánh hoa, người xếp hoa lên sào... Mọi thứ đều phải cẩn trọng công phu. Nghề nhân hoa giấy Nguyễn Hóa say sưa bên những đài hoa giọng từ tốn: “Hoa giấy giả mà thật, cái thật là sự kiên trì như chuyện trồng

hoa tươi, cái thật là hoa vẫn giữ được sắc màu theo thời gian...". Cách đây mấy chục năm, nhìn làng hoa giấy lụi tàn, ông nghe lòng chua xót. Lo nghĩ, ông suy tư và trăn trở, phải làm gì để giữ lấy làng nghề? Vậy là ông lặn lội khắp nẻo chợ quê để tìm kiếm đầu ra cho hoa giấy. Mười năm nay, mưa lâu thấm đất. Rồi qua các kỳ lễ hội (festival) Huế, hoa giấy Thanh Tiên được nhiều người biết và trở thành sản phẩm du lịch trên đất cố đô. Thanh Tiên đang dần dần hồi sinh với nghề hoa giấy có bề dày truyền thống gần cả 800 năm...

Thuở nhỏ, lũ chúng tôi tung tăng vui chơi ngày Tết với cây hoa giấy trên tay. Mẹ bảo: Ngày cưới năm xưa gặp mùa lũ nước tràn về chẳng kiếm nổi hoa tươi, nội đã sắm lễ tới mấy chục giỏ hoa giấy. Người làng bảo này nọ thế kia, vậy mà vợ chồng tới giờ vẫn thủy chung viên mãn, chẳng nề chi chuyện hoa giấy hoa tươi... Người làng Thanh Tiên vẫn giữ nếp xưa, một cõi hoa giấy cho ngày nên duyên vợ chồng. Đó là điểm tựa tâm linh và là cốt cách xưa nay của nếp làng vẫn giữ không thể nào quên. Vua Thiệu Trị rất thích hoa giấy. Hàng năm vào lễ tế Giao nhà vua chỉ dụ làng Thanh Tiên thết hàng ngàn hoa sen trắng hồng cho ngày đại lễ. Và thế là cho dù đầu năm mưa dầm gió bắc, trên Phương đàn và Viên đàn vẫn trang nghiêm hoa quả - vua cùng hoàng thân quốc thích thành tâm cầu mưa thuận gió hòa quốc thái dân an...

Hoa giấy gắn với đời sống tâm linh của làng Thanh Tiên và người xứ Huế. Mỗi độ xuân về, hoa giấy theo chân người làng dạo khắp phố phường. Hoa giấy đến với chùa chiền và vào tận hang cùng ngõ hẻm làm đẹp ngày Tết cho mọi nhà. Chẳng dễ gì đâu! Có được những bông hoa ngũ sắc ai nhìn cũng thích, thợ hoa phải chuẩn bị từ đầu thu tháng trước. Tre được tuyển chọn là loại vừa tuổi chưa già nhưng không còn non, chẻ nhỏ vót mỏng phơi khô làm cành làm cuống. Phẩm màu là bí quyết gia truyền của gia đình dòng tộc - nét đặc trưng không lẫn vào đâu được của hoa giấy Thanh Tiên. Chao ôi, đủ thứ! Hoa tươi có thứ gì hoa giấy có thứ ấy! Mai lan cúc trúc, hoa sen, hoa huệ, hoa hồng, dã quỳ, tường vi, hoa chùm, hoa búp..., lại còn hai thứ bông dân dã là bông lòng bông dứa; có thể xem là các tác phẩm mỹ thuật tạo hình đầy thú vị. Lòng là loại bông thôn dã, cây thân thảo; còn bông dứa được tạo dáng từ thân tre vót lên tua tủa trông ngộ ngộ. Họa sĩ Thân Văn Huy mê say hoa giấy, ông đã tổ chức triển lãm nhiều lần, hàng chục bức sơn dầu về bông lòng bông dứa, nghệ thuật sắp đặt hoa giấy trong vườn nhà trên đường phố. Đặc biệt là hoa sen giấy, hồ sen giấy, thiếu nữ bên hoa sen giấy, dòng sông sen giấy, cánh đồng sen giấy... Hoa sen trong trắng khoe sắc như mùa xuân viên mãn - tinh khiết, dịu dàng, hồn hậu, đoan trang - khiến người thưởng ngoạn bất ngờ thú vị, trầm trồ thán phục...

Tôi yêu hoa giấy Thanh Tiên, dầu biết rằng đã có nhiều chủng loại hoa ra đời trong thời công nghệ hiện đại. Hoa

giấy chỉ thiếu hương nhưng hoa chẳng thể tàn. Có một loài hoa không tàn phai theo năm tháng như tình yêu của tôi với Huế thương. Nhà thơ quá cố Huy Cận thời trai trẻ theo học Quốc Học Huế. Ngày kỷ niệm 100 năm thành lập trường xưa, ông viết bài thơ gửi Huế:

"Huế, Huế ai bày chi xứ Huế

Mà tình vương mãi dứt không ra".

Tôi là đứa con bỏ Huế mà đi, loay hoay bạc tóc chẳng làm nên công cán gì. Tình tôi với Huế keo sơn như câu thơ chàng trai Hà Tĩnh thuở xưa trường cũ. Ôi! Hoa giấy Thanh Tiên lòng tôi vương vấn mãi! Tôi nhớ thời vàng son hoa giấy dân dã, thuở nhỏ ngày Tết trên bàn thượng thờ phụng tổ tiên, nhà nào cũng một lọ độc bình hoa giấy. Hồi ức ngày cũ tôi nghe lòng thổn thức, nhớ Huế đến bốn chồn quay quắt. Nỗi nhớ ngày Tết quê nhà chập chờn mộng mị. Những đêm B'lao sương giăng trắng sáng, một mình dạo bước - cảm xúc xao xuyến bất chợt nao nao đến xót dạ. Những lúc như thế tôi muốn tìm về cố quận, sông xưa, núi cũ, tình yêu, bè bạn... ■





Long mã

nét đặc trưng văn hóa tâm linh Huế

Bài & ảnh: NGUYỄN VĂN TOÀN

Đã từ rất lâu, hình tượng long mã đã đặc trưng cho văn hóa tâm linh ở Huế. Bởi thế nên biểu tượng lễ hội (festival) ở Huế cũng có hình một con long mã.

Truyền thuyết về long mã

Ở các nước có bản sắc văn hóa Đông phương như Trung Quốc, Việt Nam, tranh tượng long mã thường được thực hiện theo mẫu mình ngựa có vẩy rồng, đầu rồng, lưng mang báng Bát quái Tiên thiên, thế đứng rất uy nghi, phong thái hùng dũng đang tiến về phía trước. Trong nghệ thuật Trung Hoa cổ điển, long mã

cũng thường được trang trí phối hợp với các linh vật trong tứ linh.

Thực chất, Long mã là hóa thân của kỳ lân, là sự kết hợp đặc biệt giữa rồng, lân và ngựa. Đó là một linh vật có sừng và bờm của rồng, mình của con hươu xạ, đuôi bò, trán sói, thân có vẩy của kỳ lân, chân và móng của ngựa; cao *"tám thước năm tấc, xương cổ dài, cánh bên phải nhúng xuống nước mà không ướt, trên có thánh nhân để bức cổ đồ"* (Nguyễn Mạnh Bảo, *Dịch kinh tân khảo*, Sen Vàng xuất bản, Sài Gòn, 1958, tr.41).

Như vậy, long mã là con ngựa rồng. Trong các bức phù điêu, long mã được thể hiện chạy trên sóng

nước, lấy từ tích “Long mã phụ đồ”. Trong *Tự điển Cao Đài*, tác giả Nguyễn Văn Hồng viết: “Vào thời thượng cổ bên Tàu, đời vua Phục Hy (2852-2737 trước TL), trên sông Hoàng Hà, thình lình một trận giông lớn nổi lên, nước sông dâng cao, có nổi lên một con quái đầu rồng mình ngựa, đứng khời khời trên mặt nước, trên lưng có nhiều chấm đen trắng xếp theo một trật tự đặc biệt và có mang một cây bầu kiểem. Dân chúng thấy chuyện lạ, vội cấp báo cho vua Phục Hy biết. Nhà vua liền đến nơi, đứng trên bờ sông quan sát. Vua Phục Hy là vị Thánh đế nên biết con quái ấy là con long mã, một loại thú linh hiếm có, ít khi xuất hiện. Ngài phán rằng: ‘Nếu phải nhà người đem báu vật đến dâng cho Ta thì hãy lại đây, đến trước mặt Ta’.

Long mã như biết nghe tiếng người, từ từ đi vào bờ, đến trước mặt vua Phục Hy thì quì xuống.

Vua Phục Hy thấy trên lưng Long mã có một bức đồ gồm 55 chấm, nhà vua ghi nhớ vị trí các chấm rồi gỡ lấy bầu kiểem. Xong, long mã liền trở ra khời và đi mất. Mực nước sông Hoàng Hà sụt xuống như cũ. Vua Phục Hy vẽ lại những chấm trên lưng long mã, tạo thành một bức đồ, đặt tên là Hà đồ. Nhà vua quan sát các chấm này, kết hợp với sự quan sát các hiện tượng thiên nhiên trong Trời Đất, nghĩ ra cách tượng trưng Âm Dương, Ngài vẽ ra được Bát Quái đồ, gọi là Tiên Thiên Bát Quái đồ.

Như thế, sự tích “Long mã phụ đồ” (Long mã mang bức đồ, về sau gọi là Hà đồ) có liên quan mật thiết với nguồn gốc Kinh Dịch. Vì vậy, hầu hết các bức tranh tượng long mã đều thể hiện hình Bát Quái Tiên thiên trên lưng long mã. Đó là do thiện ý người xưa muốn diễn dịch nguồn gốc của Bát Quái do Vua Phục Hy sáng tác từ sự trực nhận của Ngài trên bức đồ gồm 55 điểm đen trắng. Với “hệ thống” Hoàng hà - Long mã - Hà đồ - Bát quái - Kinh Dịch, ta thấy Long mã đã trở thành một biểu tượng của vũ trụ quan Đông phương.

Ngoài ra, long mã còn là linh vật của Phật giáo, bởi nó thường cõng trên lưng Luật tạng, một trong ba phần cốt tủy của kinh sách nhà Phật (Tam tạng kinh).

Thông qua hình tượng long mã, người ta hiểu rằng: Rồng thường ở trên cao, khi ẩn khi hiện trong mây, vùng vẫy khắp không gian, biểu trưng cho những gì có tính chất cao thượng, mạnh mẽ, linh hoạt, thuộc Dương, và thuộc Tiên thiên, nghĩa là *tung*, tượng trưng cho kinh tuyến, thời gian. Mã là ngựa, tuy không thuộc linh vật, nhưng là vật rất hữu dụng trong nhân gian, di chuyển nhanh trên mặt đất theo đường thẳng ngang, chở nặng, có sức bền bỉ, có nghĩa khí, thuộc Hậu thiên, là *hoành*, tượng trưng cho vĩ tuyến, không gian. Như vậy, long mã tượng trưng cho sự tung hoành của nam nhi, cho thời gian và không gian, long mã chạy là biểu hiện cho vũ trụ vận động, đồng thời tượng trưng cho thánh nhân. Có thể nói, long mã tiêu biểu đầy đủ các phạm trù Âm Dương, Vũ trụ, sự kết hợp của Tiên thiên-Hậu thiên, và cuộc tiến hóa của vạn vật (ngựa hóa rồng).

Long mã ở Huế

Tại các đình chùa, điện thờ, miếu mạo ở Huế, long mã thường được khắc họa hay đúc tượng trên các vật thể như bình phong, hoành phi để vừa trang trí chốn tôn nghiêm, vừa có công dụng phong thủy trừ tà, khử trược. Nhưng nhiều nhất vẫn là trên các bức bình phong.

Bình phong là một “sản phẩm đặc trưng” của xứ Huế. Người Huế dựng bình phong ngay sau cửa ngõ để ngăn chặn các loại uế khí và độc khí phát sinh từ các vật lạ thâm nhập vào nhà, đồng thời, khiến cho căn nhà trở nên ấm cúng, an toàn hơn. Bình phong đặt trước nhà còn nhằm cản bớt hỏa khí xâm nhập nội thất, gây hại cho chủ nhân. Và linh vật được chọn lựa để trang trí trên bình phong xứ Huế nhiều nhất chính là long mã. Bình phong long mã nổi tiếng nhất ở Huế chính là bức bình phong xây dựng năm Thành Thái bát niên (1896) ở Trường Quốc Học Huế. Long mã trên bình phong này chính là nguyên mẫu của hình ảnh long mã trên biểu tượng của lễ hội (festival) ở Huế.

Long mã cũng xuất hiện trên các cung môn, miếu môn trong hoàng cung triều Nguyễn và thường đi kèm với các linh vật khác như: quy (ở Trường An môn của Trường Sanh cung); lân và phụng (ở Dục Khánh môn và Hưng Khánh môn của Hưng miếu)... Người Huế thường sử dụng kỹ thuật khảm sành sứ và thủy tinh để tạo hình long mã. Song cũng có những con long mã được đắp bằng vôi vữa, hay được vẽ bằng phẩm màu (như long mã trên bình phong trước phủ Thượng thư Tôn Thất Đàn ở làng Lại Thế).

Bởi thế, du khách đến Huế, khi dạo bước trong hoàng thành, lăng tẩm của các vua triều Nguyễn, hay rong ruổi trên đường làng, ngõ xóm nơi thôn dã, đều có cơ hội tào ngộ long mã, bởi lẽ long mã đã được “mặc định” là một phần không thể thiếu trong kiến trúc Huế và trang trí Huế.

Viết thêm: ngựa Thượng Tứ

Ở Huế, khi nói về một người đàn bà hung dữ, có lời ăn tiếng nói thô lỗ, cử chỉ vụng về, người ta thường ví kẻ đó như “ngựa Thượng Tứ”. Cửa Thượng Tứ có tên chữ là Đông Nam môn, nằm ở góc Đông nam kinh thành. Sở dĩ cửa có tên gọi là Thượng Tứ ngày xưa, ở gần bên trong cửa thành này (khoảng vị trí Trường Trần Quốc Toản hiện nay), triều đình đã thiết lập một cơ quan tên là Viện Thượng Tứ, chuyên trông coi việc nuôi ngựa để kéo xe cho vua.

Những con ngựa này thường là dữ dằn nên phải do đội phi kỵ vệ và khinh kỵ vệ nuôi dạy, huấn luyện cho ngựa trở nên thuần. Người đàn bà dữ dằn lúc nào cũng lồng lên như ngựa chứng thì bị gọi là “ngựa Thượng Tứ”, dân gian gọi riết rồi thành thói quen cho đến tận bây giờ.

Và cửa Đông Nam vì ở gần khu Thượng Tứ nên cũng được người dân gọi luôn là cửa Thượng Tứ, không ai còn để ý đến hai chữ Đông Nam ghi trên vòm lâu nữa. ■

Tết và Mẹ

NGUYỄN CẦN

Nếu Tết này không có mẹ con chẳng biết đi đâu
Sau những phút vui đùa cùng bè bạn
Sau những đêm lê la hàng quán
Mẹ vẫn cứ là nơi con đến con về
Tết này không có Mẹ bọn trẻ biết đi đâu
Đề chơi “tiền lên, bài cào, xì dách”
Chỉ cần nghe tiếng chúng cười khanh khách
Mẹ dẫu nằm, thắm mệt, thấy lòng vui

Tết không mẹ biết có còn là Tết
Và xuân qua con sẽ mặc xuân qua
Mẹ mãi thiêng liêng như một mái nhà
Cho con trẻ sum vầy khi Tết đến

Nên hãy chấp tay nguyện cầu tuổi mẹ
Thêm dài lâu xuân nán lại bên đời
Ngày trong veo hạt nắng tạt qua trời
Tình vô tận nồng thơm xuân-có-mẹ.

Xuân Hội An

NGUYỄN MIỀN THƯỢNG

Giữa lòng cổ phố đèn lồng
Mùa xuân về trát má hồng khô nguyên
Dòng sâu Hoài Phố thuyền quỳên
Thướt tha lụa áo ấm huyền thoại xa
Ngói âm dương dáng ngọc ngà
Tường rêu vẩy gọi người qua Chùa Cầu
Thời gian dừng vội qua mau
Để xuân trẻ mãi nghìn sau phố già...

Xuân xa nhà

NGUYỄN DŨNG

Nhìn đàn én xôn xao hòa nắng mới
Ngắm cành mai rực rỡ tắm ban mai
Nghe ngọn gió se se sương man mác
Xuân đã về rồi đó hỡi ta ơi!

Xuân đã về rồi đó hỡi ta ơi!
Sao cứ mãi xa nhà xa xứ sở
Sao cứ mãi đi mà không về lại
Để quê nhà hiu hắt những chờ mong

Để quê nhà ngồi ngóng đứng trông
Bếp lửa hồng chờ bàn tay nhuộm lửa
Cây mai già chờ ta về mới nở
Con bướm chờ ngóng mãi chẳng buồn bay

Và con biết mẹ chờ con biết mấy
Chờ nén hương con thắp giữa xuân này
Đòn bánh tết đang chờ con mở lạt
Mà con thời... xa tít mãi nơi đâu

Mà con thời... nhớ lắm mẹ, cha ơi!
Xin tạ lỗi với quê nghèo đậm bạc
Xuân này nữa là bao xuân khao khát
Không về cùng với tổ ấm ngày xưa.

Mẹ và đêm giao thừa

NGUYỄN THANH VŨ

Mẹ ngồi đó gói bánh chưng
Tháng năm nghiêng lệch - dáng lưng còng còng
Trầm ngâm bên bếp lửa hồng
Ước mơ xanh mượt lá dong tảo tần
Da môi hằn đọng nếp nhăn
Trọn đời lam lũ nhọc nhằn đồng chiêm
Mẹ ơi, sao đất chua phèn
Lời ru như thể thần tiên ngọt ngào
Tay gầy những ngón xanh xao
Vuốt từng nếp lá gói vào ngọt thơm
Bánh chưng vuông, bánh dày tròn
Đuộm màu cổ tích khuấy còn đầu dây...
Ngoài vườn lộc nhú mầm cây
Chất chiu từ đất bao ngày giá đông
Vách tường bóng mẹ lưng còng
Nếp hương từ bếp than hồng láng láng.

Bóng quê

PHAN THÀNH MINH

Chợt thèm về quê cũ
Nơi cánh cò lao xao
Nơi hàng cau ngửa nón
Hân hoan vẫy tay chào

Mùa trốn trong cội đào
Giấu ngày tia nắng cuối
Cải đang ngồng giận dỗi
Đò úp mặt bến sông

Chiều thơm rụng xuống đồng
Mẹ chưa dùng tay gặt
Cuộn lại thời xuân sắc
Búi tóc ngồi đầm chiêu

Sung sướng ôm nỗi niêu
Lửa rom cười hớn hờ
Nén không thành tiếng thở
Tím mặt quả dưa cà

Không muốn cũng đành xa
Nhiều chân nên đất chật
Xa quê mà không mất
Bởi quê hoài trong tim.

Xuân tức cảnh

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH

Xuân của đất trời, xuân của ai?
Mà nơi non lạnh, liếp thừa cài
Mù mây lững thững chơi đùa vắng
Sương khói lơ thơ dạo lững dài
Nắng mới nể tình hong ẩm tóc
Gió lành vị nghĩa thổi vui tai
Đá nằm vườn cỏ, công bao độ
Hoa nở hiên lan, đức mấy vài
Thơ vụng mượn vần, đùa trúc biếc
Bút cùn khoe chữ, cợt đào phai
Lộc non phơi phới, rừng thay áo
Đón khí thanh dương, mở cửa sài!

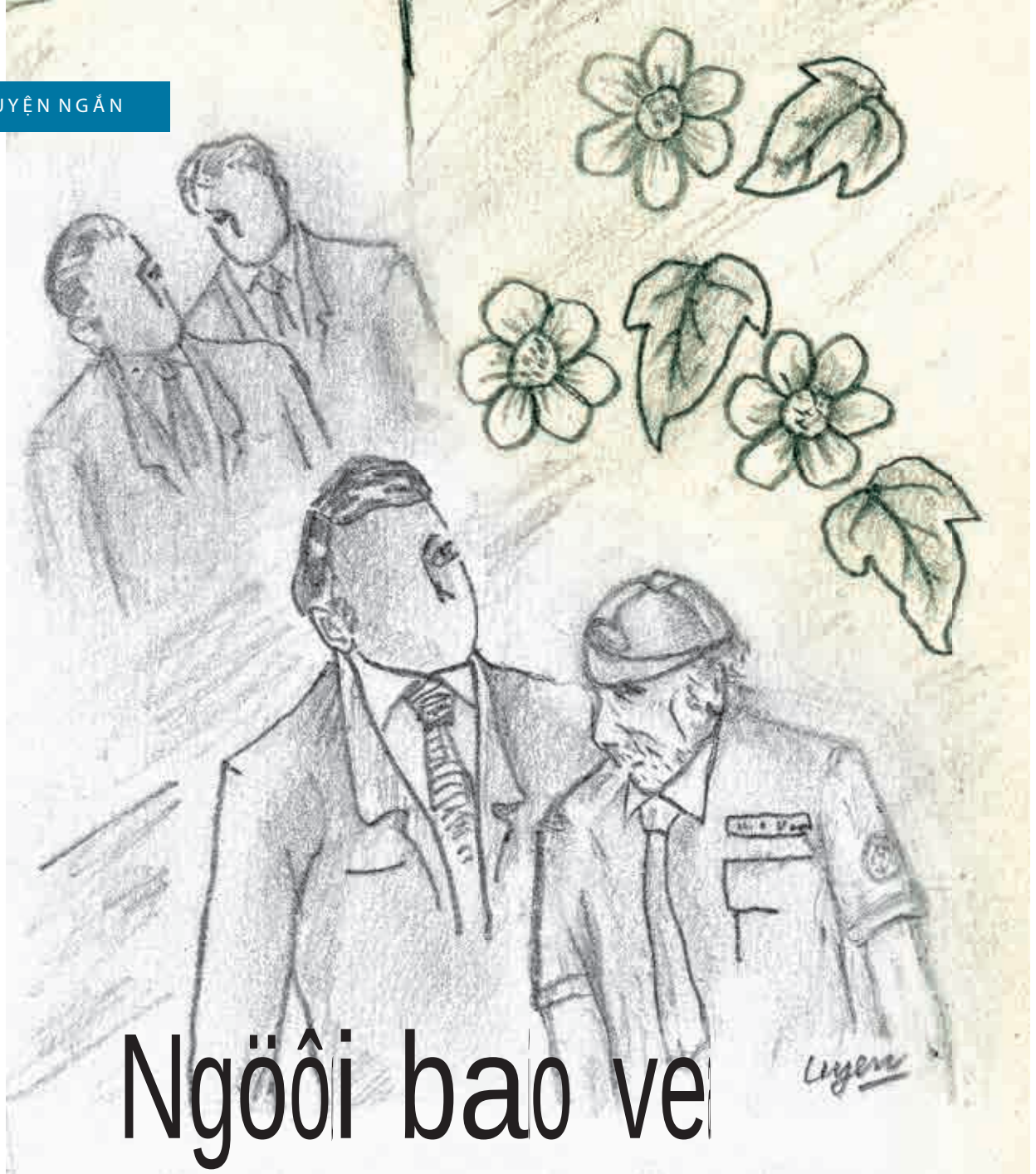
Cuối cùng

HOÀNG TÁ THÍCH

Một ngày rồi lại một ngày
Ngày đi ngày đến chẳng ai quan hoài
Đến khi thân xác rã rời
Mới hay đã phí một đời bỏ hoang

Có khi nắng chói mắt rồi
Mới hay mình đứng giữa trời quá lâu
Một đời sương gió dãi dầu
Cuối cùng chỉ thấy một màu bạc phơ

Có khi đi mãi không dừng
Sương đầm ướt áo mới bừng nghĩ ra
Muốn hơn thua với người ta
Không hay kẻ địch chính là bản thân.



Ngôôi bao vệ

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Gia từ bụi giảng, chú Út tôi tìm ngay việc làm mới. Ba người con của chú xúm vào ngăn: “Ba nghỉ cho khỏe”; nhưng chú không chịu: “Còn sức mà cứ ăn chơi, chờ chết, chịu sao thấu!?”. Các con chú bần lười theo kiểu “nêu gương” rằng ông kia về hưu chỉ lấy câu cá làm vui, ông nọ suốt ngày khể khà bên ấm trà với bàn cờ tướng, vậy mà hay. Thấy chú im, biết là không xê dịch ý định, mấy con chú trách: “Ba ham quá!” “Ham gì?”, chú đập lại như súng bắn tặc cú khiến cả đám trở mặt. Nhưng ngay sau đó, chú hạ giọng: “Bây nói đúng nhưng hiểu sai rồi. Ba ham là ham lao động chứ không ham tiền bạc như bây nghĩ đâu”. Không bó tay, các con chú chuyển hướng nhằm tiếp tục bao vây ý định của ba: “Bao năm ba đứng trên bụi giảng, giờ hạ cấp cho kẻ khác sai khiến, coi sao được!?”. Chú cười mỉm, nhìn

mặt chun mũi, ý chừng không “ngủ” được luận điệu ấy rồi lẳng lặng bỏ đi.

Việc làm mới của chú là bảo vệ cho một công ty xây dựng. Chú bảo, người già ít ngủ nên hợp với việc này. Tôi lo xa: “Chú cẩn thận, coi chừng kẻ gian xía một nhát là mệt đó”. Chú cười, đưa hai tay lượn mấy đường võ: “Giỡn với lính trình sát, đâu được!”. Nói thế là bởi chú từng làm lính trước khi đứng trên bụi giảng. Theo lịch, chú đi làm một ngày, nghỉ một ngày; những khi ốm mệt, chú cũng rã; trường hợp bất đắc dĩ, chú nhờ đồng nghiệp trực thay, sau bù lại. Vài lần ghé thăm chú ở nơi làm, tôi thấy chú lạ và nghiêm đến bất ngờ trong trang phục dành cho người bảo vệ. Biết chú ham đọc, tôi mua mấy tờ báo cầm theo nhưng chú từ chối vì “đang làm mà xem sách báo, không nghiêm túc”. Cũng với lý do ấy mà phòng

làm việc kết hợp ngủ nghỉ của chú không có ti-vi hay radio. Ngoài việc trực ở văn phòng, chú còn đi bảo vệ các công trình xây dựng mà công ty thắng thầu. Những lúc ấy chú chuẩn bị cả tăng vông, đèn pin; cũng dầm mưa dãi nắng hệt như người lính hành quân dã ngoại. Thấy chú vui với việc mới, con cháu cũng mừng, không ngăn nữa. Riêng tôi, không thể yên lòng nhìn lối đối xử của tay giám đốc công ty dành cho chú.

Giám đốc công ty còn khá trẻ, chỉ đáng tuổi con của chú. Về mặt dăm dăm cùng giọng kẻ cả của anh ta khiến tôi không cảm tình, dù chỉ thoáng gặp. Tôi càng bức khi thấy anh ta thể hiện quyền uy đối với ông. Anh ta nhắc chú mỗi sáng phải tắt đèn bảo vệ sớm hơn và không được để công nhân chễm chệ ngồi trên xe qua cổng; lần khác lại trách chú thiếu cảnh giác khi thợ điện nước vào công ty sửa chữa mà không đi theo giám sát, bảo chú phải để mắt tới cả xe của đội vệ sinh môi trường vào công ty thu gom rác. Anh ta còn “chỉ giáo” chú về nghiệp vụ bảo vệ, rằng không nên ngồi hoài nơi cổng mà thỉnh thoảng phải đảo quanh cơ quan; vị trí ngồi cũng như đi kiểm tra không để thành quy luật, để phòng kẻ gian bắt bài... Sếp thì có quyền ăn nói nhưng anh ta phải biết mình đang nói với ai chứ; khi chú tôi đã là người thầy chắc anh ta còn là thể khỉ! Đã thế, nói với bậc cha chú mà giọng anh ta vênh lên đầy vẻ cao ngạo, khi lại gào oang oang như quạ, lúc dần từng tiếng, nghe dễ ghét! Điều bộ chống nạnh và cái tay chỉ chỏ hách dịch kia khiến tôi nóng mặt, nếu đặt vào vị trí của chú, chắc tôi chửi một trận cho hả rồi “bay” thẳng.

Tôi bức nhưng chú Út không lấy đó làm điều. Trước vẻ tinh tướng của giám đốc công ty, chú vẫn giữ thái độ đúng mực. Bị nhắc nhở nhưng chú chẳng tỏ vẻ bức xúc, vẫn điềm đạm: “Tôi nhớ rồi”; “Anh yên tâm, sẽ không lặp lại đâu”; “Tôi sẽ làm tốt hơn”... Biết tôi dị ứng trước thái độ khiếm nhã của giám đốc, chú cười rộng lượng: “Người trẻ thường thích thể hiện nhưng cậu ấy tốt tính; đặc biệt, công ty có rất nhiều hoạt động từ thiện”. Chú còn “làm mát” cho cả tôi bằng cách buông lời xa xôi: “Làm chỉ huy nhiều khi cần lạnh lùng, không để lẫn tình cảm vào công việc”. Chú nói sao nghe vậy, nhưng tôi thấy khó đồng tình với nhận xét tốt dành cho giám đốc công ty. Bởi thế, tôi không còn hay đến thăm chú ở chỗ làm bởi không muốn thấy người thân của mình bị kẻ khác chê bai, sai bảo. Lần gần đây tôi đến chỗ chú là vì một lý do khác.

Bữa đó là ngày nghỉ nhưng chú Út vẫn đi làm. Tám chiều chiều, nghe tiếng nói cười nhộn nhạo từ phía nhà chú; tôi chạy sang mới hay học trò cũ của chú đến thăm. Thời đại kết nối thông tin toàn cầu, sao lại có cuộc thăm viếng đột ngột thế này? Lý do là muốn dành cho gia chủ sự bất ngờ. Chú đang trực, tất nhiên không thể về tiếp khách. Không mất thời gian chờ đợi, cả đoàn gồm bảy vị lên ba xe con tìm đến chỗ chú làm. Tôi ngồi xe đầu dẫn đường. Qua chuyện trò, tôi được biết học trò của chú bây giờ có người là giám đốc sở, chủ tịch huyện, là doanh nhân thành đạt... Thời gian cùng sự biến thiên khiến cương vị xã hội có thay

đổi nhưng tình thầy trò trong họ vẫn vẹn nguyên. Tôi vui, xen lẫn tự hào khi nghe họ kể những kỷ niệm cùng tình cảm tốt đẹp dành cho chú của mình.

Chắc ngạc nhiên thấy những chiếc xe sang trọng đỗ ngay trước cổng công ty, chú lật đật chạy ra hỏi khách. Cả đám xuống xe vây quanh chú, ngỡ ngàng rồi vỡ òa niềm vui; chú bối rối trong vòng tay đám học trò xưa. Họ ôm chầm lấy chú xuýt xoa, thảng thốt. Nhìn những ông khách sang trọng bóng nhoáng, lại nhìn chú gầy nhom trong bộ trang phục của nhân viên bảo vệ đã bạc màu, tôi chạnh lòng. Nhưng giữa họ dường như không có khoảng cách. “Thầy còn nhớ em không?”; “Chắc thầy quên em rồi?”; “Ai đây, thua thầy?”. Những chất vấn ấy vây quanh khiến chú lúng túng, cứ luôn mồm “từ từ nhớ lại đã”; để rồi sau đó, niềm vui vút lên khi chú nhận ra từng học trò xưa. Phòng làm việc của nhân viên bảo vệ bỗng chật hơn bởi tiếng nói cười tràn ngập.

Những ánh mắt hiếu kỳ từ văn phòng công ty gần đó dồn về phía phòng bảo vệ. Giám đốc công ty lững thững đi tới, buông lời khó chịu: “Có gì mà vui vẻ thế này?”. Đám người mãi vui, không để ý sự có mặt của giám đốc. Anh ta đứng im nhìn một lúc, nét mặt dăm dăm bỗng đổi sắc. Mắt chớp chớp rồi anh ta rẽ đám đông, bước tới hồ hởi bắt tay người đàn ông đang quàng tay qua vai chú Út. Giám đốc công ty bất ngờ hạ giọng, có ý trách ông khách đang bắt tay: “Anh tới sao không báo trước cho tụi em?”. Mọi người trở mặt. Người đàn ông bị trách cười: “Mình đến thăm thầy cũ, không làm việc với công ty”. Hóa ra người đàn ông có giọng nói trầm ấm ấy là giám đốc sở xây dựng, nghĩa là sếp của giám đốc công ty... Chuyện gặp nhau của hai vị giám đốc tạm để sang bên, cuộc vui hội ngộ tiếp tục. Trong khi học trò xưa thay nhau kể những kỷ niệm một thời đã xa, chú Út vẫn ngồi im, miệng tươi cười và niềm vui long lanh trong ánh mắt. Thỉnh thoảng chú lên tiếng bổ sung cho trí nhớ của họ đang ôn lại chuyện hơn ba mươi năm trước. Nghe chuyện một lúc rồi giám đốc công ty nhìn chú tôi rồi hướng về phía cấp trên của mình, rụt rè: “Đây là...”. Giám đốc sở xây dựng càng siết chặt bờ vai chú Út, giọng trân trọng lẫn hài hước: “Đây là thầy dạy tụi tôi hồi xưa. Ngó hiền hiền vậy chứ đứa cứng đầu nào cũng “rét” đó nghe. Nhờ thế mà tụi này mới thành người; riêng thầy từng nhiều lần là chiến sĩ thi đua của toàn ngành giáo dục đấy”. Mọi người cười vui tán thưởng; giám đốc công ty im lặng, vẻ ngỡ ngàng lẫn lúng túng.

Sau lần gặp bất ngờ ở công ty không lâu, chú Út còn lần gặp bất ngờ nữa, tại nhà. Bữa đó, đúng phiên chú trực nhưng văn phòng công ty điện tới thông báo cho nghỉ. Trong khi chú đang lẩn tẩn về lý do được nghỉ thì giám đốc công ty tới thăm. Xe đỗ trước cổng, anh ta bước vội vào nhà, với lẵng hoa trên tay cùng nét mặt rạng rỡ. Nhìn chú Út đang ngỡ ngàng, anh ta tươi cười: “Thưa chú, sắp tới kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, cháu thay mặt công ty chúc mừng chú...”. Anh ta trao quà tặng hoa rồi ôm chú thăm thiết. Chú bối rối, lời cảm ơn nghẹn lại trên môi. ■

Thay tro va ñat ñao

NGUYỄN VĂN PHƯỜNG

A! Thấy về! Thấy về rồi kìa các bạn ơi!
Thảo Vy sung sướng reo lên khi thấy chiếc ghe mang biển số quen thuộc đang tiến dần về đảo.

Bọn trẻ nghe tiếng gọi cũng hồi hả ùa xuống bến đón thầy. Thầy Tình ngồi trên ghe, nhận ra đám học trò của mình, thầy cười, tay vẫy vẫy chào bọn trẻ.

Theo thường lệ, hàng tháng thầy Tình phải quá giang ghe về điểm chính họp hội đồng sư phạm. Mấy ngày nay, bão to, ghe tàu không trở về đảo được. Thầy ở lại điểm chính suốt một tuần. Sáng nay, biển êm. Thầy nhanh chóng xuống ghe về với bọn trẻ. Ngoài khơi xa, từng cơn gió thổi kéo theo những con sóng cuộn tròn làm chiếc ghe cứ chòng chành, lắc lư. Mỗi

đợt gió qua là mỗi đợt thầy bám chặt tay vào thân ghe, nghiêng người theo sóng. Nhớ những ngày đầu đi ghe biển, sóng lớn dữ dội làm thầy sợ đến tái xanh cả mặt mày, nhưng cảm giác sợ hãi lâu dần cũng tan biến.

* * *

Thầy Tình quê ở tận ngoài Thanh Hóa, khi tốt nghiệp trường Cao đẳng Sư phạm, thầy vào Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xin việc và được phân công về xã đảo dạy học tại điểm trường Hòn Đước. Thời gian lặng lẽ trôi, thấm thoát mới đó mà đã hơn hai năm kể từ ngày đầu tiên thầy đặt chân ra đất đảo. Hòn Đước nơi thầy đến là một hòn đảo nhỏ, dân cư thưa thớt khoảng trên dưới 30 nóc nhà. Người dân nơi đây sống chủ yếu bằng nghề đánh bắt hải sản, số ít buôn bán nhỏ. So với điểm



Nguồn: phuquocexplorer.com

trường chính ở Hòn Tre Lớn thì điều kiện sống nơi đây khó khăn hơn nhiều. Nào thiếu điện, thiếu nước, thiếu thông tin..., việc đi lại cũng rất khó khăn. Đêm về, đất đảo bị bao trùm trong không gian tĩnh mịch, quạnh hiu. Sống xa nhà, lòng buồn nhớ quê mà cảnh vật nơi đây càng làm cảm giác nhớ quê trong lòng thầy thêm da diết.

* * *

Ghe vừa cập bến, nhìn tận mắt thầy xắn quần bước lên, bọn trẻ mừng vui lẫn nữa, chúng lại đồng thanh la lớn:

- A! Thầy về! Thầy về rồi!

Trên từng khuôn mặt, từng ánh mắt thân quen ấy, mỗi đứa lại sáng lên niềm vui sướng. Vắng thầy lâu ngày, bọn trẻ lo sợ thầy bỏ chúng mà đi như các thầy cô giáo khác. Trước đây họ cũng từng hứa là sẽ ở lại dạy các em nhưng rồi cũng lần lượt rời đảo ra đi. Càng nhớ thầy, các em càng khát khao đến trường.

Tổ Anh trìu mến nắm tay thầy, giọng hồn nhiên:

- Thầy ơi, thầy có mệt lắm không? Thầy có bị say sóng không?

Đức Trung cũng nhanh nhẩu không kém, em đưa bàn tay nhỏ nhắn của mình về phía thầy, nói:

-Thầy ơi, đưa đồ cho con xách tiếp về trường.

Trong khi các bạn đang quần quýt bên thầy, Hoàng Lan cứ lặng lẽ đứng nhìn thầy. Ánh mắt em dường như có điều gì chất chứa. Hoàng Lan là một cô bé hiểu động, lanh lợi, lúc nào cũng riu rít như chim sơn ca. Vậy mà hôm nay cô bé không nói một lời.

Thầy Hoàng Lan đứng lặng im, thầy liền gọi:

- Lan, lại đây với thầy!

Nghe thầy gọi, Hoàng Lan lặng lẽ đến bên, ôm chầm lấy thầy thốn thớt:

-Thầy ơi, con cứ ngỡ thầy giận chúng con, thầy không về đảo, không về với chúng con nữa. Thầy ở lại với chúng con, đừng đi nữa nghe thầy. Con hứa sẽ ngoan ngoãn, chăm học, không làm thầy buồn nữa đâu.

Thầy Tinh ghen ngào xúc động trước cái tình bọn trẻ dành cho mình. Thầy nở nụ cười thật tươi:

- Thầy không đi đâu cả. Thầy ở lại đây dạy dỗ các con. Thầy hứa!

Nghe thầy nói, bọn trẻ mừng rỡ reo lên. Và cứ thế, các em lại quần quýt bên thầy chuyện trò riu rít. Thầy trò cùng nhau men theo con đường nhỏ dẫn lối về trường. Trên đường đi, lòng thầy cứ lâng lâng dòng suy nghĩ. Cuối cùng, thầy tìm ra câu trả lời thật lòng: Vì đâu mà trong khó khăn gian khổ thầy vẫn bám trường bám đảo, vì đâu mà thầy tự nguyện gắn bó ở nơi này? Thầy chợt mỉm cười. Gió biển lành lạnh thổi, dường như lòng thầy lại cảm thấy ấm lên...

Đêm nay, trên đảo xa giữa biển vắng mênh mông và bên ngọn đèn dầu quen thuộc, thầy âm thầm ghi tiếp trang nhật ký.

Hòn Đước, ngày 16 tháng 10 năm 2013

Hôm nay, mình thật sự cảm động. Niềm hạnh phúc không nói nên lời. Hải đảo xa xôi, thiếu thốn nhiều điều nhưng nơi đây, cái tình người luôn nồng ấm và đầy ắp yêu thương. Các em thực sự chính là nguồn động lực, là niềm tin để mình vững vàng bám trường, bám đảo. Với mình, dạy học ở thành phố hay đảo xa cũng là góp sức xây dựng quê hương.

Ai cũng chọn việc nhẹ nhàng

Gian khổ để dành phần ai?

Sứ mệnh gieo chữ là một sứ mệnh nặng nề nhưng thiêng liêng, cao cả. Thành công sẽ vẻ vang hơn khi thành công ấy là thành quả vươn lên từ vùng đất khó. Nếu ai cũng e ngại, thoái thác công tác nơi gian khó thì trách nhiệm nặng nề ai sẽ làm thay ai... ?

Mình khẳng định sẽ ở lại đây gắn bó với các em, cần mẫn tháng ngày gieo chữ nơi mảnh đất khó khăn này. Gieo hạt trong gian khó sẽ có ngày nảy mầm. Thành công ấy, vinh quang gấp bội. Mình tin thế.

Ngừng bút, thầy hướng mắt nhìn ra nơi mênh mông sâu thẳm biển trời. Trong đêm đen, thầy thấy rõ ánh sáng của niềm tin... ■

Rau xanh mỉm cười

NGUYỄN NHÀN

Hôm nay khí trời lành lạnh khác hẳn mọi ngày. Tôi ra vườn chấp tác. Ảnh hiện trước mắt tôi là những hạt sương long lanh còn vương đọng trên mỗi ngọn cỏ nhành cây, lóng lánh thật đẹp. Ô! Mùa đông đã về. Tôi dạo bước trên khu rẫy thân thương, nơi tôi đã làm việc mấy tháng nay. Những luống rau xanh mơn mớn ẩn hiện giữa làn sương mù mờ ảo, chúng như những người lính kiên cường chấp nhận một mùa đông lạnh lẽo đầy thử thách để chuẩn bị đón chào một mùa xuân rực rỡ nắng ấm.

Tôi có phước duyên lớn được hai thầy cho xuất gia, được nhập chúng rồi cùng chúng tu học. Kể từ ngày ấy, tôi được phân công làm rẫy. “Làm rẫy”, hai từ này thật mới mẻ với tôi. Những ngày đầu thực hành việc chấp tác, tôi thật bối ngỡ vì chẳng biết nên làm gì. Những luống rau như lạnh lùng nhìn tôi, như phản đối tôi bằng những tán lá vàng vọt, thân cọng khẳng khiu. Chúng như những đứa trẻ sống thiếu dinh dưỡng đang trách hờn cha mẹ chẳng biết chăm lo. Tôi thấy tôi phải có trách nhiệm lo cho chúng chu toàn, thương yêu và chăm sóc tỉ mỉ, biến chúng thành những luống rau mạnh mẽ, đầy sức sống.

Tôi để hết tâm trí vào khu rẫy của mình, sáng tưới chiều chăm, bón phân, bắt sâu, nhổ cỏ, xới gốc... Tôi làm tất cả những gì có thể làm được để cho những đứa con “rau” của tôi phát triển tốt tươi hơn. Và rồi, trời chẳng phụ lòng người, gieo nhân nào gặt quả nấy, những luống rau của tôi đã chuyển mình, lá xanh mơn mớn, củ tròn trịa, tỏa sức sống mãnh liệt như trẻ đang tuổi dậy thì. Tôi vui mừng ngắm nhìn thành quả của mình, âm thầm nhắc mình phải kiên trì, bền bỉ để giữ mãi thành quả này.

Lặng người giữa khu rẫy mướt xanh, tôi nghĩ đến việc tu hành của mình. Tôi nào có khác gì những ngọn rau kia. Khi chưa được gặp Phật pháp, chưa biết tu hành, tâm tôi cũng èo ọt, thiếu dinh dưỡng, sống ngày nay không biết ngày mai. Được xuất gia, được quý thầy quý sư cô hướng dẫn tu học, tôi mới biết cách chăm sóc cho vườn rau tâm của mình. Ngày ngày tưới nước, tháng tháng bón phân là không ngừng học tập kinh điển phát triển trí tuệ, tinh tấn sám hối tọa thiền để cho đất tâm càng ngày càng giàu dinh dưỡng. Chăm chỉ nhổ cỏ, bắt ốc, bắt sâu là luôn luôn cảnh giác với những phiền não tham sân si, khi chúng vừa khởi lên là phải dẹp ngay, không để chúng phá hư rau tâm của mình. Gieo giống tốt là siêng năng tạo thêm các nhân lành, giống tốt thì rau mới tốt, nhân lành thì quả mới lành. Đất tâm vốn

sẵn, tôi nay gieo giống bồ-đề, tưới nước từ bi, bón phân trí tuệ, diệt sâu tam độc, bắt ốc kiêu mạn, nhổ cỏ phiền não, chỉ cần tôi kiên trì đồng mãnh, một ngày nào đó cây bồ-đề của tôi sẽ che rợp cả vũ trụ này.

Ngày ngày hòa mình vào mảnh rẫy thân thương, tôi thì thầm với những đứa con rau của mình: “Rau ơi, hãy mau lớn nhé! Chúng ta cùng cúng dường mười phương ba đời chư Phật, chư Bồ-tát, chư hiền thánh Tăng”. Chúng rung rinh ngọn lá như hoan hỷ nhận lời với tôi.

Thực vật tuy không có sáu căn, không có tánh biết, nhưng chúng cũng có sinh mạng. Thế nên, mỗi khi thọ trai, tôi luôn thầm kính tri ân những thực vật đã hy sinh thân mạng của mình cho tôi, cho đại chúng được no lòng. Để đền ơn lớn của tất cả chúng sanh hữu tình lẫn vô tình đã cúng dường chúng tôi, tôi nguyện cố gắng tinh tấn tu hành, diệt sạch tham sân si, siêng năng làm công tác phục vụ Tam bảo, giữ tâm bồ-đề luôn kiên cố, chí tu học vững bền, tự độ độ sanh cho đến ngày công hạnh viên mãn. ■



Lời cảm ơn cuộc sống



Từ khi cha tôi qua đời, mẹ tôi một mình tần tảo nuôi tôi ăn học. Bà thường nhắc nhở tôi chăm học để sau này đỡ cực tảo tần. Tuy chỉ có một mẹ một con mà tôi chẳng để ý đến sự vất vả của mẹ. Là học trò khá, tôi nghĩ rằng chỉ cần xong chương trình học phổ thông là thành tựu nguyện vọng của mẹ, rồi cứ mãi mê đua đòi cùng bạn bè. Mẹ tôi buồn nhưng chẳng nói ra, chỉ âm thầm đáp ứng những yêu sách thường là quá đáng của tôi. Cuối năm ấy, tuy tôi tốt nghiệp phổ thông nhưng đã không thể vào được bất kỳ một trường đại học hay cao đẳng nào. Thấy mẹ hầu như rũ người xuống khi nghe tôi thông báo kết quả thi tuyển, tôi mới chợt ý thức được tình cảnh của mẹ con tôi và thật sự cảm thấy ăn năn.

Chiều hôm ấy, tôi một mình lang thang xuống tận cuối làng, trong đầu toàn những hình ảnh nặng nề của một tương lai vô vọng. Tôi nghĩ là tôi nên chết đi để mẹ tôi khỏi phải đau lòng vì đứa con duy nhất đã không nghe lời mẹ dạy. Đang miên man với những ý tưởng tiêu cực, tôi chợt nghe tiếng chuông chùa vang lên. Thù ra, thời tụng kinh cầu an ở ngôi chùa làng đã đến và tôi đang bước những bước vô định trước cổng chùa. Tiếng chuông chùa sao mà trầm ấm quá; và hình ảnh quý thầy trang nghiêm trong tấm y vàng thanh thoát vắn tắp về chánh điện làm tôi thức tỉnh. Tôi tìm một chỗ ngoài hiên chùa, ngồi xuống, chú tâm theo dõi thời tụng kinh cầu an đang diễn ra. Nỗi buồn dần dần vơi đi, tâm trí nhẹ nhàng, tôi bỗng cảm thấy xấu hổ về ý nghĩ trốn đời của mình. Mẹ tôi là người tôi yêu thương nhất, đã hy sinh tất cả cho tôi; tôi phải trở thành một đứa con có hiếu để báo đáp phần nào ơn của mẹ.

Hôm nay, được ngồi trong giảng đường đại học, tôi thật sự tha thiết muốn mượn những dòng chữ này gửi đến Văn Hóa Phật Giáo để nói lên sự thành tâm cảm ơn ngôi chùa cuối làng, nơi có tiếng chuông chùa thanh thoát cùng hình ảnh chư Tăng trang nghiêm đã chuyển hóa thân tâm tôi, giúp tôi tiến bộ trong cuộc sống.

Ni sinh Huệ Trang, năm thứ ba lớp Luyện dịch, Trung tâm Hán Nôm Huệ Quang.



CÁC KHÓA THIỀN VIPASSANA 2014

Do Thiền sư S.N. Goenka và các Thiền sư phụ tá giảng dạy theo truyền thống của ngài Sayagyi U Ba Khin

Tại TỈNH XÁ NGỌC THÀNH – TP.HỒ CHÍ MINH

37/12 đường 41, khu phố 6, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

(Được chấp thuận tổ chức theo CV số 40/TGCP-HTQT ngày 15/01/2014 của Ban Tôn giáo Chính phủ)

THỨ TỰ KHÓA	LOẠI KHÓA	THỜI GIAN TỔ CHỨC KHÓA	NGÀY NHẬN ĐƠN GHI DANH
Khóa I	10 ngày	5/3/2014 - 16/3/2014	Bắt đầu từ 10/2 đến khi đủ chỗ
Khóa II	10 ngày	23/3/2014 - 3/4/2014	Bắt đầu từ 24/2 đến khi đủ chỗ
Khóa III	10 ngày	23/7/2014 - 3/8/2014	Bắt đầu từ 23/6 đến khi đủ chỗ
Khóa IV	10 ngày	13/8/2014 - 24/8/2014	Bắt đầu từ 14/7 đến khi đủ chỗ
Khóa V	10 ngày	27/8/2014 - 7/9/2014	Bắt đầu từ 28/7 đến khi đủ chỗ
Khóa VI	10 ngày	1/11/2014 - 12/11/2014	Bắt đầu từ 1/10 đến khi đủ chỗ
Khóa VII	10 ngày	28/11/2014 - 9/12/2014	Bắt đầu từ 28/10 đến khi đủ chỗ
Khóa VIII	10 ngày	10/12/2014 - 21/12/2014	Bắt đầu từ 10/11 đến khi đủ chỗ

○ Khóa Satipatthana*: Từ 15/11/2014 đến 24/11/2014. Ngày nhận đơn ghi danh: Bắt đầu từ 15/10 đến khi đủ chỗ
(*) Chỉ dành cho thiền sinh cũ hội đủ điều kiện

* Nhận đơn ghi danh hoặc phục vụ khóa thiền: E-mail: dharmavinnu.ghidanh@gmail.com

Nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện: **Tỉnh xá Ngọc Thành** (Cô Liên, địa chỉ ghi trên)

* Điện thoại liên hệ: 0906 509 483 (Ban ghi danh) - 0904 593 477 (Cô Hiền) - 0918 002 475 (Anh Chí)

* Để xem thông báo, tải mẫu đơn cùng các tài liệu quan trọng xin vào trang web: <http://www.vn.dhamma.org/khoa-thien/txnt-tphcm>



HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG CỦA TẬP ĐOÀN HOA SEN

Nằm trong chuỗi hoạt động thường niên của Tập đoàn Hoa Sen, đây là năm thứ 5 liên tiếp chương trình Mái Ấm Gia Đình Việt lại được tổ chức nhằm tạo sân chơi lành mạnh cho các em có hoàn cảnh đặc biệt từ các mái ấm, nhà mở, hội người mù, tổ chức cộng đồng cảm điển, các bạn sinh viên xa nhà không có điều kiện về quê ăn Tết, tạo cho các em có được một đêm giao thừa ấm áp, đầy ý nghĩa, các em có cơ hội được vui chơi, ăn uống và nhận quà - một điều bình dị đối với bao trẻ nhưng riêng với các em, đây dường như chỉ là một niềm mơ ước.

Hoạt động năm nay bao gồm:

- Ngày 03/01/2014 Ban Tổ chức chương trình đã tiến hành nấu tặng 500 suất ăn cho các bệnh nhi Bệnh viện Ung Bướu TP.HCM, đây là một hoạt động mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thể hiện sự quan tâm chia sẻ của Ban Tổ chức với nỗi đau mà các em phải gánh chịu.

- Đồng thời từ ngày 13/01/2014 đến ngày 19/01/2014, khoảng 1.200 em lần lượt được vui chơi thỏa thích và ăn uống tại khu vui chơi KizCiti tại đường 48 - Hoàng Diệu, quận 4, TP.HCM, một công viên giả định như một thành phố thu nhỏ với nhiều hoạt động phong phú.

- Đêm hội "Mái Ấm Gia Đình Việt - Xuân Giáp Ngọ 2014" diễn ra từ 14h00



đến 19h30 ngày 30/01/2014 (nhằm ngày 30 Tết Giáp Ngọ) với sự tham gia của gần 2.000 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, đạt thành tích tốt trong học tập và các bạn sinh viên xa nhà không có điều kiện về quê ăn Tết.

Chương trình được trực tiếp truyền hình trên Đài Truyền hình TP.HCM - kênh HTV3 từ 18g00 đến 19g30 với nhiều tiết mục đặc sắc của các nghệ sĩ, ca sĩ nổi tiếng và các tiết mục đặc sắc được chọn trong Hội diễn Văn nghệ đồng hành của các em.

Sau 12 năm hình thành và phát triển, Tập đoàn Hoa Sen trở thành nhà sản xuất, kinh doanh tôn số 1 tại Việt Nam, là doanh nghiệp xuất khẩu tôn lớn nhất khu vực Đông Nam á.

Ý thức được trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng, Tập đoàn Hoa Sen không chỉ tập trung vào sản xuất kinh doanh mà luôn chú trọng thực hiện các



hoạt động xã hội đa dạng và thiết thực, dành cho nhiều đối tượng khác nhau, thông qua các hoạt động tài trợ cộng đồng và từ thiện xã hội như: Vượt lên chính mình, Mái Ấm Gia Đình Việt, Giải bóng đá Futsal... thương hiệu Hoa Sen đã thấm sâu vào trái tim người tiêu dùng với hình ảnh là một thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng.

Tiếp nối thành công chương trình Nick Vujicic tại Việt Nam, hưởng ứng cuộc vận động "Thanh niên sống đẹp - sống có ích" do Đại hội Hội LHTN Việt Nam phát động, Tập đoàn Hoa Sen phối hợp cùng Trung ương Hội LHTN Việt Nam, Báo Thanh Niên và kênh truyền hình Thanh niên VTV6 - Đài Truyền hình Việt Nam thực hiện chương trình "Tỏa sáng nghị lực Việt" diễn ra từ tháng 7/2013 đến tháng 5/2014 với nhiều hoạt động phong phú, các câu chuyện về tấm gương nghị lực sống đầy cảm động trên khắp nước.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG CẤP PHẬT HỌC
TỈNH ĐỒNG NAI

Xã Phước Tân – Thành Phố Biên Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc



*Chư
Chúc Tết*



Nhân dịp xuân Giáp Ngọ 2014 trở về trên quê hương đất nước Việt Nam thân yêu, giàu đẹp,
Ban Giám Hiệu kính chúc:

- Chư Tôn Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni.
- Quý Phật tử.

Thân tâm an lạc, vạn sự như ý

Kính thưa liệt quý vị!

Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai khóa VII, 2013 -2017 sĩ số 200 Tăng Sinh và 200 Ni Sinh đang học nội trú năm thứ nhất.

Đồng thời nhà trường hiện nay đang khởi công xây dựng chánh điện chùa Phật Hiện của Trường Trung Cấp đã đóng cọc xong phần trụ và đang tiếp tục đổ móng làm Tầng Trệt và tiếp theo là Tầng Lầu diện tích $40m \times 40m = 1600 m^2 \times 2 = 3200m^2$, kinh phí dự trù khoảng 20 tỷ đồng (hai mươi tỷ đồng Việt Nam).

Ban Giám Hiệu và Ban Kiến Thiết trông mong sự hỗ trợ, giúp đỡ, cúng dường tịnh tài, tịnh vật của quý Chư Tôn Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni, quý vị Phật tử xa gần.

Mọi sự cúng dường xin liên hệ trực tiếp với Ban Kiến Thiết tại Văn Phòng Trường Trung Cấp Phật Học xã Phước Tân – Thành phố Biên Hòa – Tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại : **0919 076 445 – 0613 558 626 – 0616 523 146**

Một lần nữa cầu nguyện Tam Bảo gia hộ Chư Tôn Thiện Đức và quý vị Phật tử.

Tâm Thành Nguyên Mãn

Đồng Nai, ngày 01 tháng 01 năm Giáp Ngọ
Chứng minh: Hòa Thượng Thích Minh Chánh

HIỆU PHÓ KIỂM CHÁNH THƯ KÝ

Hòa Thượng Thích Phước Tú
(Tỳ Tôn Tự)



HIỆU TRƯỞNG

Hòa Thượng Thích Nhật Quang
(Thiền Viện Thường Chiếu)

HIỆU PHÓ ĐẠC TRÁCH KIẾN THIẾT

Hòa Thượng Thích Quang Đạo
(Phước Viên Tự)

ĐẦU NĂM XÔNG ĐẤT DOANH NHÂN

Nhân dịp đầu xuân Giáp Ngọ - 2014, chúng tôi đến xông đất quý doanh nhân có mối quan hệ thân thiết với báo qua việc góp ý xây dựng, ủng hộ mua báo và đăng quảng cáo trên tạp chí Văn Hóa Phật Giáo; thiết thực góp phần cho sự phát triển của báo trong năm qua. Sau khi tiếp xúc và lắng nghe ý kiến của quý vị doanh nhân trải lòng với nhiều vấn đề xã hội quan tâm, chúng tôi xin mạn phép giới thiệu một số vị tiêu biểu và lược đăng để chia sẻ cùng bạn đọc gần xa.



Ông NGUYỄN VĂN ĐỨC
Giám đốc
Công ty Tư vấn-Thiết kế-Xây dựng TÂN và
Công ty Địa ốc Đất Lành
24 Phố Quang, P.12, Q.Tân Bình

Trong năm qua ngành xây dựng, địa ốc bất động sản gần như bó tay, khó khăn vô vàn về đầu ra dẫn đến hệ lụy như: không thu hồi vốn, không có khả năng hoàn nợ ngân hàng... mặc dù được Nhà nước ưu ái hỗ trợ gói 30.000 tỷ đồng cho người thu nhập thấp vay để mua nhà. Đây là một chủ trương đúng đắn nhằm khơi thông dòng chảy cho thị trường bất động sản nhưng thực tế thực hiện giải ngân không được bao nhiêu. Nguyên do là sự chuyển động của các bộ, ngành liên quan quá chậm, thiếu biện pháp khả thi... dẫn đến tiền thì có mà người thu nhập thấp đành phải chịu cảnh không nhà, ngành xây dựng bị bế tắc không thể tiếp tục các dự án và kinh doanh địa ốc đành giậm chân tại chỗ.

Thiết nghĩ, bước sang năm 2014 - Xuân Giáp Ngọ, cần được các bộ, ngành liên quan và ngân hàng rút kinh nghiệm, triển khai đồng bộ, có biện pháp khả thi trong hỗ trợ vốn tạo điều kiện, ưu đãi cho người thu nhập thấp, nhất là công nhân viên (vốn có đồng lương ổn định) sớm có nhà ở. Được như vậy sẽ vực dậy ngành xây dựng và phát triển đầu tư địa ốc - cũng là cách quan tâm sâu sắc chăm lo cho đời sống người dân và tăng thu cho ngân sách Nhà nước.



Ông NGUYỄN DUY MINH
Giám đốc
Interlog - Công ty Cổ phần Giao nhận
Tiếp vận Quốc tế
Tầng 5, tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất
Thành, P.12, Q.4

Tín ngưỡng là hệ thống các niềm tin mà con người tin vào để giải thích thế giới và để mang lại sự an lạc cho cá nhân và cộng đồng. Trong đó, đạo Phật chính là một hệ thống những giới răn hướng thiện, dẫn dắt con người từ bỏ cái ác để tìm về điều lành, đem những người con của Phật rời xa khổ đau để trở về cuộc sống an nhiên, tự tại.

Ở khía cạnh quản trị học, Ban Giám đốc và tập thể nhân viên Interlog còn học hỏi từ triết lý Phật giáo những bài học giá trị thực tiễn để điều hành doanh nghiệp:

- Chính sách chia sẻ có phần trực tiếp cho nhân viên là phương tiện hữu hiệu xóa bỏ giai cấp chủ - thợ, mọi người cùng hướng đến mục tiêu chung.

- Triết lý về Thân - Khẩu - Ý cho Interlog hiểu được phải tập trung chính sách lương, phúc lợi tốt cho nhân viên để giúp Thân của nhân viên được an ổn, từ đó thúc đẩy những suy nghĩ (Ý) tích cực, lời nói (Khẩu) tích cực trong phát triển doanh nghiệp.

- Triết lý về Hóa Thành Dụ để lập ra những mục tiêu vừa sức để nhân viên hoàn thành từng giai đoạn, không thể đốt cháy giai đoạn.

Bằng năng lực hiện tại của mình, trong năm 2014, Công ty CP Giao nhận Tiếp vận Quốc tế mong muốn tiếp tục góp sức cho công tác Phật giáo thông qua các loại hình dịch vụ vận chuyển ảnh tượng, văn hóa phẩm Phật giáo trong và ngoài nước, nâng cao tính kết nối hoạt động Phật giáo Việt Nam với thế giới.

Trong suốt một năm qua, Công ty chúng tôi vô cùng vinh hạnh nhận được sự ủng hộ của chư tôn thiện đức Tăng Ni và quý Phật tử. Nhân dịp Xuân Giáp Ngọ - 2014, Công ty CP Giao nhận Tiếp vận Quốc tế xin gửi lời tri ân đến toàn thể chư tôn thiện đức Tăng Ni và quý Phật tử và kính chúc một năm mới bình an và hạnh phúc.



Ông NGUYỄN NGỌC TUẤN
Giám đốc
Công ty Cổ phần 7P

491 D3, Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh.

Năm qua, Công ty Cổ phần 7P chúng tôi ra mắt thương hiệu Song Hỷ Trà với hai sản phẩm: Trà Cánh hạc - trà xanh đạt tiêu chuẩn VietGAP (Tân Cương, Thái Nguyên) và Trà Oo Long 68 - đạt tiêu chuẩn hữu cơ (Di Linh, Lâm Đồng). Đã đón nhận được sự quan tâm ưu ái, ủng hộ của chư tôn thiện đức Tăng Ni, Phật tử và khách hàng gần xa là niềm động viên rất lớn để chúng tôi phát triển danh trà Việt. Xin được gửi lời tri ân tới tất cả.

Bước sang năm mới, với ý nguyện giới thiệu danh trà Việt tới được nhiều người hơn nữa, chúng tôi sẽ kết hợp thực hiện các buổi thưởng Trà và thưởng ngoạn Ấm Tử Sa hoàn toàn miễn phí, do đội ngũ trà nhân của Song Hỷ Trà phục vụ tại các chùa có tổ chức lễ hoặc các hội nghị.

Thông qua thưởng trà, chúng tôi mong muốn đem đến sự thư giãn tới quý vị, như ngài Thiền sư Tuệ Tĩnh, thế kỷ 13 nhận xét: "Trà làm cho tâm hồn sáng khoái, thanh nhiệt cơ thể. Uống một tách trà vạn nỗi ưu phiền tan biến".



Ông TĂNG BÌNH TRỌNG
Pháp danh Minh Hiếu
Phó Giám đốc Thường trực
Công ty TNHH May XK Minh Phụng
278 Lãn Bình Thắng, P.11, Q.11

Trong cuộc sống, mọi người nên "Mở rộng vòng tay nhân ái" biết san sẻ, yêu thương bà con không may khốn khó gặp cảnh cơ cực và bất hạnh... Nhằm bảo đảm lâu dài cuộc sống ấm no, hạnh phúc, mọi người cần tham gia tích cực giải quyết "vấn nạn tham nhũng", vì hậu quả của nó là gây thất thoát công quỹ và làm nền đất nước. Do đó, người dân cần phải mạnh dạn đứng lên tố giác những hành vi tham nhũng, bất cứ ở nơi đâu, cơ quan nào mà mình biết được; Và cơ quan thanh tra cần có biện pháp hữu hiệu để bảo vệ người tố giác được an toàn, không bị trù giập, trả thù. Vấn đề tham nhũng nếu được phát hiện sớm sẽ không bị tổn thất về người và của. Tôi xin kiến nghị với Nhà nước áp dụng biện pháp phòng chống tham nhũng như: - Cần minh bạch tài chính gồm: Tài sản và thu nhập thường xuyên của công chức tại chức và đương quyền. Đây là yếu tố và là cơ sở so sánh quan trọng giúp cho cơ quan thanh tra sớm phát hiện ra những nguồn tăng bất thường về tài chính không minh bạch, dấu hiệu của tham nhũng; - Nhân sự của cơ quan thanh tra các cấp cần tinh gọn, có năng lực và thực quyền trong công tác khi tiếp nhận đơn thư tố giác của công dân về hành vi tham nhũng ở nhiều nơi, nhiều cấp. Như ông Lâm Đình Chiến, Chánh thanh tra TP.HCM đã phát biểu trong cuộc phỏng vấn của báo Sài Gòn GP ngày 14-1-2014: "...Kết quả thanh tra năm qua đã phát hiện 122/421 đơn vị có sai phạm về kinh tế với giá trị gần 130 tỷ đồng và hơn 66.000m² đất... Trong đó có 9 vụ thanh tra phát hiện có sai phạm liên quan đến tham nhũng... Nguyên nhân của tình trạng tham nhũng đã được nhiều nơi, nhiều cấp nói đến. Theo tôi, nguyên nhân chính thuộc về trách nhiệm người đứng đầu và cấp ủy Đảng đã thiếu quan tâm chỉ đạo, có nơi buông lỏng lãnh đạo. Nơi nào mà người đứng đầu và cấp ủy Đảng có thái độ kiên quyết và có trách nhiệm chính trị cao, tôi nghĩ nơi đó sẽ không có tham nhũng..."

**Nghệ nhân NGUYỄN HỮU THAO**

Ủy viên BCH Hiệp hội Làng nghề VN
Cơ sở Điều khắc gỗ Thiên Phú Thọ
 69/5K ấp Mỹ Hòa 1, xã Trung Chánh,
 huyện Hóc Môn

Nhìn lại chặng đường đổi mới của đất nước, chúng ta mới thấy được niềm hạnh phúc vô biên về sự thay da đổi thịt của nền kinh tế nước nhà. Từ bước ban đầu, ai ai cũng chỉ cầu mong đủ ăn, đủ mặc là hạnh phúc lắm rồi. Nay nước nhà vững mạnh, xuất khẩu khắp nơi, sánh vai cùng bè bạn năm châu. Cuộc sống được nâng cao về vật chất lẫn tinh thần, nhất là đời sống tâm linh cũng được hướng thiện. Mọi người tìm về quy ngưỡng Phật pháp thể hiện qua: tu học, hành thiện, bố thí, tạc tượng... Đặc biệt, nét đẹp quốc hồn, quốc túy được cổ xúy, nhất là về tượng ảnh, phong cách từ thời dựng nước của vua Hùng và qua các triều đại về sau như Đinh, Lê, Lý, Trần... Vượt qua quan điểm lệ thuộc, vọng ngoại các hình ảnh tượng của Trung Quốc và Đài Loan, nay chúng ta chủ động chuyển sang nghệ thuật mang đậm nét đẹp nhân văn và tâm linh hồn Việt đến với mọi nhà... Trong lãnh vực điêu khắc tượng Phật, Bồ-tát và La-hán cũng được chư tôn thiện đức, quý Phật tử quan tâm đặt hàng chế tác trong nước. Nhờ vậy, các tôn tượng trở nên gần gũi hơn từ vẻ đẹp, phong cách Việt đạt đỉnh cao về giá trị tâm linh và giảm thiểu phí tổn rất nhiều...

Nhân đầu năm mới, chúng tôi cung kính chúc chư tôn thiện đức Tăng Ni các tịnh xá, tự viện, quý Phật tử được *"vô lượng an lạc, phước trí trang nghiêm"*.

Thay mặt Cơ sở Điều khắc gỗ Thiên Phú Thọ, tôi xin trân trọng tri ân chân thành đến chư tôn thiện đức Tăng Ni, Phật tử, quý độc giả và quý khách hàng gần xa đã không ngừng xây dựng và đóng góp cho trang web: dieukhacgo.vn trở thành một địa chỉ tham quan và đặt hàng đáng tin cậy.

**Bà LÊ THỊ THANH THÚY**

Pháp danh Nhuận Huệ Ý
Giám đốc

Nhà hàng chay Sân vườn Thiền Ý
 36 Trần Quý Cáp, P.11, Q.Bình Thạnh

Trong giai đoạn xã hội phát triển hiện nay, vấn đề sức khỏe của con người là điều đáng quan tâm nhất. Càng ngày con người càng lạm dụng thuốc, hóa chất càng nhiều trong lĩnh vực sản xuất thực phẩm. Thức ăn gia súc hiện nay không còn đơn thuần là cám, gạo và rau... mà kèm vào đó là thuốc tăng trưởng nhằm thu ngắn thời gian thu hoạch, đạt hiệu quả kinh tế cao. Song hậu quả của việc làm này thật đáng sợ, càng ngày bệnh ung thư càng phát triển với tốc độ chóng mặt và đây là vấn đề chúng ta cần quan tâm để vạch ra một *"Thực đơn sống"* ngăn ngừa giảm bớt bệnh tật, kéo dài tuổi thọ cho bản thân mình và những người thân. Do vậy, việc dùng rau xanh, đạm thực vật là biện pháp tối ưu để bảo vệ sức khỏe. Mặt khác, ăn chay còn giúp chúng ta trường dưỡng hạnh lành từ bi, là một giới trong việc giữ năm giới của người con Phật.

Với không gian rộng rãi, yên tĩnh, Nhà hàng chay Sân vườn Thiền Ý đã được chư tôn thiện đức Tăng Ni, quý Phật tử và khách hàng xa gần nhiệt tình ủng hộ. Song song đó, vốn là một cơ sở sản xuất nữ trang từ hơn 20 năm qua, tôi đã mạnh dạn nghiên cứu đưa hình ảnh Phật vào trang sức của mình, từ đó hệ thống *"Trang sức tâm linh"* đã được hình thành và phát triển. Hiện nay chúng tôi đã có 3 showroom tại quận 1 và Bình Thạnh. Đặc biệt, trang sức có cầu thần chú Lục tự đại minh chân ngôn "OM MANI PAD ME HUM" vẫn đang được phát triển trong và ngoài nước. Và tôi còn đang nghiên cứu, thiết kế thêm nhiều sản phẩm trang sức tâm linh, nhằm tạo cho hình ảnh Phật giáo được tôn vinh, quảng bá rộng rãi, góp phần nhỏ bé làm cho đạo Phật ngày càng phát triển hơn nữa.

Nhân dịp trước thềm năm mới Xuân Giáp Ngọ - 2014, cung kính chúc chư tôn thiện đức Tăng Ni *"Phước thọ miền trường, chúng sanh dị độ"*, trân trọng kính chúc quý Phật tử và quý khách hàng được *"vô lượng an lạc, vạn sự kiết tường và như ý"*.

**Ông NGUYỄN TRUNG TOÀN**

Pháp danh Thiện Hạnh
Giám đốc

Công ty Du lịch & Dịch vụ Hoa Thiên
 R4 Ba Vi, phường 15, quận 10

Trong năm qua, ngành du lịch nói chung và du lịch truyền thống nói riêng có phần giảm sút hơn 30% so với năm 2012. Nguyên do, vì nền kinh tế toàn cầu suy giảm, tác động đến kinh tế nước ta. Từ đó, quỹ dành cho vui chơi giải trí, du lịch tập thể và cá nhân bị eo hẹp, giảm bớt là điều khó tránh khỏi.

Năm 2014, kinh tế toàn cầu được vực dậy và có phần khởi sắc, là điều kiện khả thi cho ngành du lịch phát triển. Công ty chúng tôi đã có kế hoạch tour cho toàn năm 2014, trong đó du lịch truyền thống với các tour hấp dẫn đi đến Ấn Độ - Nepal, Miến Điện, Trung Quốc, Đài Loan, Tây Tạng và còn phát triển mở rộng thêm tour đi Bhutan, Nhật, Hàn, Mỹ và các nước ở châu Âu. Trung bình mỗi tháng, Công ty chúng tôi sẽ tổ chức từ 2 đến 4 tour. Ưu tiên các chùa, tự viện, công ty tổ chức cho tập thể đi trọn gói sẽ được giảm phí và chư Tăng Ni đi lẻ cũng được hưởng giá ưu đãi.

Mong rằng sẽ có nhiều công ty du lịch tham gia tổ chức tour để phục vụ khách đi du lịch tham quan và hành hương tâm linh trong và ngoài nước. Tuy nhiên, vấn đề cạnh tranh cần phải lành mạnh thông qua giá cả hợp lý, xứng tầm với dịch vụ phục vụ. Được vậy sẽ tạo duyên lành cho nhiều du khách đến với Phật tích và thắng tích...

Trước thềm năm mới Giáp Ngọ - 2014, trân trọng kính chúc chư tôn thiện đức Tăng Ni, quý Phật tử và quý khách gần xa một năm mới luôn được an lành, thành tựu mọi công việc Phật sự và thế sự.

**Nghệ nhân NGUYỄN ĐỨC THIỆN**

Pháp danh Nguyên Bình

Xưởng Điều khắc đá Mỹ nghệ cao cấp Mỹ Hào

225B, tổ 5, Thiên Bình, Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai - Cơ sở giao dịch: 13/18A đường số 18, tổ 37, P.Linh Chiểu, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Nghệ điêu khắc đá lao động khá vất vả. Nghệ nhân cần có đức tính khiêm cung và trong quá trình tạc tượng phải hạn chế tối đa sự sai sót xảy ra vì sẽ làm ảnh hưởng chất lượng sản phẩm. Nhằm

phần đầu đạt đến sự yêu thích của khách hàng và sự tôn vinh của xã hội về Làng nghề tạc tượng đá, đòi hỏi nghệ nhân luôn luôn phấn đấu miệt mài trong nghệ thuật điêu khắc để đạt được độ hoàn mỹ trong lãnh vực *"tạc tượng truyền thần"*. Ngoài đôi bàn tay khéo léo, lòng đam mê nghệ thuật và yêu nghề, nghệ nhân còn nhập thần để hướng trọn tâm mình vào pho tượng đang điêu khắc, tạo nên nét tuyệt mỹ gần đạt với ảnh chụp hay bản vẽ thiết kế; đạt đến độ *"thổi hồn vào đá"*. Vì vậy, khi nghệ nhân điêu khắc tôn tượng Phật và Bồ-tát cần phải lắng lòng thanh tịnh để khởi tâm chánh niệm về thân tướng - thần tướng trang nghiêm của các Ngài, cũng như nương theo 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp của Phật...

Trong thời gian qua, được sự tin yêu của chư tôn thiện đức Tăng Ni và quý Phật tử đã thiết thực giúp cho xưởng điêu khắc đá Mỹ nghệ cao cấp Mỹ Hào phát triển, kết tạo duyên lành cho xưởng chúng tôi chế tác được nhiều tôn tượng Phật, Bồ-tát, La-hán và chân dung của chư vị trụ trì quá vãng của các chùa trong nước và hải ngoại như Mỹ, Đức, Pháp, Úc và Thánh địa Tỳ Xá Li (Ấn Độ)... Chúng tôi vô cùng cảm tạ ân đức của chư liệt vị và nhân đầu xuân mới, xin cung kính cung chúc chư tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử được *"thân tâm an lạc, vạn sự kiết tường như ý"*.

Thay mặt Đoàn đi chúc Tết
Nguyễn Bổng, PD.Pháp Tuệ
Trị sự Tạp chí VHFG



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – phường 8 – quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P.8 – Q.3 – TP.HCM)

Tel: 08.38482028

Bộ *Thủy lục chư khoa* do dịch giả Quảng Minh thực hiện. Đây có thể nói là bản dịch hoàn chỉnh đầu tiên của bộ này, giúp độc giả có được một hiểu biết về những hình thái tín ngưỡng Phật giáo của dân tộc ta. Về mặt lịch sử, *Thủy lục chư khoa* chủ yếu xuất hiện vào thế kỷ thứ XVII-XVIII, mà một trong những người có đóng góp to lớn cho sự hình thành, đó là Thiền sư Chân Nguyên Tuệ Đăng (1647-1727). Nó là một kết tinh của quá trình tiếp biến văn hóa Trung Quốc để phục vụ cho yêu cầu tín ngưỡng của đất nước ta thời bấy giờ.

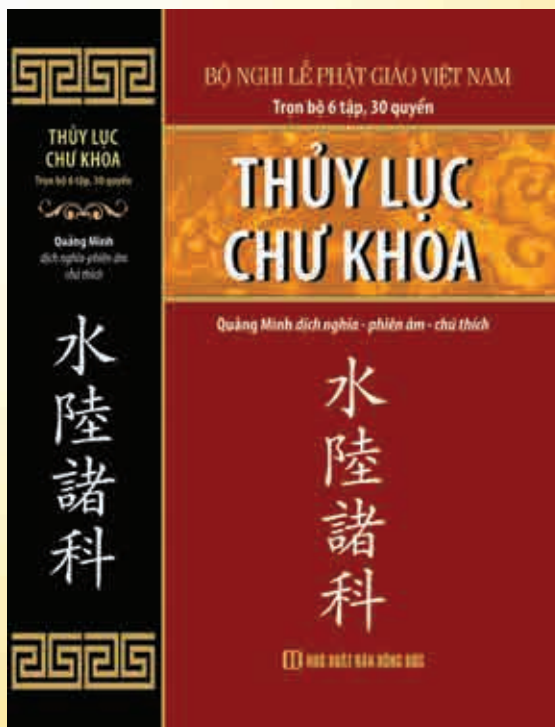
Sự thật, lễ nhạc của Phật giáo Việt Nam xuất hiện rất sớm trong lịch sử dân tộc. Ngay từ giữa thế kỷ thứ III sau CN, Khương Tăng Hội đã sáng tác bài *Nê hoàn bô* từ nước ta, rồi đem truyền cho Trung Quốc và trở thành một trong những người sáng lập ra nền lễ nhạc Phật giáo Trung Quốc. Dần dà về sau, nền lễ nhạc Phật giáo Việt Nam vẫn phát triển với những sáng tạo mới.

... có thể nói hiện tại chúng ta sở hữu hai truyền thống thủy lục khác nhau, được đánh dấu bởi hai bài văn tế bằng tiếng Việt của hai nhà thơ lớn của dân tộc. Đó là *Thập giới cô hồn văn* của Lê Thánh Tông và *Chiêu hồn văn* hay còn gọi là *Văn tế thập loại chúng sanh* của Nguyễn Du.

... khi đọc *Thủy lục chư khoa* qua bản dịch của dịch giả Quảng Minh, sẽ định vị được những đóng góp của Phật giáo nước ta cho những hình thái tín ngưỡng khác nhau trong Phật giáo.

Chúng tôi vui mừng giới thiệu bản dịch này đến bạn đọc mười phương.

GS. Lê Mạnh Thát



Tư tưởng Phật, Nho và Đạo, còn gọi là Tam giáo đồng nguyên, bằng bạc trong *Thủy lục chư khoa*. Sở dĩ nói Tam giáo đồng nguyên là bởi cả ba tư tưởng Đông phương đều tuyên bố cái Thực tại đồng nhất thể, vừa siêu nhiên, vừa tiềm tàng của thế giới. Phật giáo chủ trương “kiến tánh” (見性, thấy tánh): Phật tức tâm, tâm tức Phật (佛即心, 心即佛); Đạo giáo chủ trương “nhập tánh” (任性, xuôi theo tự nhiên): Đạo sanh nhất, nhất sanh nhị, nhị sanh tam, tam sanh vạn vật; (道生一, 一生二, 二生三, 三生萬物) và Nho giáo chủ trương “suất tánh” (率性, tuân theo): Thiên mệnh chi vị tánh (天命之謂性). Cái Thực tại đồng nhất thể ấy còn là đối tượng của cái biết mà đạo đức học đặt làm cứu cánh cho hành vi nhân sanh, vì đã ý thức được sự quan hệ hỗ tương giữa mình với người là một, giữa tâm với vật là một. Chuyên chở cho tư tưởng Tam giáo đồng nguyên vừa nêu là văn bản *Thủy lục chư khoa*. Văn bản ấy thuộc về văn chương bác học, bởi lẽ những ngôn từ, cú pháp, điển tích, thuật ngữ, pháp số, thể văn biến ngẫu... là kết quả của sự chất lọc tinh hoa Phật học và thế học của chư vị cao tăng thực đức, là một kho tàng văn hóa phi vật thể quý báu cần được khám phá và gìn giữ. Văn bản này mở ra một cái nhìn mới, cách tiếp cận và đánh giá mới về văn học Phật giáo đời Trần, qua văn bản học cũng như mặt nghi lễ.

Quảng Minh

Khoa cúng trong nghi lễ Phật giáo là một văn bản bác học của đạo Phật.

Phật giáo Việt Nam có cả một kho tàng văn bản như thế, di sản văn hóa này vẫn còn được lưu giữ và hành trì trong các sơn môn, tổ đình. Cũng có lúc như bị bỏ quên, để rồi nhiều khi phải vất vả tìm cầu thật rất đáng tiếc. Nhưng may mắn thay! Vẫn còn có những người tri kim cổ như cư sĩ Quảng Minh, anh đã phát tâm làm việc chuyên ngữ, chú thích để giới thiệu đến các nhà nghiên cứu một tài liệu quý giá, lại cũng giúp cho các đạo tràng được tùy duyên ứng phó, sự lý dung thông. Như lời dịch giả đã nói: “phải đến để mà thấy, phải đọc để mà biết”. Thấy và biết rằng Phật giáo Việt Nam ta cũng có một kho tàng vô giá của tiền nhân đã để lại cho hậu thế. Bộ *Thủy lục chư khoa* chuyên ngữ này có thể nói là một việc làm có ý nghĩa, đóng góp rất lớn trong công tác Việt hóa nghi lễ của Phật giáo Việt Nam thời cận đại.

Chúng tôi nhất tâm tùy hỷ công đức thù thắng này. Xin thành kính giới thiệu hải chúng mười phương, nguyện Pháp bảo được lưu thông vô ngại.

Tỳ-kheo Lê Trang



CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pali và Sanskrit.

CHÚC MỪNG KHAI TRƯƠNG

Cửa hàng đá quý Mỹ Ngọc vừa khai trương ngày 18-1-2014 tại địa chỉ số 124/19 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.21, Q.Bình Thạnh, TP.HCM, Tel.: 0903 101 699. Với nhiều mặt hàng về văn hóa phẩm Phật giáo và phong thủy như: Đá trang sức, đá mỹ nghệ, đá phong thủy, gỗ mỹ nghệ...

Xin chúc mừng **Cửa hàng đá quý Mỹ Ngọc** vừa được hòa nhập và góp phần phong phú văn hóa phẩm Phật giáo trong thành phố.

Trân trọng giới thiệu với chư tôn thiện đức Tăng Ni, quý Phật tử và khách hàng gần xa để dành chút thời gian đến tham quan và tùy duyên mua ủng hộ.

Trị sự Tạp chí VHPG



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Tác phẩm Cửu Long - đá mã não VN - cao 3.5m, nặng 5 tấn



Tác phẩm Lương Long - đá mã não VN - dài 2m, nặng 5 tấn



Sản phẩm đá quý của COASTAL GEMS được bán tại:
Showroom COASTAL GEMS: 86 Nguyễn Hồng Đào, P.15, Q. Tân Bình, Tel: 0938849886 - 0722896668
Chuyên: trang trí, tượng Phật, Tứ linh
COASTAL GEMS - GEMSTONE FOR HOME DECORATION
Website: www.coastalgems.com.vn



LỚP HƯỚNG DẪN



Thư pháp theo phong cách **Thiền Phật Giáo**

○ **Khai giảng: ngày 1 và 15 mỗi tháng**

○ **Tại chùa ĐẠI HẠNH:**

107/4 Ngô Đức Kế, P.12, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

○ **Thời gian học:** Từ 8 giờ đến 10 giờ sáng thứ Hai hoặc Chủ nhật hàng tuần

○ **Học phí:** 200.000đ/1 học viên/1 tháng

○ **Nhận tổ chức triển lãm Tâm thư pháp cho các đơn vị có nhu cầu (miễn phí)**

○ **Liên hệ:** Tại địa chỉ trên hoặc điện thoại **0909 660 825** (gặp Thầy Chính Trung)

TUYỂN NHÂN VIÊN BÁN HÀNG

Cần tuyển nhân viên bán hàng, điều kiện như sau:

- Nữ, tuổi từ 18 - 35, sức khỏe tốt.
- Tốt nghiệp THPT (biết tiếng Anh là một ưu thế).
- Làm việc theo ca từ 8h30' đến 14h30' và từ 14h30' đến 20h30' hàng ngày.
- **Lương cơ bản:** 3 triệu đồng + lương doanh thu.
- **Hồ sơ xin việc bao gồm:** đơn xin việc, sơ yếu lý lịch (có chứng nhận địa phương), bằng cấp tốt nghiệp THPT.
- **Xin liên hệ:** Shop Hồng Thảo 41B (tầng trệt) Trung tâm thương mại Saigon Square. 77- 89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, TP.HCM

Cô Hồng Thảo (HP: 0909 098 618 - Email: hongthao@yahoo.com.vn)



CỬA HÀNG VĂN HOÁ PHẨM PHẬT GIÁO

NHƯ ĐỨC

Pháp phục - Pháp khí
Kính - Sách - Ấn phẩm Phật giáo
Tranh tượng Phật

530 Điện Biên Phủ, P.11, Q.10, TP.HCM (Ngã 3 Điện Biên Phủ - Bàn Cờ)
ĐT: 08.22419056 - 08.22419057 ĐD: 0908808836
Email: nguyengkimhien1958@yahoo.com

BẢO LONG

CHUỐI GỖ

Chuyên: Sản Xuất & Phân Phối
CHUỐI GỖ CÁC LOẠI

47/14 - Đường 12 - Kp4 - P. Tam Bình - Q. Thủ Đức
ĐD: 090 88 77 912

Cùng nhau hùn phước

Tạc tượng THẬP BÁT LA-HÁN

Chúng tôi theo đoàn hành hương thập tự đến viếng và chiêm bái Xá-lợi Phật ở ngôi tháp 7 tầng của chùa Hạnh Nguyên vừa được khánh thành năm qua và có duyên đánh lễ HT.Thích Thiện Xuân, Trưởng ban Trị sự GHPGVN quận Tân Phú, trụ trì và chư Tăng.

Được biết, vào ngày mùng 6 Tết Giáp Ngọ, chùa làm lễ tạc tượng 18 vị La Hán, mỗi pho tượng cao 1,3m bằng gỗ Pơ-mu.

Tôn tượng Thập bát La Hán sau khi hoàn thành sẽ được tôn trí hai bên chánh điện mới của chùa. Việc tạc các tôn tượng được giao cho *Cơ sở điêu khắc gỗ Thiên Phú Thọ* và đích thân *nghe nhân Nguyễn Hữu Thọ*, chủ cơ sở đảm trách và bảo trì vô thời hạn. Nghệ nhân Nguyễn Hữu Thọ là người nổi tiếng về điêu khắc gỗ truyền thần các tôn tượng Phật, Bồ-tát, La-hán và Tổ sư Minh Đăng Quang...

Thiết nghĩ với Phật sự cao quý này sẽ tạo duyên lành cho quý Phật tử vun bồi công đức. Nên chúng tôi có tác bạch cùng Hòa thượng trụ trì và được ngài hứa khả cho phép quý Phật tử gần xa tùy tâm góp phần công đức.

Xin liên hệ trực tiếp: Chùa Hạnh Nguyên, 01 Lũy Bán Bích, P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, TP.HCM – ĐT: 090 8472312.

Phật tử PHÁP TUỆ-TÂM CAO kính báo



Một số tôn tượng mẫu trong Bộ Thập bát La-hán điêu khắc bằng gỗ



pháp uyển

QUÁN CHAY - DHARMA FOODS
Email: quanchay@phapuyen.com

1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 35 035 579 - 0933 878 956

2 72/1B. Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 650 - 0919 190 177

DHARMA GARDEN
website: www.phapuyen.com - email: lienhe@phapuyen.com



NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS
Email: nhасach@phapuyen.com

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 818 - 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ, quả lưu niệm, pháp phục Tăng Ni, cư sĩ...

ăn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ăn tổng

y phục: nhận may pháp phục và đồng phục



Công ty TNHH SX-TM QUANG NGHỆ
QUANG NGHỆ CO., LTD.
NÉNH THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
Website: www.quangnghecandle.com



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM
Phụ Kim Ngọc & Sonnet

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lư:

- Móc khóa, quả lưu niệm
- Quả tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466
(08) 3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com - Website: www.sgpk360.com
Showroom: 376/B Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



DIÊU TƯỜNG AM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

Mừng
Xuân
Đi
Lạc

Kính chúc

*Chư Tôn Thiền Đức Tăng - Ni
cùng Quý Phật Tử
Một năm mới thân tâm thường lạc
Phật sự viên mãn*



DIÊU TƯỜNG AM 3/2
212 Ba Tháng Hai, P.12, Q.10, Tp.HCM.
ĐT: (08) 38 684 913

DIÊU TƯỜNG AM NAM KỲ
382B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM.
ĐT: (08) 38 484558

www.dieutuongam.com

Chúc Mừng Năm Mới



HT - THÍCH THANH TỪ



Sư bà - HẢI TRIỀU ÂM



Đức tổ sư - MINH ĐĂNG QUANG



Nghệ nhân Nguyễn Hữu Thọ

08 37 18 18 18 - 01 222 999 666 - 01 666 000 666

Email: dkhuuthao@gmail.com - Website: dieukhacgo.vn